



TỔNG CÔNG TY
PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ
MCK: DPM

BƯỚC TIẾN
HÀNH TRÌNH **MỚI**

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018

NỘI DUNG

Tầm nhìn - Sứ mệnh	04
Thông điệp của Ban lãnh đạo Tổng công ty	06

1

GIỚI THIỆU TỔNG QUAN PVFCCo

Thông tin chung	10
Các mốc phát triển quan trọng	12
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	14
Định hướng phát triển	16

2

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, CƠ CẤU TỔ CHỨC & NHÂN SỰ

Mô hình quản trị	20
Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty mẹ	21
Các công ty có liên quan	22
Sơ đồ tổ chức	24
Giới thiệu Hội đồng quản trị	26
Giới thiệu Ban điều hành	29
Giới thiệu Ban kiểm soát	32
Tổ chức và nhân sự	34
Thống kê số liệu về sản xuất, kinh doanh Đạm Phú Mỹ của Tổng công ty	38

3

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Báo cáo tình hình sản xuất, kinh doanh năm 2018	42
<i>Nhận định các yếu tố rủi ro chính</i> ««	42
<i>Tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh</i> ««	44
<i>Công tác đầu tư dự án và đầu tư khác</i> ««	48
<i>Tình hình tài chính của Tổng công ty</i> ««	49
Báo cáo của Ban Tổng giám đốc	50
<i>Đánh giá chung</i> ««	50
<i>Phân tích tình hình tài chính</i> ««	52
Các danh hiệu đạt được trong năm 2018	54

4

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Danh sách thành viên HĐQT, BDH, BKS năm 2018	58
Thay đổi trong HĐQT, BDH, BKS	59
Cơ cấu vốn cổ phần và cổ đông	60
Báo cáo về quản trị công ty	62
<i>Các đánh giá của HĐQT</i> ««	62
<i>Các kế hoạch, định hướng của Tổng công ty năm 2019</i> ««	65
Báo cáo về hoạt động của HĐQT năm 2018	66
Báo cáo hoạt động của BKS	73
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích khác của HĐQT, BTGD và BKS	76
Báo cáo quản trị rủi ro	80
Báo cáo hoạt động quan hệ nhà đầu tư	88

5

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Báo cáo tổng quan về phát triển bền vững	92
Báo cáo về công tác an toàn, sức khỏe và bảo vệ môi trường	98
Báo cáo về hoạt động trách nhiệm xã hội năm 2018	103

6

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo của Ban Tổng giám đốc	106
Báo cáo kiểm toán độc lập	108
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	110
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	112
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	113
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	115

TẦM NHÌN

Phát triển trở thành doanh nghiệp hàng đầu của Việt Nam và trong khu vực về lĩnh vực sản xuất và kinh doanh phân bón và hóa chất phục vụ ngành dầu khí.

SỨ MỆNH

Sản xuất, cung ứng nguồn phân bón và hóa chất phong phú, đáng tin cậy với giá cả hợp lý và điều kiện tốt nhất cho khách hàng trên cơ sở đảm bảo hiệu quả sản xuất, kinh doanh, góp phần tích cực vào sự phát triển bền vững của nền nông nghiệp và kinh tế đất nước.



Với các nguồn lực đã tích lũy cùng khát vọng không ngừng vươn lên, sự đoàn kết, nỗ lực hết mình của tập thể người lao động, sự quan tâm, đồng hành, ủng hộ của các cổ đông và khách hàng, Tổng công ty chắc chắn sẽ tiếp tục truyền thống vinh quang của mình, vững vàng tiến lên phía trước, với một Bước tiến mới - Hành trình mới.

Kính gửi quý Cổ đông và Nhà đầu tư,

Năm 2018 Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP (PVFCCo) đánh dấu những bước tiến quan trọng trong chặng đường 15 năm thành lập và phát triển.

Tổng công ty đã khẳng định vị thế là một trong những doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh hàng đầu trong lĩnh vực chế biến dầu khí, nằm trong nhóm 150 doanh nghiệp lớn nhất nước. Nhà máy đạm Phú Mỹ liên tục hoạt động bằng và vượt công suất thiết kế, Tổ hợp NPK Phú Mỹ với công nghệ hóa học đầu tiên tại Việt Nam đã đi vào hoạt động. Tổng công ty có đội ngũ nhân sự vững vàng, hệ thống quản trị hiện đại, hệ thống phân phối rộng lớn, thương hiệu Phân bón Phú Mỹ đứng số 1 trong ngành phân bón và trong nhóm 40 thương hiệu giá trị nhất Việt Nam. Bên cạnh phân bón, PVFCCo cũng từng bước ghi dấu ấn trong lĩnh vực hoá chất, đặc biệt là hoá chất chuyên dụng, hoá chất dầu khí. Tổng công ty còn là đơn vị tích cực triển khai công tác khuyến nông, an sinh xã hội, tập trung chủ yếu ở các vùng nông thôn, góp phần thực hiện chính sách Tam nông của Đảng, Nhà nước và là sự chăm lo thiết thực của Tổng công ty dành cho bà con nông dân.

Những thành tích đạt được trong chặng đường đã qua, ghi dấu quyết sách đúng đắn của Chính phủ, các bộ/ngành và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam trong những ngày đầu hình thành dự án, sự đồng hành của các cổ đông sau khi chuyển đổi mô hình hoạt động, nỗ lực đóng góp tích cực của tập thể ban lãnh đạo và toàn thể người lao động Tổng công ty qua các thời kỳ.

Đứng trên vị thế như vậy hướng về tương lai phía trước, bên cạnh những thành quả đã đạt được cùng những yếu tố thời cơ thuận lợi Ban lãnh đạo Tổng công ty cùng toàn thể người lao động Tổng công ty ý thức sâu sắc, nghiêm túc về những thách thức đã, đang và sẽ tác động đến sự phát triển của Tổng công ty.

Trước hết, mặc dù được quan tâm bảo dưỡng tốt, nhưng sau 15 năm liên tục hoạt động với công suất tối đa Nhà máy đạm Phú Mỹ có nhiều rủi ro tiềm ẩn về thiết bị vận hành. Bên cạnh đó, Tổ hợp NPK Phú Mỹ vừa mới đi vào hoạt động cũng đặt ra nhiều thách thức trong vận hành và tiêu thụ sản phẩm.

Tiếp theo là về nguồn khí với chi phí ngày càng cao cộng thêm ảnh hưởng khó lường từ sự bất ổn trên thị trường dầu mỏ thế giới, tạo ra thách thức lớn trong việc kiểm soát và giảm giá thành sản phẩm.

Về thị trường tiêu thụ, Tổng công ty cũng phải đối mặt với thị trường đầu ra ngày càng cạnh tranh gay gắt, đặc biệt sau khi Việt Nam tham gia hàng loạt Hiệp định tự do thương mại và ảnh hưởng ngày càng nặng nề của biến đổi khí hậu.

Về nguồn lực, bước sang giai đoạn phát triển mới với sự mở rộng về quy mô, Tổng công ty đứng trước nhu cầu cấp bách xây dựng đội ngũ kế cận, tái cấu trúc và tinh gọn bộ máy tổ chức đang trở nên cồng kềnh, thiếu linh hoạt.

Với ý thức đó, Ban lãnh đạo Tổng công ty tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản trị theo hướng minh bạch, hiện đại; đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo, tập trung chỉ đạo giải quyết các vấn đề then chốt, trọng yếu; tăng cường phân cấp, phân quyền gắn với trách nhiệm và giám sát chặt chẽ; hoàn thiện hệ thống các văn bản quản trị.

Trên cơ sở phát huy năng lực cốt lõi, lợi thế về thương hiệu, tài chính, nhân sự và hệ thống quản trị, phân phối, Tổng công ty tiếp tục đẩy mạnh công

tác nghiên cứu phát triển nhằm đa dạng hoá bộ sản phẩm, chú trọng những sản phẩm mới phù hợp với thị trường và xu hướng nông nghiệp hiện đại, xanh, sạch, thích ứng với biến đổi khí hậu; linh hoạt, kịp thời tận dụng các cơ hội sản xuất, kinh doanh khả thi; giữ vững thị trường hiện hữu, đẩy mạnh phát triển, chiếm lĩnh các phân khúc mới để gia tăng sức mạnh và đảm bảo Tổng công ty phát triển bền vững.

Tổng công ty cũng sẽ tiến hành tái cấu trúc, tinh gọn bộ máy, tối ưu hóa nguồn nhân lực, tiếp tục kiến tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, khuyến khích sự phân biện, sáng tạo.

Trong sản xuất, Tổng công ty tập trung thực hiện tốt công tác vận hành, duy tu, bảo dưỡng và làm chủ công nghệ, dây chuyền mới để Nhà máy hoạt động ổn định, liên tục, an toàn, hiệu quả, đảm bảo chất lượng sản phẩm và gìn giữ môi trường.

Trong kinh doanh, Tổng công ty tập trung hoàn thiện cả hệ thống và từng mắt xích trong chuỗi phân phối, tiêu thụ theo hướng bền vững, phát huy vai trò và củng cố thế mạnh của các công ty vùng miền tại từng khu vực.

Tổng công ty cũng sẽ đẩy mạnh khai thác tối ưu các cơ sở vật chất, nguồn lực tài chính một cách tiết kiệm, hiệu quả, tránh lãng phí.

Khởi đầu năm 2019, với các nguồn lực đã tích lũy được cùng khát vọng không ngừng vươn lên, sự đoàn kết, nỗ lực hết mình của tập thể người lao động, sự quan tâm, đồng hành, ủng hộ của các cổ đông và khách hàng, Tổng công ty chắc chắn sẽ tiếp tục truyền thống vinh quang của mình, vững vàng tiến lên phía trước, với một Bước tiến mới - Hành trình mới.

Xin trân trọng cảm ơn sự quan tâm, tin nhiệm và đồng hành của Quý cổ đông, Nhà đầu tư với cổ phiếu DPM và với Ban quản trị, điều hành của Tổng công ty.

TM. Ban lãnh đạo,

Chủ tịch Hội đồng quản trị

NGUYỄN TIẾN VINH



1

GIỚI THIỆU TỔNG QUAN PVFCCo

Thông tin chung

Các cột mốc phát triển quan trọng

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Định hướng phát triển



THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Tên giao dịch:** Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP**Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:** 0303165480**Vốn điều lệ:** 3.914.000.000.000 đồng**Vốn đầu tư của chủ sở hữu:** 3.914.000.000.000 đồng**Địa chỉ:** 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh**Số điện thoại:** (+84.28) 3825 6258**Số fax:** (+84.28) 3825 6269**Website:** www.dpm.vn**Mã cổ phiếu:** DPM

VỐN ĐIỀU LỆ

\$ 3.914

TỶ ĐỒNG

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN**Ngày thành lập**

Công ty Phân đạm và Hóa chất Dầu khí (nay là Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP) là thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, được thành lập theo Quyết định số 02/2003/QĐ-VPCP ngày 28/03/2003 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ và chính thức đi vào hoạt động từ ngày 19/01/2004.

Ngày 21/9/2004, Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP đã tiếp nhận Nhà máy đạm Phú Mỹ từ Tổ hợp nhà thầu Technip - Samsung và chính thức quản lý, vận hành đưa sản phẩm phân urê thương hiệu Đạm Phú Mỹ ra thị trường.

Quá trình đổi mới doanh nghiệp**Từ Doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty Cổ phần**

Ngày 15/03/2007, Bộ Công nghiệp đã ra Quyết định số 793/QĐ-BCN về việc phê duyệt phương án và chuyển đổi Công ty Phân đạm và Hóa chất Dầu khí với 100% vốn nhà nước thành Công ty Cổ phần Phân đạm và Hoá chất Dầu khí hoạt động theo mô hình công ty cổ phần.

Ngày 21/04/2007, Công ty đã thực hiện thành công việc chào bán 40% cổ phần ra công chúng tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán TP. HCM.

Ngày 30/06/2007, Công ty đã tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông thành lập công ty cổ phần, thông qua Điều lệ công ty, bầu Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và thông qua các kế hoạch kinh doanh sau khi công ty cổ phần chính thức đi vào hoạt động.

Ngày 31/08/2007, Sở Kế hoạch Đầu tư TP. HCM đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký số 4103007696 và Công ty cổ phần Phân đạm và Hóa chất Dầu khí chính thức đi vào hoạt động.

Niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM (HOSE)

Ngày 29/10/2007, Công ty đã hoàn tất các thủ tục đăng ký niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán TP. HCM (HOSE) và ngày 05/11/2007, Công ty đã chính thức niêm yết 380 triệu cổ phiếu trên sàn HOSE. Công ty niêm yết bổ sung 11,4 triệu cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) vào ngày 26/02/2016.

Loại chứng khoán : Cổ phiếu phổ thông

Mã chứng khoán : DPM

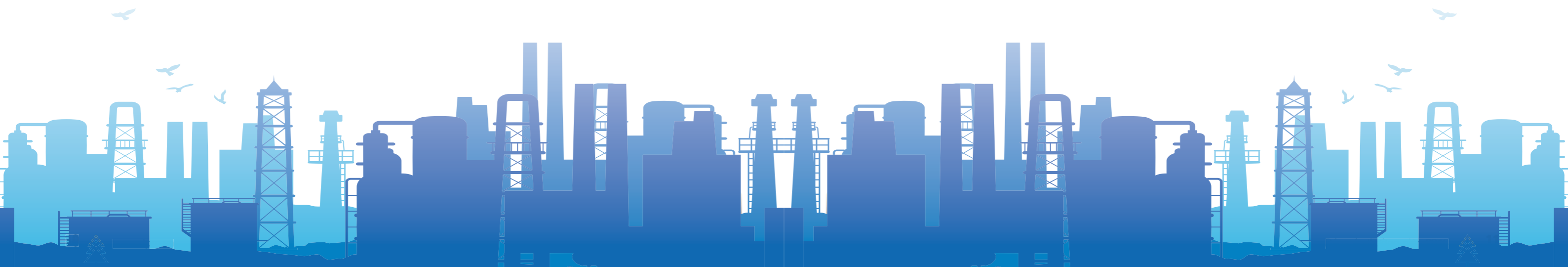
Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu

Số lượng niêm yết : 391.400.000 cổ phiếu

Từ Công ty cổ phần thành Tổng công ty

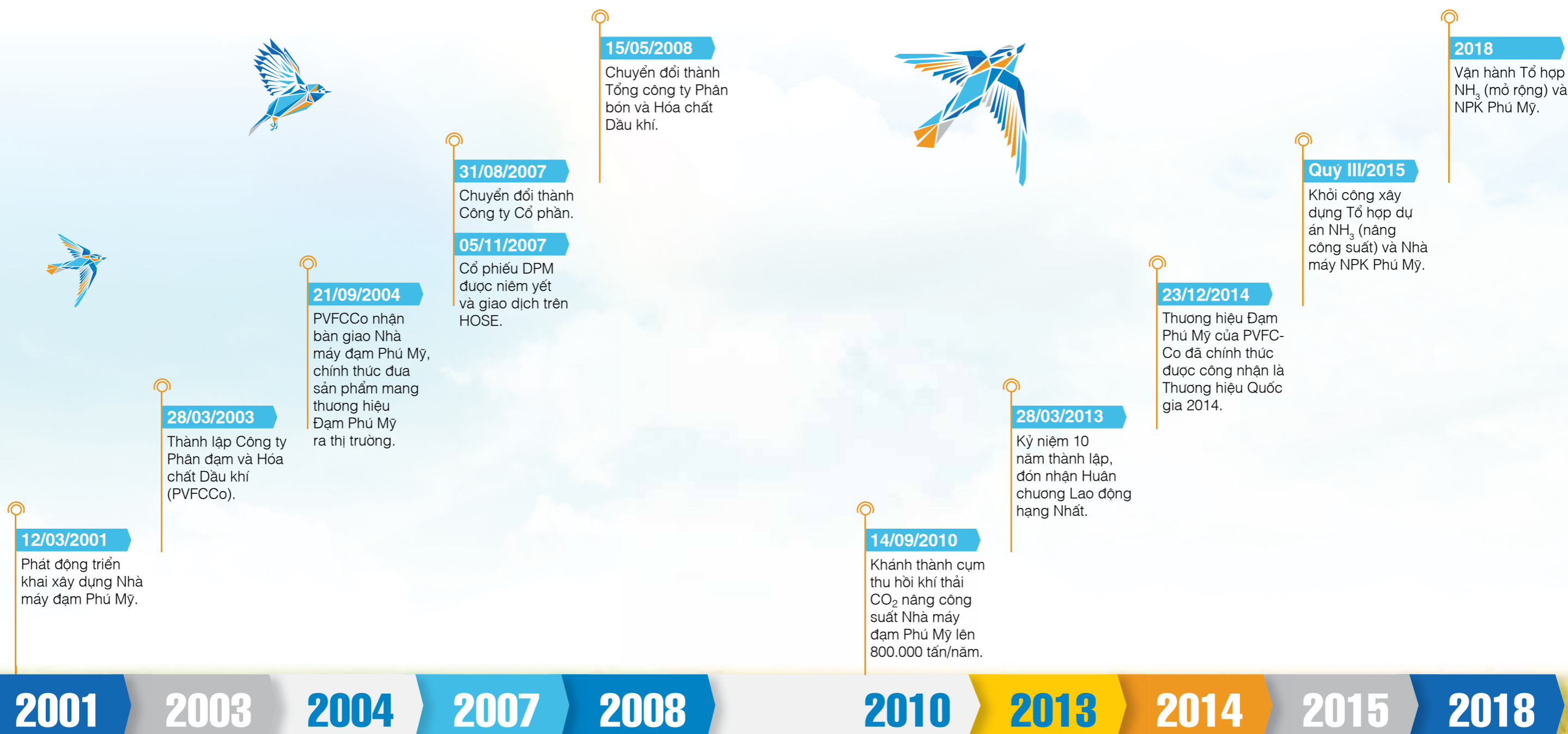
Ngày 05/04/2008, Đại hội đồng cổ đông thông qua đề án chuyển đổi từ Công ty cổ phần thành Tổng công ty (mô hình công ty mẹ - công ty con).

Ngày 15/05/2008, Sở Kế hoạch Đầu tư TP. HCM đã cấp Giấy chứng nhận Đăng ký sửa đổi số 4103007696 cho Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty cổ phần.





CÁC MỐC PHÁT TRIỂN QUAN TRỌNG





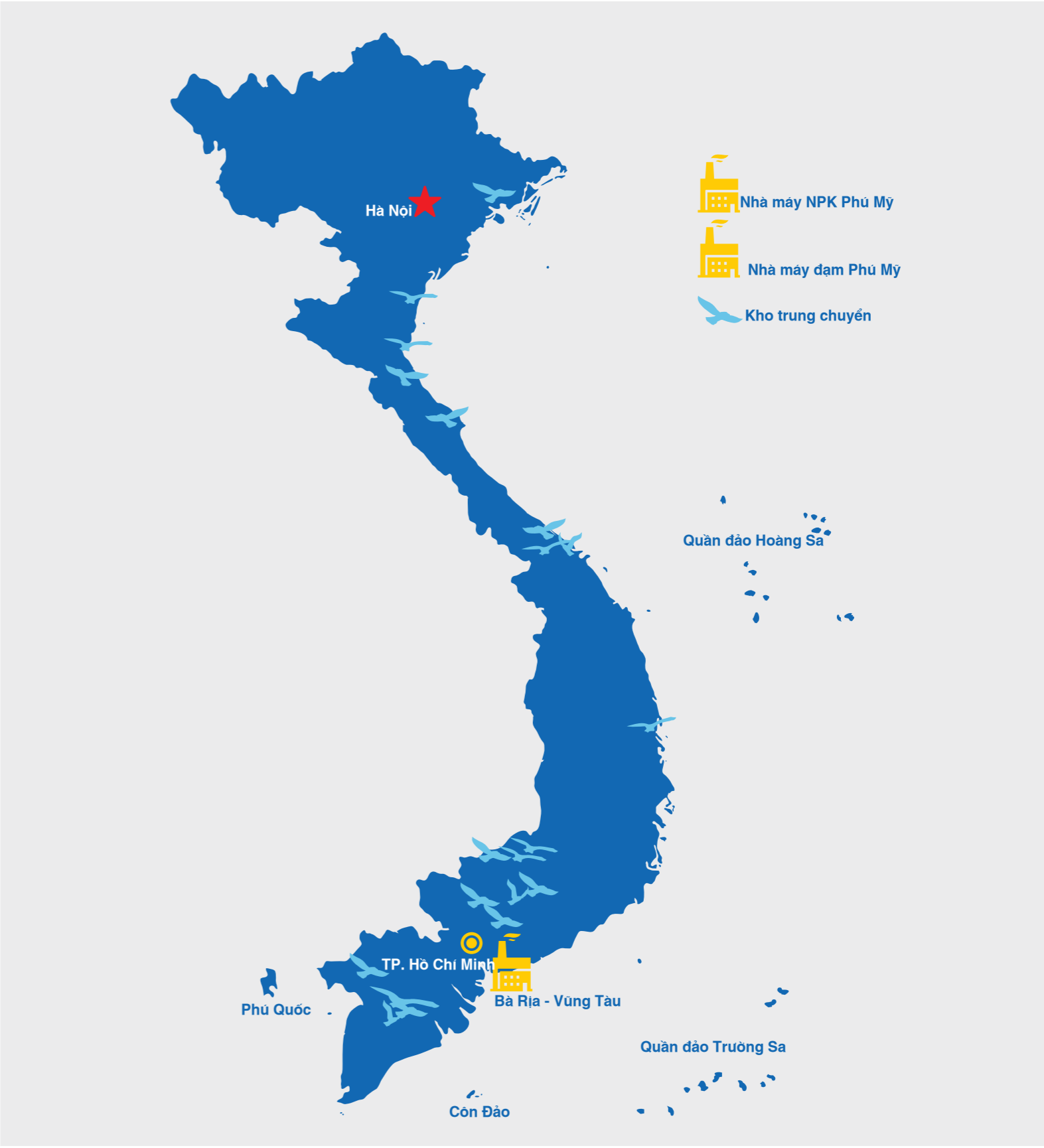
NGÀNH NGHỀ KINH DOANH:

Ngành nghề kinh doanh chính của Tổng công ty là sản xuất, kinh doanh phân bón và hóa chất. Hiện nay sản phẩm chủ lực của Tổng công ty là phân đạm (urê) hạt trong, phân NPK, Kali, SA, DAP phục vụ cho nền nông nghiệp của đất nước, khí Amoniac lỏng, hóa chất UFC 85/Formaldehyde, H₂O₂, hóa chất sử dụng trong hoạt động khai thác dầu khí.

ĐỊA BÀN KINH DOANH CHÍNH:

Hoạt động sản xuất chính của Tổng công ty tiến hành tại Nhà máy đạm Phú Mỹ, đơn vị trực thuộc Tổng công ty, đặt tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Hoạt động kinh doanh phân bón của Tổng công ty trải rộng khắp các vùng canh tác nông nghiệp và cây công nghiệp trên khắp lãnh thổ Việt Nam thông qua hệ thống tiêu thụ sản phẩm hình thành từ các công ty con đóng trụ sở chính tại các khu vực: miền Bắc, miền Trung & Tây Nguyên, miền Đông Nam Bộ và miền Tây Nam Bộ. Hoạt động kinh doanh hóa chất do Tổng công ty và Chi nhánh Kinh doanh hóa chất thực hiện, tập trung chủ yếu tại khu vực phía nam và cung cấp cho các nhà máy phân bón, hóa chất, chế biến thực phẩm tại Việt Nam.





Trải qua hơn 15 năm xây dựng và phát triển, Tổng công ty đã đạt được những thành quả hết sức ấn tượng trong sản xuất và kinh doanh. Tuy nhiên, nhìn vào kết quả hoạt động từ năm 2012 đến nay, PVFCCo đang gặp khó khăn trong vấn đề duy trì tốc độ tăng trưởng về doanh thu, lợi nhuận. Để giải quyết bài toán tăng trưởng, với quyết tâm đổi mới - sáng tạo, trong những năm qua Ban lãnh đạo Tổng công ty đã tập trung mọi nguồn lực đẩy mạnh công tác nghiên cứu phát triển, đa dạng hóa sản phẩm, triển khai đầu tư các dự án trọng điểm thuộc lĩnh vực sản xuất phân bón, hóa chất, hóa dầu theo chiến lược phát triển giai đoạn 2008 - 2015.



Chiến lược phát triển của Tổng công ty đến năm 2025 và định hướng đến năm 2035 theo Nghị quyết phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông năm 2016. Tổng công ty được hoạch định với những mục tiêu cơ bản như sau:

MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

Giai đoạn 2016 - 2020

Duy trì vị thế của PVFCCo là doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh phân bón số 1 trong nước; Phát triển lĩnh vực sản xuất hóa chất, tập trung vào lĩnh vực hóa dầu. Đến năm 2020 doanh thu từ lĩnh vực hóa chất chiếm 50% tổng doanh thu.

Các chỉ tiêu chính giai đoạn 5 năm 2016 - 2020

- » Sản lượng phân bón và hóa chất sản xuất: 6.039 ngàn tấn.
- » Tổng doanh thu: 64.194 tỷ đồng.
- » Lợi nhuận trước thuế: 6.271 tỷ đồng.
- » Lợi nhuận sau thuế: 5.205 tỷ đồng.
- » Đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm/góp vốn: 8.563 tỷ đồng.

Đến năm 2025

Tiếp tục đầu tư xây dựng các nhà máy sản xuất phân bón, hóa chất có công nghệ hiện đại và trình độ quản lý tiên tiến để đa dạng hóa sản phẩm, mở rộng thị trường phân phối phân bón, hóa chất ra các nước trong khu vực cũng như trên thế giới nhằm phát triển đưa PVFCCo trở thành một trong những doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh phân bón, hóa chất với công nghệ cao trong khu vực Đông Nam Á, đứng trong Top 10 trong khu vực về sản lượng sản xuất.

Đến năm 2035

Phấn đấu trở thành doanh nghiệp có quy mô nằm trong Top 10 ở khu vực Châu Á trong ngành phân bón, hóa chất.

MỤC TIÊU CỤ THỂ GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

Về sản xuất

- » Vận hành hiệu quả Nhà máy đạm Phú Mỹ, sản xuất trung bình 800.000 tấn/năm.
- » Vận hành Nhà máy NPK Phú Mỹ từ 2017, đạt 100% công suất từ năm 2018 (250.000 tấn/năm).
- » Gia tăng sản lượng sản xuất hóa chất hiện có, vận hành xưởng NH₃ mở rộng (nâng công suất thêm 90.000 tấn/năm), UFC/Formalin (15.000 tấn/năm), H₂O₂ (30.000 tấn/năm), Polystyrene (300.000 tấn/năm).
- » Hình thành các cơ sở sản xuất, cải tiến sản phẩm để sản xuất các sản phẩm phân bón chuyên dụng trên nền sản phẩm chủ lực (Urea, NPK).

Về kinh doanh

- » Thị phần urê trong nước duy trì ở mức tối thiểu 35%.
- » Tiêu thụ hết và có hiệu quả sản lượng NPK Phú Mỹ hàng năm (250.000 tấn).
- » Mở rộng thị trường ra nước ngoài, tập trung tại một số nước thuộc khu vực Đông Nam Á.
- » Tiêu thụ 100% các sản phẩm hóa chất sản xuất được, doanh thu tiến tới bằng và vượt mảng phân bón vào năm 2020.
- » Thực hiện đa dạng hóa sản phẩm phân bón trên nền Urê và NPK.
- » Tiêu thụ hết sản lượng các sản phẩm phân bón chuyên dụng từ các cơ sở mới được đầu tư.

Căn cứ theo tình hình thực tế, trong năm 2019 Tổng công ty sẽ rà soát, đánh giá 3 năm thực hiện theo Chiến lược phát triển, đề xuất những giải pháp, điều chỉnh phù hợp.



TOP

10

Khu vực Châu Á trong ngành phân bón hóa chất



SỐ

1

Duy trì mục tiêu là doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh phân bón số 1 trong nước



TOP

10

Khu vực Đông Nam Á trong ngành phân bón hóa chất

2

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Mô hình quản trị

Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty mẹ

Các công ty có liên quan

Sơ đồ tổ chức

Giới thiệu Hội đồng quản trị

Giới thiệu Ban điều hành

Giới thiệu Ban kiểm soát

Tổ chức và nhân sự

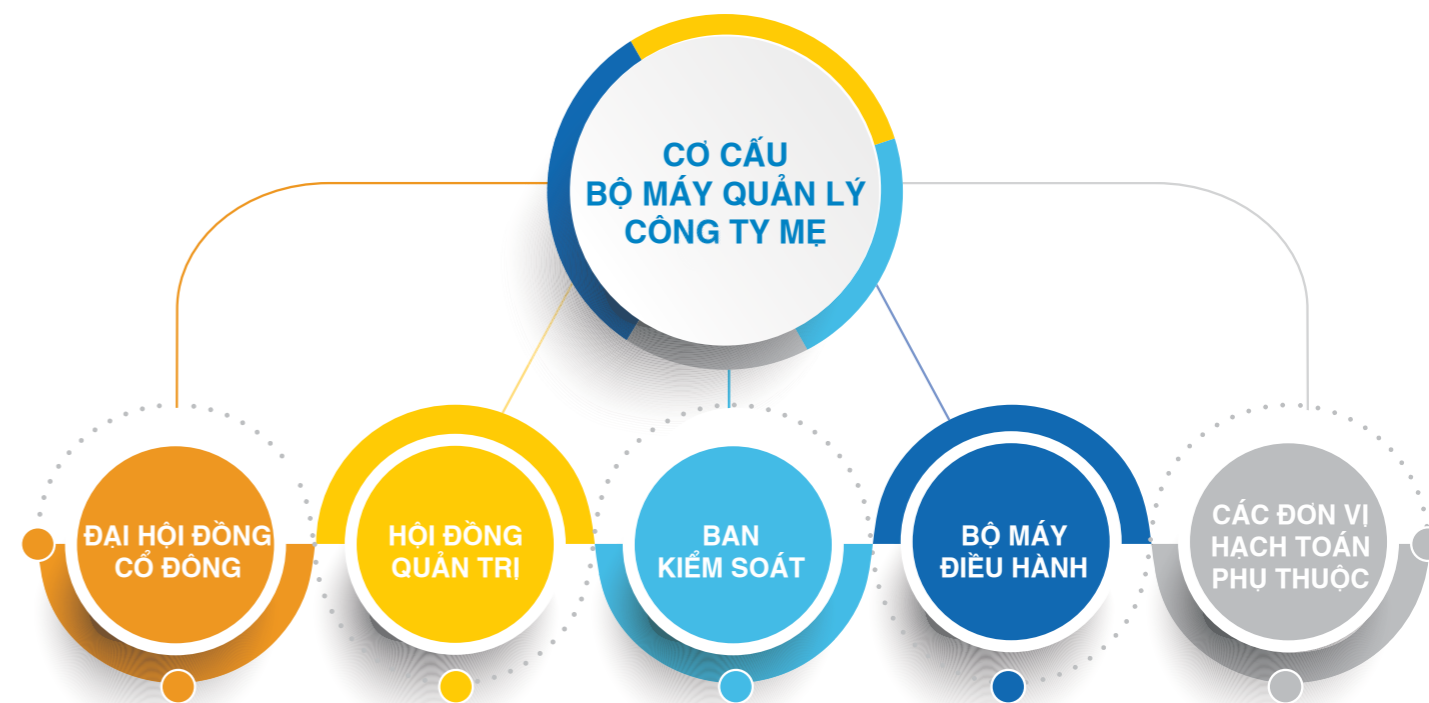
Thống kê số liệu về sản xuất, kinh doanh Đạm Phú Mỹ của Tổng công ty





Tổng công ty là đơn vị thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam - cổ đông nhà nước nắm giữ gần 60% vốn cổ phần của Tổng công ty. Phần vốn còn lại được sở hữu bởi hàng ngàn cổ đông gồm các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

Công ty mẹ và các công ty con của Tổng công ty được tổ chức theo hình thức công ty cổ phần đại chúng, niêm yết trên thị trường chứng khoán Hà Nội (HNX) và Thành phố Hồ Chí Minh (HSX), tuân thủ các quy định và chuẩn mực quản trị của doanh nghiệp niêm yết.



Đại hội đồng cổ đông

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị đương nhiệm của Tổng công ty có Chủ tịch và 01 thành viên chuyên trách, 2 thành viên độc lập và 01 thành viên giữ chức Tổng giám đốc.

Ban kiểm soát

Ban kiểm soát đương nhiệm gồm Trưởng ban và 1 thành viên chuyên trách, 1 thành viên kiêm nhiệm.

Bộ máy điều hành

Đứng đầu bộ máy điều hành là thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc. Giúp việc cho Tổng giám đốc có các phó Tổng giám đốc phụ trách về các lĩnh vực như sản xuất, công nghệ - kỹ thuật - đầu tư xây dựng, tài chính - kế toán, kinh doanh và xây dựng hệ thống phân phối, công tác nghiên cứu phát triển, hợp tác quốc tế, pháp chế, nội chính và mua sắm...

Tại trụ sở công ty mẹ, bộ máy tham mưu cho Ban điều hành gồm các Ban chức năng theo từng mảng lĩnh vực chuyên môn.

Các đơn vị hạch toán phụ thuộc

Tổng công ty có các chi nhánh, văn phòng đại diện đặt tại các địa bàn sản xuất - kinh doanh:

Chi nhánh Tổng công ty - Nhà máy đạm Phú Mỹ: Đơn vị sản xuất chính của Tổng công ty, đóng tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Nhà máy có công suất sản xuất 540.000 tấn NH₃/năm; 800.000 tấn phân đạm/năm, 250.000 tấn phân NPK/năm.

Chi nhánh Tổng công ty - Kinh doanh hóa chất: Đơn vị trực thuộc có chức năng hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu hóa chất.

Chi nhánh Tổng công ty - Ban Quản lý dự án chuyên ngành Phân bón & Hóa chất Dầu khí: Đơn vị trực thuộc có chức năng quản lý các dự án đầu tư phát triển quan trọng của Tổng công ty.

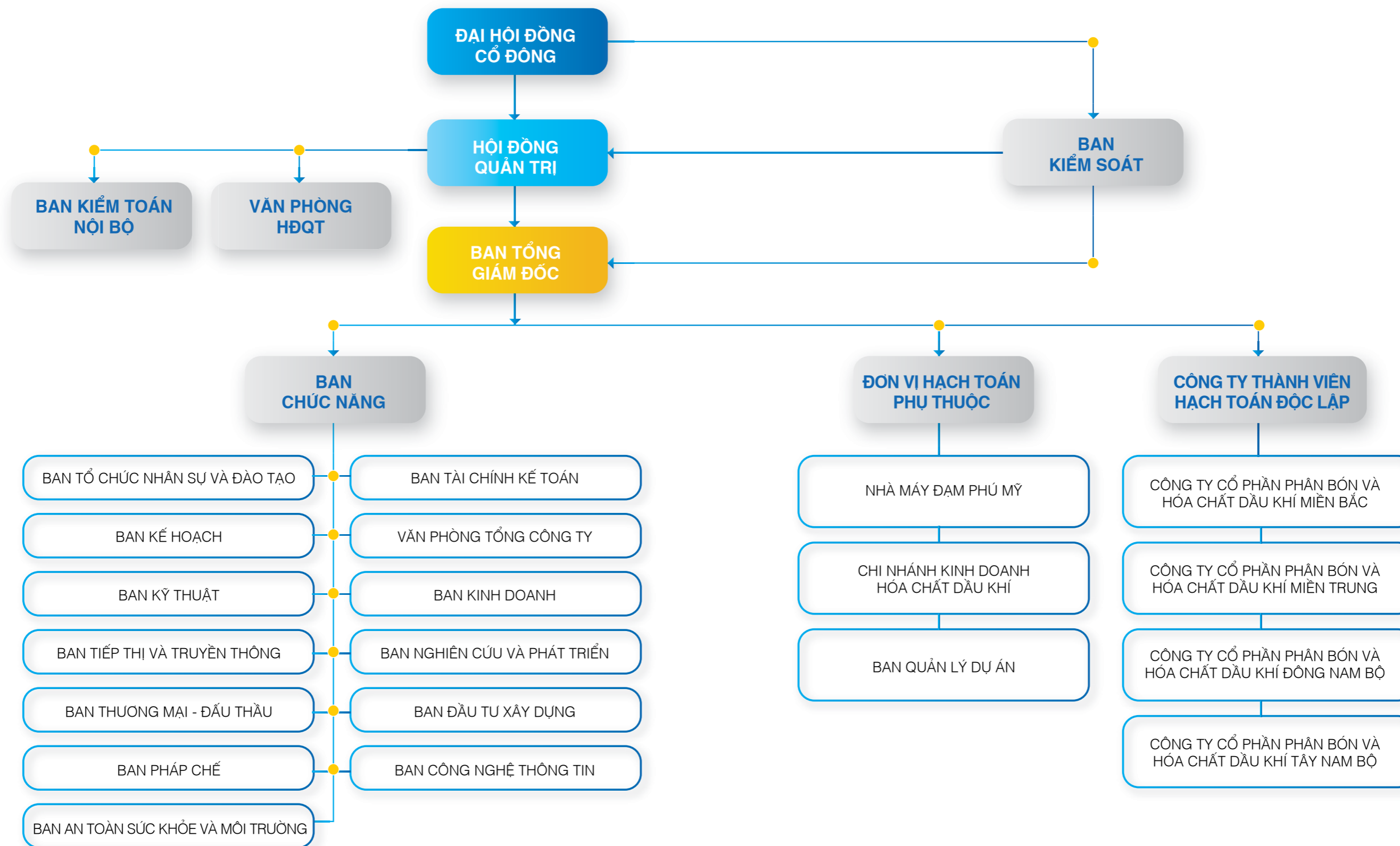
Năm 2018 Tổng công ty gồm có 4 công ty con và 5 công ty liên kết, có góp vốn.

CÁC CÔNG TY NẪM GIỮ TỪ 50% CỔ PHẦN TRỞ LÊN

TÊN CÔNG TY	NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH	VỐN ĐIỀU LỆ (TRIỆU ĐỒNG)	TỶ LỆ NẪM GIỮ
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc (PVFCCo - North) Địa chỉ: Tầng 4, 167 Trung Kính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội	Kinh doanh phân bón, hóa chất	120.000	75%
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung (PVFCCo - Central) Địa chỉ: Lô A2, cụm Công nghiệp Nhơn Bình, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định	Kinh doanh phân bón, hóa chất	100.000	75%
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ (PVFCCo - SE) Địa chỉ: 27 Đinh Bộ Lĩnh, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh phân bón, hóa chất	125.000	75%
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ (PVFCCo - SW) Địa chỉ: 151/18 Trần Hoàng Na, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ	Kinh doanh phân bón, hóa chất	170.000	75%

CÁC CÔNG TY NẪM GIỮ DƯỚI 50% VỐN

TÊN CÔNG TY	NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH	VỐN ĐIỀU LỆ (TRIỆU ĐỒNG)	TỶ LỆ NẪM GIỮ
Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ (PVFCCo - Packaging) Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Sản xuất, kinh doanh bao bì	42.000	43,35%
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí (PV TEX) Địa chỉ: Lô CN5.5 A Khu Công nghiệp Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP. Hải Phòng	Sản xuất, kinh doanh sản phẩm xơ sợi tổng hợp	2.165.110	25,99%
Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (PAIC) Địa chỉ: Tầng 4, 167 Trung Kính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội	Công nghệ thông tin, viễn thông và tự động hóa, năng lượng sạch	42.352	8,5%
Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí (PVC Mekong) Địa chỉ: Lô D - KĐT Dầu khí - Đường Ngô Quyền - P. 1 - TP. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau	Tư vấn thiết kế, thi công xây lắp, sản xuất vật liệu xây dựng, kinh doanh bất động sản	280.869	35,63%
Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi Địa chỉ: Tỉnh lộ 8, Xã Tài Văn, Huyện Trần Đề, Tỉnh Sóc Trăng	Nuôi trồng chế biến và mua bán thủy, hải sản	354.000	6,78%





Ông **LÊ CỤ TÂN**

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1967

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Khai thác máy tàu biển; Kỹ sư Quản trị doanh nghiệp, Thạc sĩ Kỹ thuật chuyên ngành Tự động hóa.

Ông bắt đầu công tác tại ngành Dầu khí Việt Nam từ năm 1992, trải qua nhiều vị trí quản lý tại các đơn vị thuộc Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC). Ông đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc PTSC trước khi về đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí từ tháng 12/2013, được bầu lại vào Hội đồng quản trị ngày 26/04/2018.

Ngày 10/01/2019, ông Lê Cụ Tân được Hội đồng quản trị chấp thuận miễn nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị và bổ nhiệm giữ chức Tổng giám đốc Tổng công ty.



Ông **NGUYỄN TIẾN VINH**

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1962

Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ kỹ thuật - ĐH Mỏ - Địa chất; Thạc sĩ Quản trị kinh doanh Công nghiệp và Xây dựng cơ bản - Học viện Kỹ thuật châu Á (AIT), Kỹ sư Máy và thiết bị khoan khai thác Dầu khí, ĐH hóa dầu Bacu (Liên Xô).

Ông bắt đầu công tác tại ngành Dầu khí Việt Nam từ năm 1987 với vị trí kỹ sư, sau đó trải qua các chức danh công việc tại Xí nghiệp khai thác thuộc Vietsovetro. Năm 2009 ông rời chức vụ Trưởng phòng Cơ khí - Năng lượng - Tự động hóa Xí nghiệp khai thác Vietsovetro và đảm trách vị trí Trưởng ban Điện - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN). Tháng 4/2016 ông được bổ nhiệm giữ chức Thành viên Hội đồng thành viên PVN.

Tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 10/01/2019, ông được Đại hội đồng cổ đông bầu vào Hội đồng quản trị và giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty.



Bà **NGUYỄN THỊ HIỀN**

Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1974

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh.

Tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 10/01/2019, bà được miễn nhiệm chức vụ thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty.



Ông **LÊ MINH HỒNG**

Thành viên Hội đồng quản trị (độc lập)

Năm sinh: 1957

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Quản lý công nghiệp - Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

Ông bắt đầu công tác tại ngành Dầu khí Việt Nam từ năm 1982 với vị trí giáo viên tại trường Công nhân Kỹ thuật Dầu khí (sau này là Trường Đào tạo nhân lực Dầu khí - thuộc PVN). Ông đã trải qua nhiều vị trí quản lý và đã đảm trách chức vụ Phó hiệu trưởng, Hiệu trưởng của Trường. Năm 2006 ông được bổ nhiệm giữ chức Phó Tổng giám đốc PVN cho đến năm 2017.

Tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 10/01/2019, ông được bầu vào Hội đồng quản trị và giữ chức Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty.



Ông **ĐOÀN VĂN NHUỘM**

Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1963

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư trắc địa.

Tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 10/01/2019, ông được miễn nhiệm chức vụ thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty.



Ông **NGUYỄN HỒNG VINH**

Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1960

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư nông học, Kỹ sư cơ khí nông nghiệp.

Ông có nhiều kinh nghiệm trong công tác quản lý điều hành trong lĩnh vực phân bón và vật tư nông nghiệp Việt Nam, đặc biệt là trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Từ tháng 12/2009 - 07/2013, ông đảm nhận chức vụ Phó Tổng giám đốc Tổng công ty. Từ tháng 04/2013, ông được bầu vào Hội đồng quản trị và giữ chức Ủy viên HĐQT chuyên trách của Tổng công ty. Ông được bầu lại vào Hội đồng quản trị ngày 26/04/2018.



Ông **LOUIS T NGUYỄN**

Thành viên Hội đồng quản trị (độc lập)

Năm sinh: 1963

Trình độ chuyên môn: Cử nhân khoa học ngành Kế toán - Tài chính.

Louis Nguyễn đã có hơn 25 năm đầu tư và kinh nghiệm hoạt động tại Hoa Kỳ và Việt Nam. Ông hiện là Chủ tịch và Giám đốc điều hành của Saigon Asset Management (SAM) từ năm 2007. Trước khi thành lập SAM, Louis là Giám đốc điều hành VinaCapital, phụ trách Quỹ Công nghệ VinaCapital DFJ và là thành viên sáng lập IDG Ventures Việt Nam. Trước khi đến Việt Nam vào năm 2003, ông đã trải qua nhiều vị trí chuyên môn và quản lý tại các công ty Intelligent Capital, Osprey Ventures, NEC, KPMG... tại Silicon Valley, California, Hoa Kỳ. Ông được Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty bầu bổ sung vào Hội đồng quản trị tại kỳ họp thường niên ngày 28/04/2016.



Ông **ĐOÀN VĂN NHUỘM**

Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc.

Năm sinh: 1963

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư trắc địa.

Ngày 10/01/2019, ông Đoàn Văn Nhuộm được Hội đồng quản trị chấp thuận miễn nhiệm chức vụ Tổng giám đốc Tổng công ty.



Ông **LÊ CỰ TÂN**

Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc

Năm sinh: 1967

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Khai thác máy tàu biển; Kỹ sư Quản trị doanh nghiệp, Thạc sĩ Kỹ thuật chuyên ngành Tự động hóa.

Ngày 10/01/2019 Hội đồng quản trị Tổng công ty đã quyết định bổ nhiệm ông Lê Cự Tân, Thành viên Hội đồng quản trị giữ chức vụ Tổng giám đốc Tổng công ty kể từ ngày 11/01/2019.



Ông **LÊ VĂN QUỐC VIỆT**

Phó Tổng giám đốc

Năm sinh: 1962

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế Kế hoạch.

Sau khi rời quân ngũ năm 1984, ông đã tham gia công tác Đoàn, Đảng, công tác tổ chức, nhân sự tại đặc khu Vũng Tàu - Côn Đảo và Xí nghiệp Liên doanh Dầu khí Việt - Xô. Từ tháng 05/2007, ông giữ chức Trưởng ban Tổ chức nhân sự Tổng công ty và sau đó được bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc từ tháng 02/2009.



Ông **TỪ CƯỜNG**

Phó Tổng giám đốc

Năm sinh: 1960

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Công nghệ Hóa hữu cơ.

Các công việc, chức vụ đã đảm nhận: Cán bộ phiên dịch, Ban Quản lý Lao động Tiệp Khắc, Bộ LD-TB-XH, Kỹ thuật viên, Phòng Độc chất, Bệnh viện Bạch Mai - Hà Nội, Kỹ sư phòng Công nghệ, Trưởng phòng Phân phối khí, Trưởng phòng Kinh doanh... của Tổng công ty Khí Việt Nam (PV Gas), Giám đốc Xí nghiệp chế biến khí PV Gas. Từ năm 2008, ông giữ chức Giám đốc Nhà máy đạm Phú Mỹ và Phó Tổng giám đốc PVFCCo kiêm Giám đốc Nhà máy đạm Phú Mỹ. Từ tháng 10/2015 ông thôi kiêm nhiệm chức Giám đốc Nhà máy đạm Phú Mỹ. Từ 08/2016 ông được giao nhiệm vụ kiêm nhiệm chức Giám đốc Ban Quản lý dự án chuyên ngành Phân bón và Hóa chất Dầu khí.



Ông **HOÀNG VIỆT DŨNG**

Phó Tổng giám đốc

Năm sinh: 1972

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Công nghệ Hóa dầu.

Quá trình công tác: Từ tháng 01/1996 - 10/2002: Chuyên viên Tổng công ty Dầu khí Việt Nam (Petrovietnam) và được cử đi học tại UOP - Mỹ. Ông đã đảm nhiệm các vị trí Chuyên viên Ban Quản lý dự án Nhà máy Lọc dầu Dung Quất, Phó Trưởng ban Quản lý dự án Nhà máy Lọc dầu Dung Quất, trước khi được bổ nhiệm giữ chức Phó Tổng giám đốc PVFCCo từ tháng 03/2011.



Ông **DUƠNG TRÍ HỘI**

Phó Tổng giám đốc

Năm sinh: 1978

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện công nghiệp, Cử nhân Kinh tế Kế hoạch Đầu tư.

Ông thuộc lớp cán bộ trẻ trưởng thành từ môi trường hoạt động của Tổng công ty. Từ năm 2007, ông gia nhập Tổng công ty và đã trải qua các vị trí Trợ lý Tổng giám đốc, Trưởng phòng Tiếp thị, Giám đốc Công ty PVFCCo miền Trung, Giám đốc Công ty PVFCCo Đông Nam Bộ trước khi được bổ nhiệm giữ chức Phó Tổng giám đốc Tổng công ty vào tháng 07/2013.



Bà **LÊ THỊ THU HƯƠNG**

Phó Tổng giám đốc

Năm sinh: 1975

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh.

Từ năm 1996, bà bắt đầu công tác tại Sở Thương mại TP. Hà Nội, sau đó là Vụ Thương mại và Dịch vụ - Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Tháng 5/2008, bà đảm nhận chức vụ Trưởng ban Ban Luật và Hợp tác quốc tế Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam. Trước khi được bổ nhiệm giữ chức Phó Tổng giám đốc Tổng công ty vào ngày 01/03/2013, bà đảm nhận chức vụ Phó trưởng Ban Đầu tư phát triển - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam từ 2009 - 2013.



Bà **TRẦN THỊ PHƯƠNG THẢO**

Phó Tổng giám đốc

Năm sinh: 1970

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Ngoại thương.

Bà đã có quá trình công tác tại Công ty PETEC - Bộ Thương mại, Công ty Giám sát các hợp đồng PSC - Petrovietnam trong công tác kinh doanh, quản lý hợp đồng, tài chính kế toán và kiểm toán. Từ năm 2001, bà đảm nhận chức vụ Phó trưởng phòng Tài chính Kế toán Ban Quản lý dự án Nhà máy đạm Phú Mỹ, Phó trưởng ban Ban Thương mại thị trường Tổng công ty. Bà được bầu vào Ban kiểm soát và giữ chức Trưởng Ban kiểm soát Tổng công ty từ tháng 03/2009. Bà đảm nhận chức danh Phó Tổng giám đốc Tổng công ty kể từ 05/2016.



Ông **VÕ NGỌC PHƯƠNG**

Kế toán trưởng

Năm sinh: 1978

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính - Tiền tệ - Tín dụng.

Từ năm 2007 đến nay, ông đảm nhiệm các vị trí Kế toán trưởng, Phó Giám đốc Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ; Kế toán trưởng Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ. Ông được bổ nhiệm giữ chức Kế toán trưởng Tổng công ty từ tháng 05/2016.



Ông **HUỖNH KIM NHÂN**

 Trưởng Ban kiểm soát

Năm sinh: 1976

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế ngành Tài chính Kế toán.

Từ năm 1998 đến 2015, ông đảm nhiệm các vị trí Chuyên viên Kế toán Công ty Tư vấn Đầu tư Xây dựng Dầu khí, Chuyên viên Phòng Tài chính Kế toán, Phó Trưởng phòng Tài chính Kế toán, Kế toán trưởng kiêm Trưởng Ban tài chính kế toán Tổng công ty. Ông được bầu giữ chức Trưởng Ban kiểm soát Tổng công ty từ ngày 28/04/2016.



Ông **LÊ VINH VĂN**

 Thành viên


Năm sinh: 1969

Trình độ chuyên môn: Cử nhân chuyên ngành Tài chính Kế toán.

Ông đã trải qua vị trí Chuyên viên Kế toán Công ty Liên doanh Dịch vụ Dầu Khí OSC - SOS International, Kế toán trưởng Công ty TNHH TM DV Classic, Chuyên viên phòng Thương mại Vật tư - PVFCCo, Chuyên viên Ban kiểm soát Tổng công ty. Ông đảm nhận vị trí thành viên Ban kiểm soát Tổng công ty từ tháng 11/2008 và được tái bầu lại vào Ban kiểm soát ngày 26/04/2018.



Ông **NGUYỄN VĂN HÒA**

 Thành viên

Năm sinh: 1969

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Ngân hàng.

Ông có quá trình công tác gắn bó với Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB) qua các chức vụ Nhân viên kế toán, Kế toán trưởng ACB Đà Nẵng, Phó phòng Kế toán và Kế toán trưởng Hội sở ACB từ năm 2002. Ông được bầu vào Ban kiểm soát Tổng công ty từ năm 2007 và được miễn nhiệm do hết nhiệm kỳ kiểm soát viên từ ngày 26/04/2018.



Ông **LƯƠNG PHƯƠNG**

 Thành viên

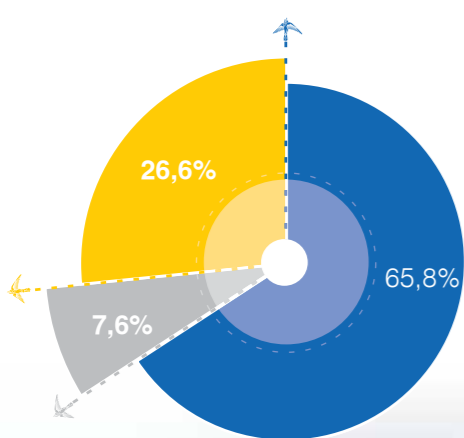
Năm sinh: 1973

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính tín dụng

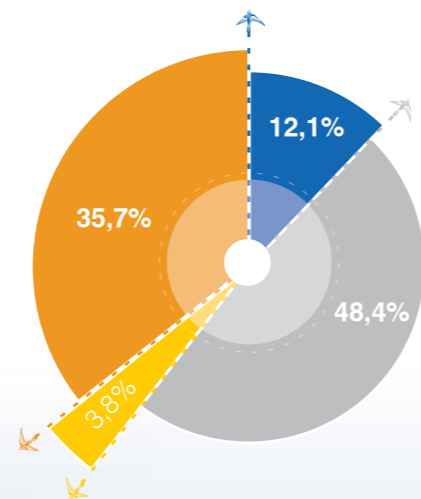
Từ năm 2006 ông gia nhập Tổng công ty với vị trí chuyên viên và sau đó là Phó trưởng phòng Tài chính kế toán Ban Quản lý Công trình Xây dựng thuộc PVFCCo, Phó trưởng phòng Tài chính kế toán, Trưởng phòng Kinh doanh Công ty CP Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam (PVSBĐ). Từ tháng 2/2016 đến nay ông đảm trách vai trò chuyên viên sản xuất - Ban Kế hoạch Tổng công ty. Ông được bầu vào Ban kiểm soát Tổng công ty từ ngày 26/04/2018.

NGUỒN NHÂN LỰC

Tổng số CBCNV toàn Tổng công ty tính đến thời điểm 31/12/2018 (gồm Công ty mẹ và công ty con): 1.598 người



- Đại học, Cao đẳng trở lên
- Trung học chuyên nghiệp
- Công nhân kỹ thuật và trình độ khác



- Cán bộ lãnh đạo, quản lý
- Cán bộ kỹ thuật, nghiệp vụ
- Nhân viên phục vụ
- Công nhân các ngành nghề



TỔNG SỐ CBCNV

1.598

NGƯỜI

Phân loại theo trình độ

TRÌNH ĐỘ	SỐ LƯỢNG (NGƯỜI)	TỶ LỆ
Đại học, Cao đẳng trở lên	1.051	65,8%
Trung học chuyên nghiệp	121	7,6%
Công nhân kỹ thuật và trình độ khác	426	26,6%
Tổng cộng	1.598	100%

Phân loại theo phân công lao động

TRÌNH ĐỘ	SỐ LƯỢNG (NGƯỜI)	TỶ LỆ
Cán bộ lãnh đạo, quản lý	194	12,1%
Cán bộ kỹ thuật, nghiệp vụ	774	48,4%
Nhân viên phục vụ	62	3,8%
Công nhân các ngành nghề	568	35,7%
Tổng cộng	1.598	100%

CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG



Tổng công ty đã ban hành chính sách nhân viên áp dụng từ 01/01/2009, hàng năm được chỉnh sửa bổ sung phù hợp với tình hình thực tế của Tổng công ty. Quy định bao gồm các chính sách phúc lợi áp dụng cho toàn thể CBCNV và một số chính sách có tính đãi ngộ đối với những người lao động giỏi, có trình độ quản lý và chuyên môn cao, bao gồm: Chế độ lương, thưởng, đào tạo, học tập, nghỉ ngơi, lưu trú và các chế độ phúc lợi khác.

Chính sách nhân viên

Từ năm 2008, Tổng công ty đã xây dựng, ban hành và đưa vào áp dụng thang, bảng lương mới phù hợp với mô hình công ty cổ phần, theo quy định của Bộ luật Lao động - Thương binh xã hội, hướng tới việc trả lương theo thị trường nhằm hạn chế hiện tượng chảy máu chất xám và thu hút lao động giỏi. Từ đó đến nay hệ thống thang, bảng lương thường xuyên được nghiên cứu sửa đổi và điều chỉnh cho phù hợp với các quy định của pháp luật cũng như tình hình thực tế sản xuất, kinh doanh. Năm 2015, Tổng công ty đã hoàn thành và đưa vào áp dụng hệ thống đánh giá hiệu quả công việc (KPI) và trả lương theo phương pháp 3P dựa trên kết quả đánh giá năng lực, kết quả thực hiện công việc cá nhân. Theo đó, việc tổ chức, quản lý, sắp xếp nhân sự sẽ đảm bảo tính hợp lý, khoa học, đúng người đúng việc, đo lường được năng lực và kết quả công việc của nhân viên và việc trả lương, thưởng sẽ công bằng và chính xác hơn.

Tổng công ty đã thực hiện tốt chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp cho người lao động theo đúng các quy định của Luật bảo hiểm xã hội và các Quy định của Chính phủ.

Bên cạnh đó, Tổng công ty cũng đã ban hành chính sách nhân viên áp dụng từ 01/01/2009, hàng năm được chỉnh sửa bổ sung phù hợp với tình hình thực tế của Tổng công ty. Quy định bao gồm các chính sách phúc lợi áp dụng cho toàn thể CBCNV và một số chính sách có tính đãi ngộ đối với những người lao động giỏi, có trình độ quản lý và chuyên môn cao, bao gồm: Chế độ lương, thưởng, đào tạo, học tập, nghỉ ngơi, lưu trú và các chế độ phúc lợi khác.

Nhằm đảm bảo giữ người lao động đối với các vị trí chuyên môn về công nghệ, kỹ thuật quan trọng, Tổng công ty xây dựng quy định về việc công nhận và áp dụng các bậc lương chuyên gia với mức lương cao nhằm thu hút, giữ chân nhân tài. Theo đó, có những chuyên gia bậc cao được áp dụng mức lương có thể tương đương với mức lương cán bộ quản lý cấp Ban của Tổng công ty hoặc Giám đốc các công ty con. Hiện nay, Tổng công ty đã có 25 nhân sự được công nhận chức danh chuyên gia.

Chính sách đào tạo

Công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực luôn đóng vai trò rất quan trọng trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và phát triển bền vững, Tổng công ty đã rất quan tâm và xây dựng các cơ chế chính sách, hệ thống các quy chế, quy định đào tạo khoa học và mang tính khuyến khích CBCNV nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

Năm 2018, Tổng công ty tiếp tục vận dụng Từ điển năng lực, khung năng lực và kết quả đánh giá năng lực để xây dựng kế hoạch, chương trình đào tạo. Vì vậy, chất lượng đào tạo từng bước được nâng cao, đào tạo có trọng tâm và sát với nhu cầu, năng lực cần thiết đáp ứng cho công việc. Kết hợp tốt giữa các hình thức đào tạo nội bộ, đào tạo trong nước và đào tạo ở nước ngoài.

Công tác đào tạo nội bộ luôn được đánh giá là phương thức thực hiện đào tạo hiệu quả nhất, Tổng công ty đã rất quan tâm và đầu tư đúng mức. Nhờ vậy, đội ngũ CBCNV đã trưởng thành vượt bậc,

vận hành Nhà máy đạm Phú Mỹ an toàn, hiệu quả, làm chủ hệ thống kinh doanh, phân phối.

Các khóa đào tạo nước ngoài được tổ chức một cách có chọn lọc nhằm tiết kiệm chi phí nhưng vẫn đảm bảo mang lại hiệu quả, tập trung vào các nhóm đối tượng là chuyên gia, cán bộ kỹ thuật, công nghệ.

Thường xuyên linh động trong công tác triển khai kế hoạch đào tạo, đáp ứng kịp thời nhu cầu cập nhật, bổ sung và nâng cao kiến thức CBCNV phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh của đơn vị.

Nguồn nhân lực sau đào tạo ở tất cả các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh đều đã đáp ứng tốt yêu cầu công việc. Đội ngũ cán bộ vận hành, kỹ thuật của Tổng công ty tiếp tục phát huy tốt trình độ để vận hành, bảo dưỡng Nhà máy đạm Phú Mỹ an toàn, hiệu quả; đưa các dự án NH₃, NPK đi vào hoạt động sản xuất, cung cấp thêm sản phẩm mới ra thị trường.

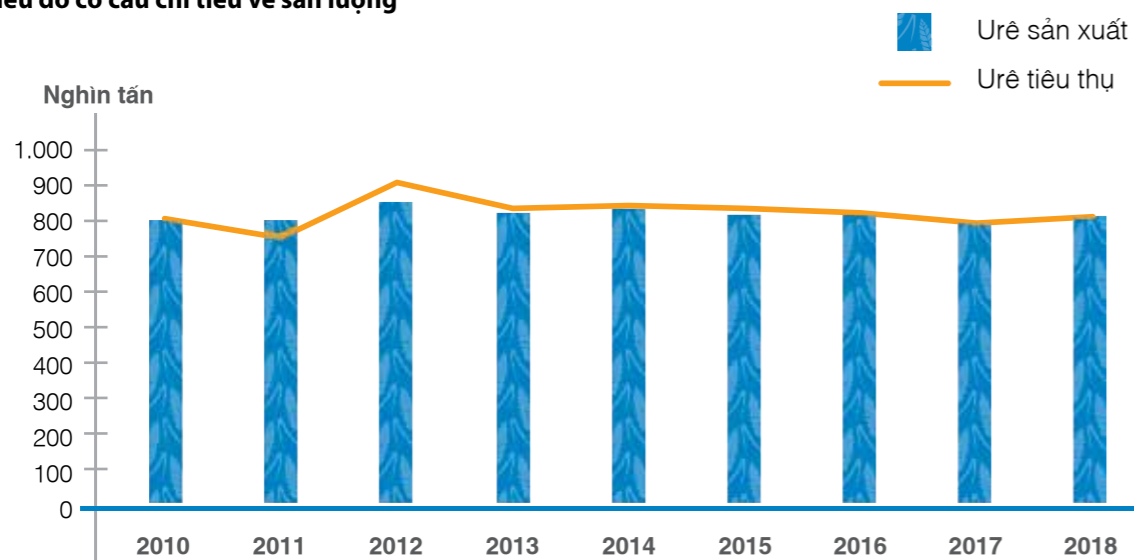




CHỈ TIÊU VỀ SẢN LƯỢNG

SẢN PHẨM	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018
Urê sản xuất (nghìn tấn)	807	802	856	822	850	817	818	799	816
Urê tiêu thụ (nghìn tấn)	806	752	908	835	843	835	823	794	812

Biểu đồ cơ cấu chỉ tiêu về sản lượng



TỔNG SẢN LƯỢNG SẢN XUẤT URÊ 2018

816

NGHÌN TẤN

TỔNG DOANH THU 2018

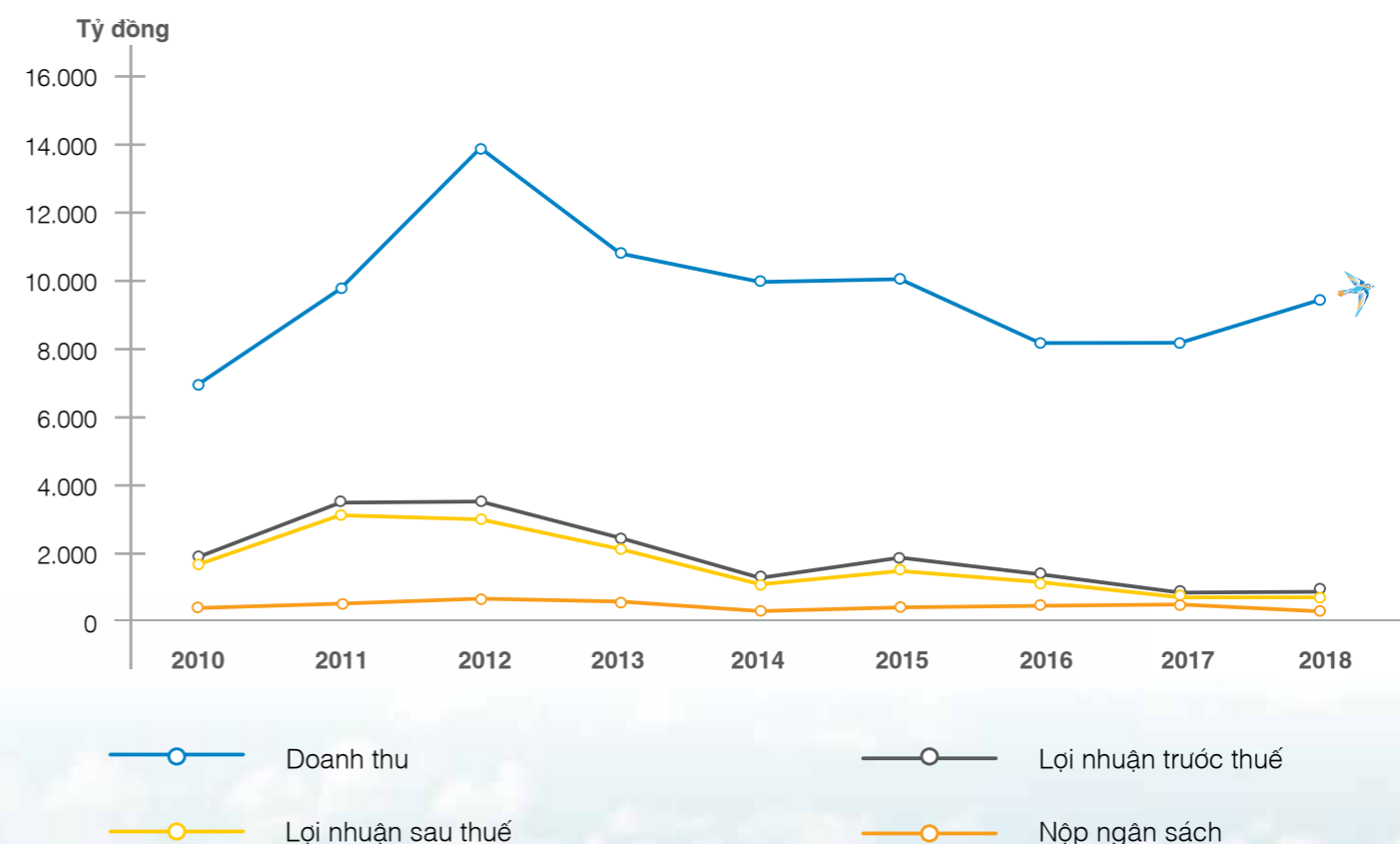
9.439

TỶ ĐỒNG

CHỈ TIÊU VỀ TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018
Doanh thu (tỷ đồng)	6.999	9.763	13.906	10.807	9.972	10.047	8.170	8.178	9.439
Nộp NS (tỷ đồng)	405	537	694	602	308	420	474	516	297
Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	1.922	3.510	3.542	2.468	1.285	1.880	1.393	853	871
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	1.707	3.140	3.016	2.142	1.096	1.488	1.165	708	712

Biểu đồ cơ cấu chỉ tiêu về tài chính hợp nhất



3

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Báo cáo tình hình sản xuất, kinh doanh năm 2018

- »» *Nhận định các yếu tố rủi ro chính*
- »» *Tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh*
- »» *Công tác đầu tư dự án và đầu tư khác*
- »» *Tình hình tài chính của Tổng công ty*

Báo cáo của Ban Tổng giám đốc

- »» *Đánh giá chung*
- »» *Phân tích tình hình tài chính*

Các danh hiệu đạt được trong năm 2018



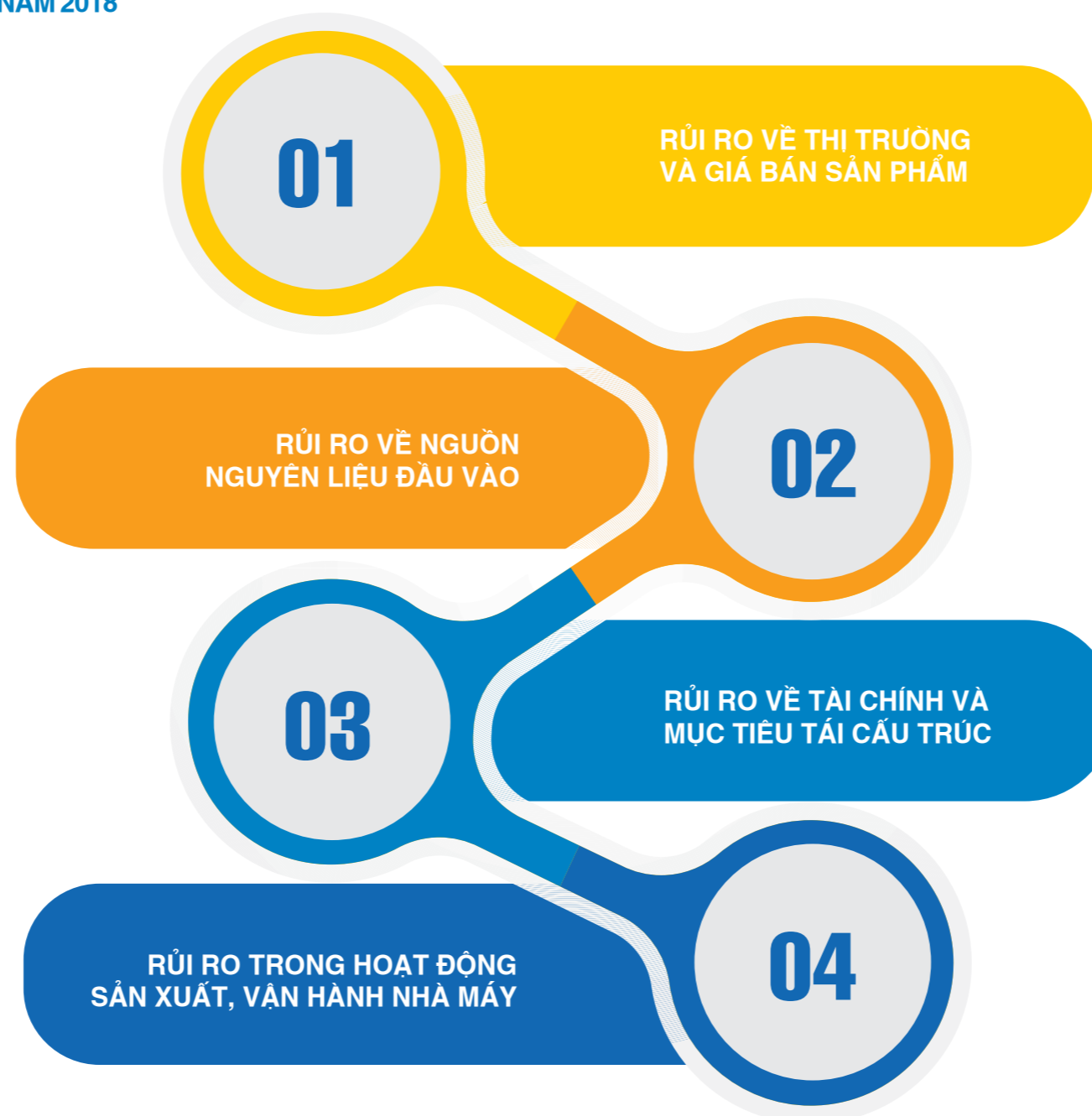
NHÂN ĐỊNH VỀ CÁC YẾU TỐ RỦI RO CHÍNH ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH VÀ VIỆC THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU CỦA TỔNG CÔNG TY TRONG NĂM 2018

Rủi ro trong hoạt động sản xuất, vận hành nhà máy

Nhà máy đạm Phú Mỹ, đơn vị sản xuất chủ lực của Tổng công ty đã vận hành gần 15 năm, mặc dù được bảo dưỡng sửa chữa lớn định kỳ và thường xuyên, nhưng đã bước vào giai đoạn tăng nguy cơ tiềm ẩn những sự cố, hỏng hóc của hệ thống máy móc, thiết bị. Những sự cố trong vận hành nếu phát sinh sẽ dẫn tới nguy cơ nhà máy phải ngừng hoạt động để khắc phục, và thời gian dừng hoạt động của nhà máy sẽ tác động lớn đến khả năng hoàn thành chỉ tiêu sản lượng sản xuất, tiêu thụ và doanh thu, lợi nhuận. Bên cạnh đó, sự cố trong vận hành nhà máy cũng có nguy cơ tác động xấu đến an toàn cho môi trường, cho người lao động và tăng chi phí khắc phục. Năm 2018 Nhà máy thực hiện đầu nối dây chuyền hiện hữu với dự án nâng công suất phân xưởng NH₃, nhà máy sản xuất NPK công nghệ hóa học mới hoàn thành xây dựng, cũng tiềm ẩn một số rủi ro.

Rủi ro về nguồn nguyên liệu đầu vào

Khí đầu vào là nguồn nguyên liệu chính và chiếm phần lớn trong cơ cấu giá thành sản xuất phân đạm hiện nay của Tổng công ty. Nguồn khí được Chính phủ bảo đảm cung cấp đủ tuy nhiên giá bán đã căn cứ theo giá thị trường. Giá khí biến động phụ thuộc theo thị trường cũng sẽ có thời điểm biến động ngoài tầm kiểm soát của Tổng công ty. Bên cạnh đó, do khí thiên nhiên là nguồn tài nguyên của đất nước, trong từng giai đoạn Chính phủ có thể có những điều chỉnh trong chiến lược khai thác, cung ứng phù hợp với mục tiêu tổng thể của nền kinh tế và những điều chỉnh này cũng có thể ảnh hưởng đến Tổng công ty là một đơn vị tiêu thụ khí.



Rủi ro về thị trường tiêu thụ

Hiện nay, thị trường phân đạm trong nước có nhu cầu ổn định khoảng 2 triệu tấn, trong khi đó tổng năng lực cung ứng của các nhà sản xuất trong nước đạt hơn 2,6 triệu tấn. Trong những năm qua, thực tế cho thấy mặc dù đã xuất hiện mức độ cạnh tranh cao, nhưng nguồn cung từ các nhà máy trong nước chưa đạt đến mức công suất thiết kế, cộng với uy tín của sản phẩm Đạm Phú Mỹ, Tổng công ty vẫn duy trì được khả năng tiêu thụ hết sản lượng phân đạm sản xuất với mức giá tốt nhất thị trường. Tuy nhiên không loại trừ rủi ro suy giảm thị phần và giá bán sản phẩm khi mà năng lực và chất lượng vận hành của các nhà sản xuất khác trong nước ngày càng tăng lên, cũng như do tác động từ các nguồn hàng nhập khẩu.

Với sản phẩm NPK Phú Mỹ, với công nghệ, định vị sản phẩm ở phân khúc cao cấp, chất lượng cao, hướng tới các khách hàng, cây trồng có giá trị cao, đầu tư lớn nên sản lượng, thị phần có rủi ro suy giảm khi giá nông sản xuống thấp.

Bên cạnh đó, biến đổi khí hậu, thiên tai thời tiết khắc nghiệt, bất thường, tình trạng hàng giả, hàng nhái cũng là những rủi ro lớn đối với ngành phân bón, đặc biệt là sản phẩm có uy tín như phân bón Phú Mỹ.

Rủi ro về tài chính và mục tiêu tái cấu trúc

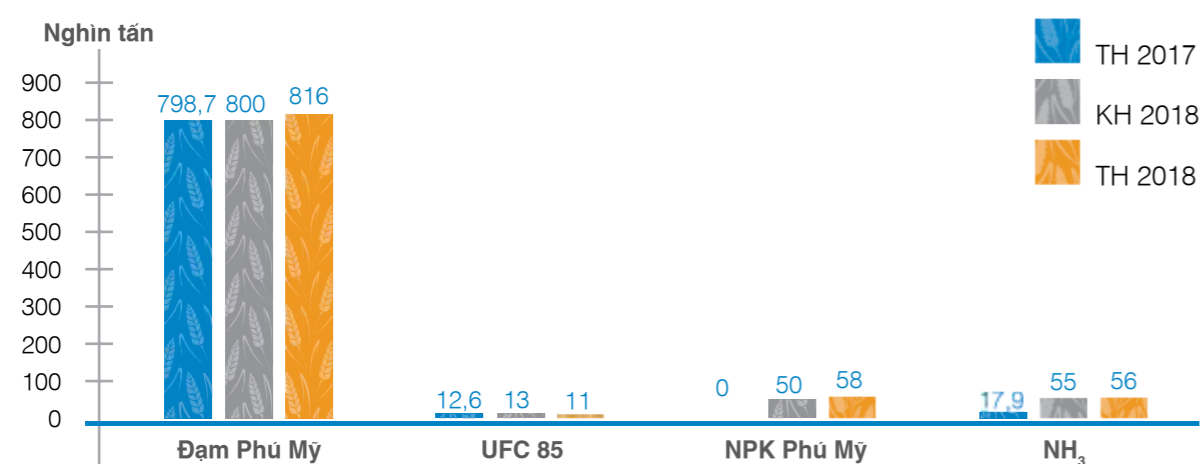
Tổng công ty có một số khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào một số công ty không cùng lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính và gặp tình trạng khó khăn trong sản xuất, kinh doanh như PVTex, PVC Mekong. Theo kế hoạch tái cấu trúc, Tổng công ty đặt ra mục tiêu thoái hết vốn khỏi các doanh nghiệp này. Tuy nhiên mục tiêu này khó có thể đạt được như mong muốn do những yếu tố ngoài tầm kiểm soát của Tổng công ty. Tổng công ty đã có các biện pháp trích lập dự phòng đầy đủ cho các khoản vốn đầu tư, tuy nhiên trong quá trình tìm kiếm phương án thoái vốn Tổng công ty phải triển khai một số hoạt động hỗ trợ giúp các công ty này nâng cao dần hiệu quả hoạt động nhằm thu hút các nhà đầu tư khác. Những biện pháp hỗ trợ này trước mắt có khả năng phát sinh thêm chi phí cho Tổng công ty.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Bảng tổng hợp kết quả sản xuất, kinh doanh năm 2018

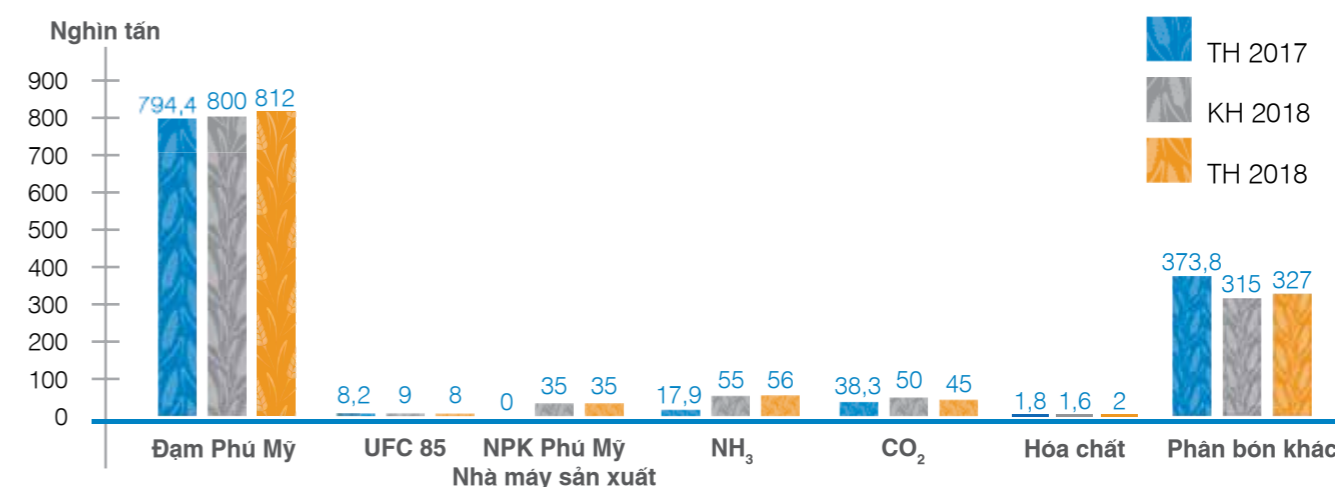
STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	THỰC HIỆN NĂM 2017	KẾ HOẠCH NĂM 2018	THỰC HIỆN NĂM 2018	TỶ LỆ SO VỚI NĂM 2017 (%)	TỶ LỆ HOÀN THÀNH KẾ HOẠCH (%)
A	B	C	1	2	3	4=3/1	5=3/2
1	SẢN LƯỢNG SẢN XUẤT						
	Đạm Phú Mỹ	Nghìn tấn	798,7	800,0	816,0	102%	102%
	UFC 85	Nghìn tấn	12,6	13,0	11,0	88%	85%
	NPK Phú Mỹ	Nghìn tấn	-	50,0	58,0		117%
	NH ₃ (để thương mại)	Nghìn tấn	17,9	55,0	56,0	315%	103%
2	SẢN LƯỢNG KINH DOANH						
	Đạm Phú Mỹ	Nghìn tấn	794,4	800,0	812,0	102%	102%
	NPK Phú Mỹ (Nhà máy sản xuất)	Nghìn tấn		35,0	35,0		100%
	Phân bón khác	Nghìn tấn	373,8	315,0	327,0	87%	104%
	UFC 85	Nghìn tấn	8,2	9,0	8,0	98%	89%
	NH ₃	Nghìn tấn	25,0	55,5	52,0	209%	94%
	CO ₂	Nghìn tấn	38,3	50,0	45,0	116%	89%
	Hóa chất	Nghìn tấn	1,8	1,6	2,0	97%	109%
3	CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH TOÀN TỔNG CÔNG TY (HỢP NHẤT)						
	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	8.178	9.050	9.439	115%	104%
	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	853	730	871	102%	119%
	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	708	620	712	101%	115%
	Nộp NSNN	Tỷ đồng	516	290	297	58%	102%

Sản lượng sản xuất các mặt hàng phân bón, hóa chất năm 2018



STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	THỰC HIỆN NĂM 2017	KẾ HOẠCH NĂM 2018	THỰC HIỆN NĂM 2018	TỶ LỆ SO VỚI NĂM 2017 (%)	TỶ LỆ HOÀN THÀNH KẾ HOẠCH (%)
A	B	C	1	2	3	4=3/1	5=3/2
4	CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ						
	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	7.893	7.560	8.132	103%	108%
	Trong đó: Vốn điều lệ	Tỷ đồng	3.914	3.914	3.914	100%	100%
	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	7.518	8.473	9.017	120%	106%
	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	847	700	863	102%	123%
	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	713	605	715	100%	118%
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ	%	18	15	18	100%	118%
	Nộp NSNN	Tỷ đồng	485	270	273	56%	101%
5	ĐẦU TƯ						
a.	Tổng mức đầu tư	Tỷ đồng	1.550	1.459	910	59%	62%
	Đầu tư XDCB	Tỷ đồng	1.490	1.359	831	56%	61%
	Mua sắm trang thiết bị	Tỷ đồng	60	85	79	132%	92%
	Đầu tư góp vốn	Tỷ đồng		15			0%
b.	Nguồn vốn đầu tư	Tỷ đồng	1.550	1.459	910	59%	62%
	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	922	671	342	37%	51%
	Vốn vay và khác	Tỷ đồng	629	789	568	90%	72%

Sản lượng kinh doanh các mặt hàng phân bón, hóa chất năm 2018



Những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm và nguồn cung cấp - đánh giá nguyên nhân

So với nhận định, kế hoạch, mục tiêu đề ra, thực tế năm 2018 có thể nhận diện hoạt động sản xuất, kinh doanh của Tổng công ty có những thay đổi, biến động nổi bật như sau:

- » Giá dầu, khí thị trường thế giới chuyển xu hướng tăng trong năm 2018. Điều này khiến chi phí nguyên liệu đầu vào của Tổng công ty tăng. Tuy nhiên, giá mặt hàng urê trong năm 2018 có diễn biến tích cực hơn dự báo.
- » Tổng công ty quyết liệt kiểm soát và tiết giảm chi phí quản lý, bán hàng, điều chỉnh hạch toán một số khoản chi phí và tài sản.
- » Nhà máy NPK vận hành thương mại bắt đầu từ quý 3, dẫn đến thay đổi về sản lượng và khấu hao tương ứng.

Với những biến động trong chi phí sản xuất và giá bán sản phẩm như trên, cân đối trong kết quả sản xuất, kinh doanh, Tổng công ty trình Đại hội đồng cổ đông thông qua điều chỉnh kế hoạch năm 2018, trong đó chỉ tiêu lợi nhuận tăng lên 730 tỷ đồng so với kế hoạch ban đầu là 442 tỷ đồng.

Về chính sách, sản lượng kinh doanh, doanh thu, thị phần, nguồn cung cấp... được Tổng công ty duy trì và thực hiện theo dự kiến.



Phân tích các mảng nổi bật trong sản xuất, kinh doanh

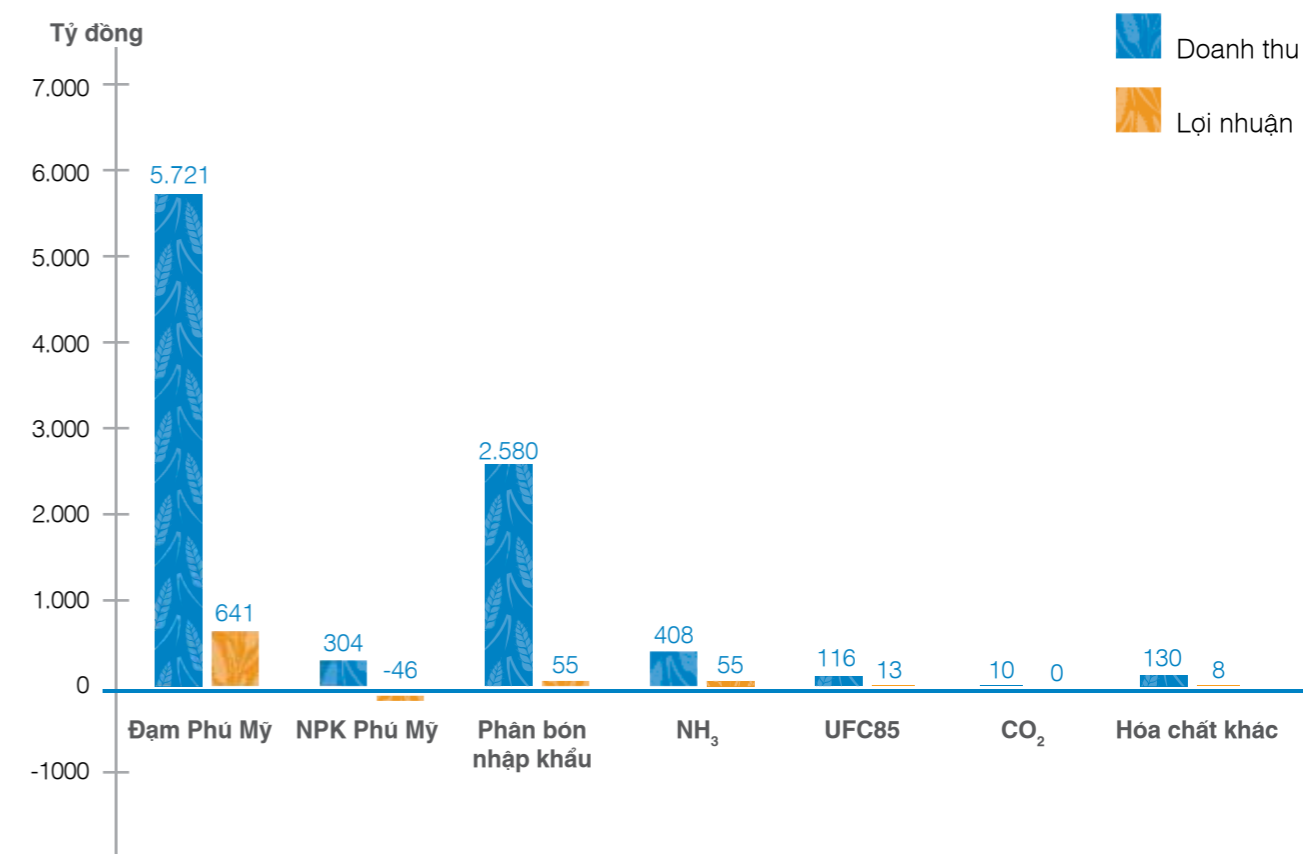
Về sản xuất

- » Nhà máy đạm Phú Mỹ đã hoàn thành kế hoạch sản xuất trước 10 ngày, sản lượng cả năm đạt 816 nghìn tấn, vượt 2% so với kế hoạch, đánh dấu thành tích 12 năm liên tục vận hành an toàn, ổn định và về đích trước kế hoạch sản lượng.
- » Nhà máy NPK Phú Mỹ chính thức vận hành thương mại từ giữa tháng 8/2018 và tới cuối năm 2018 đã sản xuất được gần 58.000 tấn NPK chất lượng cao.
- » Dự án nâng công suất Xưởng NH₃ thêm 90 ngàn tấn/năm được hoàn thành và vận hành từ tháng 1/2018, góp phần nâng sản lượng NH₃ thương mại đạt hơn 56 ngàn tấn, tăng 215% so với năm trước.
- » Tiếp tục thực hiện tốt công tác bảo dưỡng định kỳ, bảo dưỡng phòng ngừa đối với các thiết bị trong sản xuất - yếu tố quan trọng để giảm thiểu sự cố ngừng máy, đảm bảo sản xuất ổn định, an toàn và hiệu quả; nhanh chóng làm chủ công nghệ, dây chuyền sản xuất NPK, sản xuất được nhiều công thức khó.

Về kinh doanh

- » Phân bón: Kinh doanh hiệu quả gần 1,2 triệu tấn phân bón, giữ vững thương hiệu "Đạm Phú Mỹ" ở vị trí dẫn đầu toàn quốc. Đặc biệt, dù là sản phẩm mới, nhưng do có sự đầu tư chuẩn bị thị trường kỹ lưỡng, tại một số thị trường trọng điểm như Tây Nguyên, Đông Nam Bộ thì NPK Phú Mỹ đã vươn lên Top 2 thương hiệu mạnh, có bước tiến đáng kể tại thị trường phía Bắc, duyên hải Nam Trung Bộ... Tổng sản lượng kinh doanh NPK Phú Mỹ trong năm đạt gần 150.000 tấn do lượng cung từ nguồn nhập khẩu và kịp thời khai thác, cung cấp cho các thị trường, cây trồng tiềm năng, là nền tảng thuận lợi cho việc tiêu thụ sản lượng NPK do Nhà máy sản xuất trong các năm tiếp theo.
- » Hóa chất: Kinh doanh hiệu quả 107.000 tấn hóa chất, trong đó, lượng NH₃ thương mại tăng trưởng 209% do vận hành xưởng NH₃ (mở rộng), góp phần tăng đáng kể tỷ trọng đóng góp của hóa chất trong tổng doanh thu, lợi nhuận của Tổng công ty.

Cơ cấu doanh thu, lợi nhuận các mặt hàng phân bón, hóa chất năm 2018



CÔNG TÁC ĐẦU TƯ DỰ ÁN VÀ ĐẦU TƯ KHÁC

Theo kế hoạch năm 2018, Tổng công ty triển khai đầu tư/mua sắm 1 dự án nhóm A, 1 dự án nhóm B, 3 dự án nhóm C và một số hạng mục mua sắm tài sản cố định, trang thiết bị với tổng mức đầu tư xây dựng và mua sắm là 1.459 tỷ đồng. Với nỗ lực trong công tác đầu tư, năm 2018 Tổng công ty đã thực hiện giải ngân được 910 tỷ đồng đạt 62% kế hoạch năm.

Dự án tiêu biểu tiếp tục được triển khai và hoàn thành trong năm 2018 là Tổ hợp dự án “Nâng công suất phân xưởng NH₃ của Nhà máy đạm Phú Mỹ và xây dựng Nhà máy sản xuất NPK công nghệ hoá học”: Đây là dự án nâng công suất xưởng sản xuất NH₃ hiện tại của Nhà máy đạm Phú Mỹ thêm 90.000 tấn/năm

(tăng khoảng 20% công suất hiện có) và xây dựng nhà máy sản xuất 250.000 tấn NPK/năm bằng công nghệ hóa học. Tổng mức đầu tư cho tổ hợp dự án gần 5.000 tỷ đồng. Dự án mang tính khả thi cao trong điều kiện nhu cầu thị trường NPK chất lượng cao trong nước mỗi năm cần hơn 2 triệu tấn, nhưng sản phẩm sản xuất chất lượng cao, công nghệ hiện đại mới chỉ đáp ứng khoảng 5 - 10%. Hiện tại Tổ hợp đã được đưa vào sản xuất thương mại, cụ thể Dự án NH₃ đã đưa vào sản xuất thương mại từ tháng 01/2018 và dự án NPK đưa vào sản xuất thương mại từ tháng 8/2018, đóng góp khoảng hơn 700 tỷ đồng vào tổng doanh thu năm 2018.

Kết quả hoạt động đầu tư góp vốn

STT	NỘI DUNG	TỶ LỆ GÓP VỐN	TỔNG GIÁ TRỊ ĐẦU TƯ THỰC TẾ	VĐL	LNST	LNST/VĐL	CỔ TỨC NHẬN TRONG NĂM 2018
I	ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON		386,25	515,00	51,53		39,68
1	PVFCO NORTH	75,00%	90,00	120,00	14,31	12,00%	10,80
2	PVFCO CENTRAL	75,00%	75,00	100,00	13,33	13,00%	6,75
3	PVFCO SE	75,00%	93,75	125,00	12,90	10,00%	9,38
4	PVFCO SW	75,00%	127,50	170,00	10,99	6,00%	12,75
II	ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LDLK		680,90	2.487,80	-730,15		3,09
1	PVTEX	25,99%	562,70	2.165,11	-700,30		-
2	PVC MEKONG	35,63%	100,00	280,69	-38,49		-
3	PVFCO PACKAGING	43,34%	18,20	42,00	8,64	21,00%	3,09
III	ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC		20,50	396,35	6,07		-
1	PAIC	8,50%	3,60	42,35	0,85	2,00%	-
2	CÔNG TY CP THỦY HẢI SẢN ÚTXI	6,78%	16,90	354,00	5,22	1,50%	-
TỔNG CỘNG			1.087,65	3.399,15	-672,55		42,77

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA TỔNG CÔNG TY

Tình hình tài sản và nguồn vốn

CHỈ TIÊU	31/12/2018	31/12/2017	TỶ LỆ TĂNG (GIẢM)
TỔNG TÀI SẢN	11.134	10.264	8%
Tài sản ngắn hạn	5.172	5.017	3%
Tài sản dài hạn	5.962	5.247	14%
TỔNG NGUỒN VỐN	11.134	10.264	8%
NỢ PHẢI TRẢ	2.879	2.221	30%
VỐN CHỦ SỞ HỮU	8.255	8.043	3%
Vốn điều lệ	3.914	3.914	%
TỔNG DOANH THU	9.439	8.178	15%
TỔNG CHI PHÍ	8.571	7.329	17%
LÃI VAY	62,6	0,2	3.130%
EBIT	933	853	9%
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	871	853	2%
LỢI NHUẬN SAU THUẾ	712	708	1%
LNST cổ đông thiểu số	13	13	%
LNST Công ty mẹ	700	695	1%

Các chỉ số tài chính chủ yếu

CHỈ TIÊU	NĂM 2018	NĂM 2017
CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN		
Hệ số thanh toán ngắn hạn	3,42	3,54
Hệ số thanh toán nhanh	2,32	2,68
CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN		
Hệ số nợ/Tổng tài sản	25,86%	21,64%
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	34,88%	27,61%
CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG		
Vòng quay hàng tồn kho	5,13	5,48
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	83,50%	77,90%
CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI		
Hệ số LNST/Doanh thu thuần	7,66%	8,85%
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng doanh thu	9,22%	10,43%
ROE	8,74%	8,70%
ROA	6,66%	7,14%

ĐÁNH GIÁ CHUNG



Bước sang năm thứ 16 kể từ ngày thành lập và trải qua gần 12 năm hoạt động với mô hình Công ty cổ phần, Tổng công ty ngày càng lớn mạnh, phát triển và kết tinh những giá trị bền vững. Kế thừa và phát huy kinh nghiệm, nguồn nhân lực cùng với những thay đổi phù hợp về mô hình tổ chức, quản lý và phương thức điều hành. Năm 2018, mặc dù đối diện với nhiều thách thức, khó khăn, nhưng Tổng công ty đã nỗ lực phấn đấu và đạt được kết quả nhất định trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, tạo tiền đề cho sự phát triển của Tổng công ty trong giai đoạn tiếp theo.


 **Thuận lợi**

Để đạt được bước tiến trong năm 2018, Tổng công ty đã tận dụng những thuận lợi và khắc phục những khó khăn, chủ yếu như sau:


- » Nhận được sự tin tưởng, đồng hành của cổ đông.
- » Thương hiệu Phú Mỹ tạo được uy tín với khách hàng.
- » Hệ thống phân phối được triển khai sâu, rộng đến các vùng tiêu thụ.
- » Nguồn khí đầu vào đáp ứng đủ cho công suất hoạt động của Nhà máy đạm Phú Mỹ.
- » Nguồn vốn được đảm bảo đủ và kịp thời cho hoạt động sản xuất và kinh doanh.
- » Giá phân bón tăng.

 **Khó khăn**

- » Thị trường cạnh tranh gay gắt; lượng hàng nhập khẩu dồi dào gây ảnh hưởng đến tình hình tiêu thụ trong nước;
- » Thời tiết diễn biến khó lường, giá nông sản giảm sâu ảnh hưởng đến nhu cầu sử dụng phân bón cho cây trồng;
- » Giá các nguyên liệu sản xuất phân bón nhu giá khí ở mức cao hơn so với kế hoạch;
- » Hàng giả, kém chất lượng trên thị trường phân bón chưa được kiểm soát chặt chẽ.

 **Kết quả sản xuất, kinh doanh trong năm**

- » Doanh thu: 9,4 nghìn tỷ đồng - tăng 15% so với năm 2017, vượt 4% kế hoạch. Nhà máy đạm Phú Mỹ về đích trước kế hoạch 10 ngày.
- » Lợi nhuận sau thuế: 712 tỷ đồng - tăng 1% so với năm 2017, vượt 15% kế hoạch;
- » Sản lượng sản xuất: 816 nghìn tấn Đạm Phú Mỹ - tăng 2% so với năm 2017, vượt 2% kế hoạch;
- » Kinh doanh hiệu quả gần 1,2 triệu tấn phân bón các loại.

 **Các tiến bộ đạt được trong năm**

Trong hoạt động sản xuất

Nhờ quá trình tích lũy kinh nghiệm trong quá trình bảo dưỡng định kỳ, năm 2018 Tổng công ty tiếp tục chủ động và nhanh chóng xử lý sự cố phát sinh và thực hiện tốt công tác bảo dưỡng định kỳ, bảo dưỡng phòng ngừa đối với các thiết bị trong sản xuất - yếu tố quan trọng để giảm thiểu sự cố ngừng máy. Việc rà soát, hiệu chỉnh và áp dụng các bộ định mức đã có hiệu quả rõ rệt, kết quả là tổng tiêu hao năng lượng năm 2018 tại các xưởng sản xuất đều thấp hơn định mức ban hành. Bên cạnh đó, đã vận hành, làm chủ công nghệ Nhà máy NPK, sản xuất được các công thức khó.

Trong hoạt động kinh doanh

Thương hiệu và thị phần Đạm Phú Mỹ được giữ vững trên thị trường trong bối cảnh phân bón trong nước phải cạnh tranh rất khốc liệt với các loại phân bón nhập khẩu giá rẻ. Tổng sản lượng kinh doanh NPK Phú Mỹ, hóa chất tăng trưởng mạnh mẽ, thương hiệu dù mới nhưng đã vươn lên top đầu thị trường.

Đầu tư xây dựng cơ bản

- » Tổng giá trị giải ngân cho dự án Đầu tư xây dựng & Mua sắm trang thiết bị (ĐT XD & MSTTB) là 910 tỷ đồng.
- » Tổ hợp dự án lớn “Nâng công suất phân xưởng NH₃ của Nhà máy đạm Phú Mỹ và xây dựng nhà máy sản xuất NPK công nghệ hoá học”: Dự án nâng công suất xưởng sản xuất NH₃ hiện tại của Nhà máy đạm Phú Mỹ thêm 90.000 tấn/năm (tăng khoảng 20% công suất hiện có) và xây dựng nhà máy sản xuất 250.000 tấn NPK/năm từ nguồn NH₃ bằng công nghệ hóa học đã được đưa vào sản xuất thương mại trong năm 2018 và đóng góp vào tổng doanh thu khoảng 700 tỷ đồng.

Công tác nghiên cứu phát triển

Các nội dung nghiên cứu được đổi mới, tập trung vào nghiên cứu ứng dụng. Năm 2018, sản phẩm thử nghiệm Đạm Kali Silic PM 35-8-6SiO₂+TE nhận được đánh giá tích cực từ khách hàng, Tổng công ty sẽ hoàn thành để sớm đưa sản phẩm thương mại ra thị trường.

Trong công tác tổ chức, nhân sự

Dự án cải tiến chính sách tiền lương và Dự án KPI được áp dụng linh hoạt đã đem lại động lực cho CBCNV phát huy sáng tạo/cải tiến trong công việc và giúp Tổng công ty giữ chân CBCNV có trình độ cao.

Tuy nhiên, cũng phải nhận thấy rằng trong năm 2018, hoạt động sản xuất, kinh doanh của Tổng công ty cũng còn một số mặt cần hoàn thiện trong thời gian tới, đó là:

- » Bộ máy chưa thực sự tinh gọn.
- » Đầu tư tài chính (Liên doanh liên kết) kém hiệu quả.



PHÂN TÍCH VỀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản và nguồn vốn của PVFCCo

Tổng tài sản của PVFCCo tại ngày 31/12/2018 là 11.134 tỷ đồng, tăng 8% so với đầu năm (11.134/ 10.264 tỷ đồng). Lượng tiền và các khoản tương đương tiền của PVFCCo giảm 27% so với cùng đầu năm (1.717 / 2.362 tỷ đồng).

Trong năm 2018, PVFCCo thực hiện hoàn nhập khoản dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính theo quy định của Bộ Tài chính đối với Công ty CP Chế biến Thủy sản Út Xi với số tiền hoàn nhập là 146 triệu đồng.

Tình hình nợ phải trả

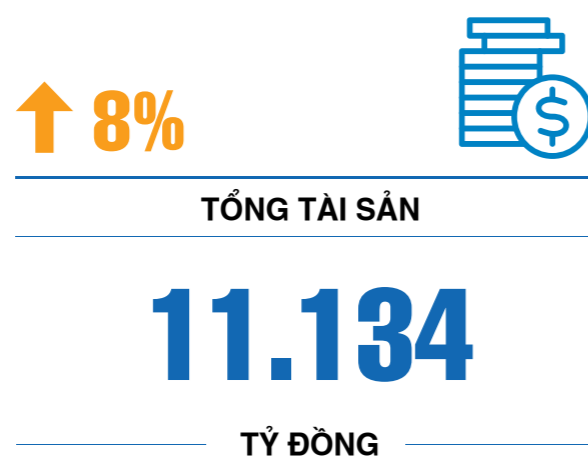
Khoản nợ phải trả năm 2018 của PVFCCo là 2.879 tỷ đồng, tăng 30% so với đầu năm (2.879/ 2.221 tỷ đồng).

Các chỉ số tổng nợ/ tổng tài sản, tổng nợ/ vốn chủ sở hữu đều tăng so với năm 2017 nhưng khả năng thanh toán hiện hành và thanh toán nhanh năm 2018 vẫn duy trì ở mức cao và lớn hơn 1. Điều này cho thấy khả năng thanh toán các khoản nợ tốt, Tổng công ty không gặp áp lực về nợ khi đến hạn phải trả, đảm bảo hoạt động sản xuất, kinh doanh tốt.

Với lượng tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ là 1.717 tỷ đồng, PVFCCo chủ động được nguồn vốn cho sản xuất, kinh doanh và thực hiện các dự án đầu tư theo kế hoạch.

Khả năng sinh lời

Các chỉ số về khả năng sinh lời của PVFCCo như ROE, ROA không thay đổi nhiều so với năm 2017.



PVFCo tiếp tục nằm trong Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR500)



PVFCo được bình chọn trong Top 30 DNNY nhóm Largecap có Báo cáo thường niên tốt nhất



Đạm Phú Mỹ lần thứ 15 liên tiếp đạt danh hiệu Hàng Việt Nam chất lượng cao



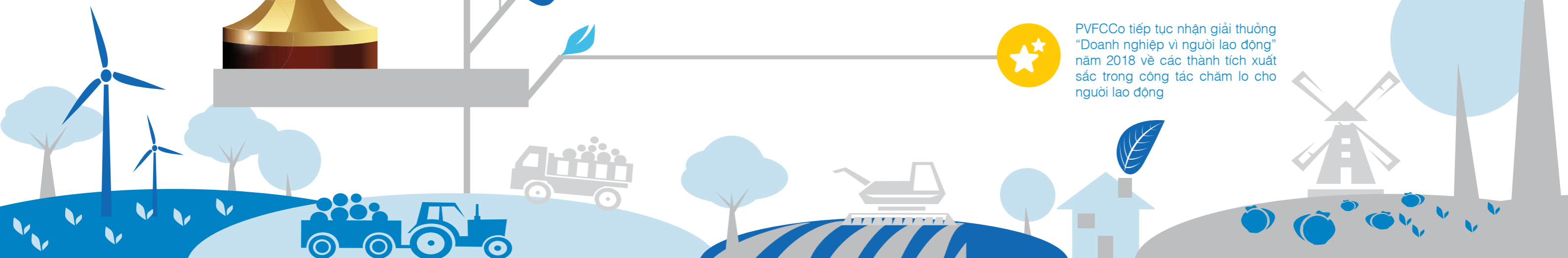
Thương hiệu Đạm Phú Mỹ tiếp tục nằm trong Top 40 thương hiệu có giá trị nhất Việt Nam (do Tạp chí Forbes bình chọn)



PVFCo được bình chọn trong Top 20 DNNY nhóm Largecap có Báo cáo Quản trị tốt nhất



PVFCo tiếp tục nhận giải thưởng "Doanh nghiệp vì người lao động" năm 2018 về các thành tích xuất sắc trong công tác chăm lo cho người lao động



4

THÔNG TIN VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Danh sách thành viên HĐQT, BĐH, BKS năm 2018

Thay đổi trong HĐQT, BĐH, BKS

Cơ cấu vốn cổ phần và cổ đông

Báo cáo về quản trị công ty

»» *Các đánh giá của HĐQT*

»» *Các kế hoạch, định hướng của Tổng công ty năm 2019*

Báo cáo về hoạt động của HĐQT năm 2018

Báo cáo hoạt động của BKS

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích khác của HĐQT, BTGD và BKS

Báo cáo quản trị rủi ro

Báo cáo hoạt động quan hệ nhà đầu tư





DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH, BAN KIỂM SOÁT

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU DPM	
			Đại diện	Sở hữu cá nhân
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ				
1	Nguyễn Tiến Vinh	Chủ tịch HĐQT chuyên trách, không điều hành, không nắm giữ chức vụ tại các doanh nghiệp khác	131.440.253	-
2	Lê Cự Tân	Thành viên HĐQT kiêm TGĐ, không nắm giữ chức vụ tại các doanh nghiệp khác	62.624.000	170.500
3	Nguyễn Hồng Vinh	Thành viên HĐQT chuyên trách, không điều hành, không nắm giữ chức vụ tại các doanh nghiệp khác	39.140.000	-
4	Louis T Nguyen	Thành viên HĐQT độc lập, không điều hành, là Tổng giám đốc Công ty quản lý quỹ đầu tư SAM, thành viên HĐQT Công ty CP Năm Bảy Bảy, Công ty CP Thế Kỷ 21	-	-
5	Lê Minh Hồng	Thành viên HĐQT độc lập, không điều hành	-	-
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC				
1	Lê Cự Tân	Tổng giám đốc	62.624.000	170.500
2	Lê Văn Quốc Việt	Phó Tổng giám đốc	-	-
3	Từ Cường	Phó Tổng giám đốc	-	-
4	Nguyễn Văn Tòng	Phó Tổng giám đốc	-	-
5	Dương Trí Hội	Phó Tổng giám đốc	-	115.000
6	Hoàng Việt Dũng	Phó Tổng giám đốc	-	64.000
7	Lê Thị Thu Hương	Phó Tổng giám đốc	-	63.500
8	Trần Thị Phương Thảo	Phó Tổng giám đốc	-	65.700
BAN KIỂM SOÁT				
1	Huỳnh Kim Nhân	Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách	-	-
2	Lê Vinh Vãn	Thành viên Ban kiểm soát chuyên trách	-	34.000
3	Lương Phương	Thành viên Ban kiểm soát	-	-
KẾ TOÁN TRƯỞNG				
1	Võ Ngọc Phương	Kế toán trưởng	-	24.700

THAY ĐỔI TRONG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH, BAN KIỂM SOÁT



Năm 2018 Tổng công ty có các thay đổi nhân sự:

- » Ông Lê Cự Tân, tiếp tục được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị từ ngày 26/04/2018 với nhiệm kỳ 5 năm.
- » Bà Nguyễn Thị Hiền, tiếp tục được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị từ ngày 26/04/2018 với nhiệm kỳ 5 năm.
- » Ông Nguyễn Hồng Vinh, tiếp tục được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị từ ngày 26/04/2018 với nhiệm kỳ 5 năm.
- » Ông Lương Phương, được bầu vào Ban kiểm soát từ ngày 26/04/2018 với nhiệm kỳ 05 năm.
- » Ông Nguyễn Văn Hòa, thôi giữ chức thành viên Ban kiểm soát từ ngày 26/04/2018.
- » Ông Nguyễn Văn Tòng, Phó Tổng giám đốc nghỉ hưu từ ngày 01/02/2018.

Tại thời điểm phát hành báo cáo thường niên 2018, nhân sự Hội đồng quản trị và Ban điều hành có thay đổi như sau:

- » Ông Nguyễn Tiến Vinh được bầu vào Hội đồng quản trị và giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị từ ngày 11/01/2019 thay ông Lê Cự Tân
- » Ông Đoàn Văn Nhuộm được miễn nhiệm chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc kể từ ngày 10/01/2019.
- » Bà Nguyễn Thị Hiền được miễn nhiệm chức vụ thành viên Hội đồng quản trị kể từ ngày 10/01/2019.
- » Ông Lê Minh Hồng, được bầu vào Hội đồng quản trị và giữ chức thành viên Hội đồng quản trị từ ngày 10/01/2019.
- » Ông Lê Cự Tân được bổ nhiệm giữ chức Tổng giám đốc kể từ ngày 11/01/2019.



Vốn cổ phần

- » Tổng số cổ phần của Tổng công ty: 391.400.000 cổ phần, tất cả đều là cổ phần phổ thông.
- » Số cổ phần đang lưu hành: Tại thời điểm cuối năm 2018, tổng số cổ phần đang lưu hành của Tổng công ty là 391.334.260 cổ phiếu (trừ 65.740 cổ phiếu quỹ).

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trong năm 2018, Tổng công ty không có sự thay đổi về vốn đầu tư của chủ sở hữu.

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Tổng số cổ phiếu quỹ tại thời điểm đầu năm 2018: 65.740 cổ phần.

Trong năm 2018, Tổng công ty không có giao dịch cổ phiếu quỹ. Tổng số cổ phiếu quỹ tại thời 31/12/2018: 65.740 cổ phần.

Cơ cấu cổ đông

Theo danh sách cổ đông do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam lập ngày 25/12/2018, tổng số cổ phần đang lưu hành là 391.334.260 cổ phần, sở hữu bởi 7.231 cổ đông.

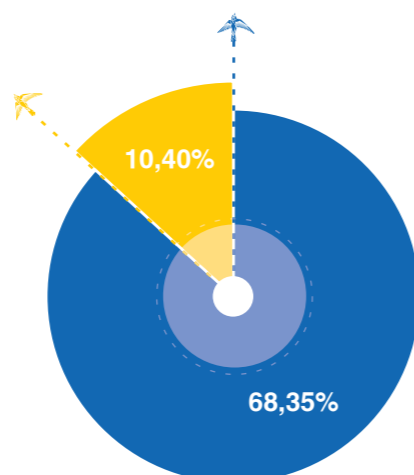
Cổ đông trong nước

Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông trong nước

CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG	SỐ CỔ PHẦN	TỶ LỆ % TRÊN TỔNG SỐ CỔ PHẦN LƯU HÀNH
Pháp nhân	79	267.457.546	68,35%
Cá nhân	6.648	40.701.073	10,40%
Tổng cộng	6.727	308.158.619	78,75%

Cơ cấu cổ đông trong nước

- Pháp nhân
- Cá nhân



Thông tin chi tiết về cổ đông lớn trong nước

TÊN CỔ ĐÔNG VÀ ĐỊA CHỈ	NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN NẤM GIỮ	TỶ LỆ % TRÊN TỔNG SỐ CỔ PHẦN LƯU HÀNH
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam Địa chỉ: 18 Láng Hạ, Quận Ba Đình, Hà Nội. Tập đoàn kinh tế nhà nước thuộc sở hữu của Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam Website: www.pvn.vn	<ul style="list-style-type: none"> » Tìm kiếm, thăm dò, khai thác, chế biến, tàng trữ và vận chuyển dầu khí, làm dịch vụ dầu khí trong và ngoài nước; Kinh doanh vật tư, thiết bị trong ngành dầu khí; Kinh doanh, phân phối sản phẩm dầu khí và hóa dầu; » Đầu tư sản xuất, kinh doanh điện, nhiên liệu sinh học, năng lượng tái tạo; » Các ngành nghề kinh doanh phụ trợ liên quan đến lĩnh vực dầu khí, năng lượng. 	233.204.253	59,59%

Cổ đông nước ngoài

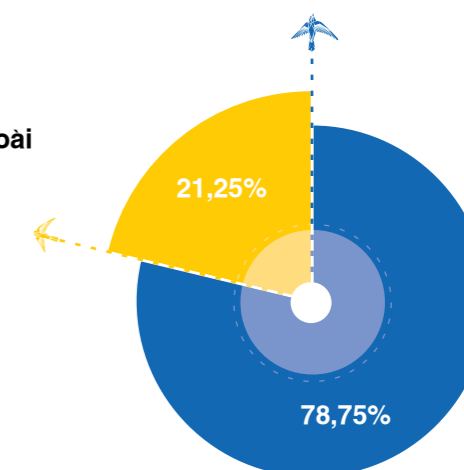
Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông nước ngoài

CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG	SỐ CỔ PHẦN	TỶ LỆ % TRÊN TỔNG SỐ CỔ PHẦN LƯU HÀNH
Pháp nhân	87	81.677.543	20,87%
Cá nhân	417	1.498.098	0,38%
Tổng cộng	504	83.175.641	21,25%

Thông tin chi tiết về cổ đông lớn nước ngoài: Không có

Cơ cấu cổ đông trong nước, nước ngoài

- Trong nước
- Nước ngoài



Cổ đông Nhà nước

Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông Nhà nước: Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (như trên)



Với vai trò là cơ quan quản lý Tổng công ty giữa 2 kỳ Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đánh giá tổng kết năm 2018 trong bối cảnh có những thuận lợi và khó khăn, với những giải pháp đúng đắn Tổng công ty đã tiếp tục hoàn thành và hoàn thành vượt mức các nhiệm vụ và chỉ tiêu kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm 2018.

CÁC ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY TẠI DOANH NGHIỆP

Tổng công ty áp dụng mô hình quản trị gồm có Đại hội đồng cổ đông, Ban kiểm soát, Ban điều hành theo Quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2014. Công tác quản trị của Tổng công ty tuân thủ và đáp ứng yêu cầu Quy định tại Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ. Tổng công ty bảo đảm môi trường, điều kiện về kiểm soát, kiểm toán nội bộ. Các báo cáo tài chính của Tổng công ty được lập trên cơ sở tuân thủ quy định của Pháp luật, phản ánh trung thực, chính xác hoạt động sản xuất, kinh doanh của Tổng công ty và được kiểm toán bởi đơn vị kiểm toán hàng đầu trong danh sách các đơn vị kiểm toán được Bộ Tài chính chấp thuận. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc có đủ năng lực và phẩm chất, không có những xung đột giữa lợi ích cá nhân với lợi ích của Tổng công ty, đã hoạt động hiệu quả với vai trò, chức năng của mình góp phần giúp cho Tổng công ty hoàn thành kế hoạch sản xuất, kinh doanh hàng năm. Tổng công ty luôn nỗ lực và chú trọng công tác cải tiến hoạt động quản trị công ty, hướng tới áp dụng thành công các thông lệ quản trị công ty tốt như: Nâng cao hiệu quả quản trị của Hội đồng quản trị, hoạt động giám sát của Ban kiểm soát, áp dụng các giải pháp hỗ trợ trong quản lý, điều hành sản xuất, kinh doanh: Hệ thống ERP, hệ thống ISO, hệ thống quản lý và đánh giá nhân viên KPI...

Tổng quan

Năm 2018 nền kinh tế Việt Nam có những điểm sáng về tốc độ tăng trưởng GDP, lạm phát được kiềm chế ở mức rất thấp mặc dù bối cảnh kinh tế và chính trị thế giới còn nhiều thách thức và bất ổn; Giá dầu thế giới đã tăng dần trở lại dẫn tới giá khí cũng tăng

lên sau khi đã giảm xuống mức thấp, tạo áp lực chi phí cho Tổng công ty; Tình hình cạnh tranh giữa các đơn vị trong cùng lĩnh vực ngày càng gay gắt; Thị trường phân đạm có những dấu hiệu tích cực; Chi phí thuế giá trị gia tăng đầu vào không được khấu trừ tiếp tục chiếm phần đáng kể trong chi phí sản xuất. Song, được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và giúp đỡ kịp thời của các cơ quan ban ngành, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, sự đồng hành, chia sẻ của Quý cổ đông, cùng với những giải pháp đúng đắn, sự chỉ đạo quyết liệt của Ban lãnh đạo và sự đoàn kết quyết tâm vượt qua mọi khó khăn thử thách của tập thể cán bộ, công nhân viên, Tổng công ty đã hoàn thành được nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh 2018 và vượt cả kế hoạch lợi nhuận đã điều chỉnh tăng.

Những kết quả đạt được

Với vai trò là cơ quan quản lý Tổng công ty giữa 2 kỳ Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đánh giá tổng kết năm 2018 trong bối cảnh có những thuận lợi và khó khăn, với những giải pháp đúng đắn Tổng công ty đã tiếp tục hoàn thành và hoàn thành vượt mức các nhiệm vụ và chỉ tiêu kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm 2018.

Bên cạnh việc luôn đảm bảo tối ưu hiệu quả sản xuất và kinh doanh sản phẩm thế mạnh của Tổng công ty là Đạm Phú Mỹ, trong năm 2018, Tổng công ty đã tập trung vào quản trị và nâng cao hiệu quả kinh doanh các sản phẩm phân bón tự doanh, đặc biệt là các sản phẩm mang thương hiệu Phú Mỹ (NPK Phú Mỹ, Kali Phú Mỹ), qua đó góp phần vào hiệu quả sản xuất, kinh doanh chung của Tổng công ty, đồng thời khai thác tối đa lợi thế của hệ thống

phân phối đã xây dựng. Các công ty con trong lĩnh vực phân phối cũng đã chủ động từng bước nâng cao năng lực cạnh tranh trong việc kinh doanh các sản phẩm phân bón tự doanh và hóa chất phục vụ dầu khí. Tổng công ty đã triển khai quyết liệt và hoàn thành cơ bản việc thi công xây dựng dự án đầu tư nâng công suất phân xưởng NH₃ Nhà máy đạm Phú Mỹ và xây dựng nhà máy sản xuất phân NPK công nghệ hóa học...với việc phân xưởng NH₃ nâng cấp đã vận hành thương mại từ tháng 1/2018 và Nhà máy sản xuất phân NPK công nghệ hóa học vận hành thương mại trong quý 3/2018.

Về mặt quản trị doanh nghiệp, Tổng công ty luôn giữ vững nguyên tắc công khai, minh bạch các hoạt động sản xuất, kinh doanh trên cơ sở áp dụng các chuẩn mực quản trị kinh doanh hiện đại nhất. Năm 2018 tiếp tục duy trì có hiệu quả hệ thống quản lý tích hợp: ISO 9001 - 2008, OSHAS 18001:2007 và ISO 14001:2004; hệ thống: ERP, STOP, 5S, Sig Sigma, CBM, RCA, FMEA, RBI, RCM..., bộ chỉ số đánh giá hiệu quả công việc KPI và đề án Cải tiến chính sách tiền lương (3P) nhằm tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, công bằng và hiệu quả. Bộ máy kiểm toán nội bộ đã triển khai với cách tiếp cận mới trong công tác kiểm toán, góp phần hoàn thiện và nâng cao công tác quản trị rủi ro trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh của Tổng công ty.

Về trách nhiệm đối với môi trường, cộng đồng: theo nội dung đánh giá tại phần báo cáo phát triển bền vững.

Những tồn tại, hạn chế cần khắc phục

Bên cạnh những thành tựu và kết quả đạt được trong năm 2018, Hội đồng quản trị đánh giá Tổng công ty vẫn còn một số tồn tại, hạn chế cần khắc phục và nâng cao sự quan tâm, cụ thể như sau:

Về sản xuất

» Nhà máy đạm Phú Mỹ sau hơn 15 năm vận hành, mặc dù được bảo dưỡng thường xuyên nhưng đã bắt đầu xuất hiện những sự cố ở các thiết bị tĩnh; việc kết nối, vận hành giữa dây chuyền thiết bị cũ và thiết bị mới đầu tư giai đoạn đầu còn có một số khó khăn, rủi ro trong việc đảm bảo sự vận hành ổn định, liên tục của toàn thể Nhà máy.

Về quản lý giá thành sản xuất

» Nhà máy NPK vận hành ở giai đoạn đầu, tính ổn định và sản lượng còn thấp, cũng như việc chuẩn bị nguồn nguyên liệu chưa tối ưu, khiến cho việc xây dựng định mức tiêu hao, kiểm soát giá thành chưa đạt hiệu quả tốt nhất.

Về đầu tư góp vốn tại các doanh nghiệp liên kết

» Mục tiêu thoái vốn tại các doanh nghiệp liên kết: PVTEX, PVC Mekong, PAIC và Công ty Cổ phần Thủy hải sản Út Xi chưa thực hiện được trong năm 2018 như kế hoạch đề ra. Hoạt động của các công ty này (trừ PAIC) trong năm 2018 tiếp tục đạt kết quả kém làm suy giảm vốn đầu tư của Tổng công ty.



Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc

Đánh giá chung về hoạt động của Ban điều hành trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của Tổng công ty:

- » Các thành viên trong Ban Tổng giám đốc đều có trình độ, năng lực và phẩm chất, được đào tạo đầy đủ về chuyên môn, am hiểu về lĩnh vực được giao phụ trách và đã có nhiều năm kinh nghiệm trong việc quản lý và điều hành các dự án/doanh nghiệp lớn.
- » Tổng giám đốc có phân công nhiệm vụ rõ ràng cho các Phó Tổng giám đốc và định kỳ hàng tuần tổ chức họp giao ban để đánh giá kết quả thực hiện công việc tuần và giao kế hoạch công việc kỳ tới.
- » Ban Tổng giám đốc đã triển khai hoạt động sản xuất, kinh doanh của đơn vị phù hợp với nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, chỉ đạo của Hội đồng quản trị và tuân thủ đúng điều lệ doanh nghiệp, quy định của pháp luật.

- » Hệ thống quản lý tích hợp ISO 9001 : 2008, OHSAS 18001:2007 và ISO 14001: 2004; hệ thống quản lý và hoạch định nguồn lực doanh nghiệp ERP đã được áp dụng thành công, đề án cải cách chính sách tiền lương và đánh giá nhân viên được triển khai góp phần đảm bảo hoạt động sản xuất, kinh doanh an toàn, hiệu quả.
- » Ban Tổng giám đốc nhận thức rõ những thuận lợi và khó khăn của Tổng công ty nên đã linh hoạt trong việc điều hành các hoạt động sản xuất, kinh doanh, đồng thời đã ban hành các văn bản tài liệu nội bộ theo thẩm quyền nhằm kiểm soát có hiệu quả mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh của Tổng công ty; thực hiện tốt vai trò kiểm soát rủi ro ngay từ Ban điều hành và các quản lý cấp trung.
- » Ban Tổng giám đốc đã chủ động trong việc xây dựng và phát triển hệ thống kênh phân phối; chủ động trong việc kinh doanh các mặt hàng tự doanh: NPK, Kali, DAP, SA các mặt hàng hóa chất và bước đầu cho thấy đã có chuyển biến tốt.

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA TỔNG CÔNG TY NĂM 2019

Năm 2019 những yếu tố về thị trường phân bón, về giá khí tiếp tục có những khó khăn như đã diễn ra trong năm 2018. Đặc biệt, về nguồn cung khí thiên nhiên đã chuyển sang thời kỳ khó khăn, các nguồn khí giá rẻ sụt giảm sản lượng. Tuy nhiên, với nỗ lực hoàn thành các dự án đầu tư trọng điểm, Tổng công ty kỳ vọng cụm dự án mới NH₃-NPK sẽ vận hành thương mại ổn định và đóng góp đáng kể vào doanh thu, lợi nhuận trong giai đoạn tới.

Hội đồng quản trị Tổng công ty đã ra Nghị quyết số 23/NQ-PBHC ngày 22/01/2019 về kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019. Căn cứ vào tình hình thực tế của hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019, Hội đồng quản trị sẽ rà soát, trình Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty thông qua các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh chính năm 2019 tại kỳ họp thường niên 2019 với sự điều chỉnh phù hợp.



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị (HDQT) năm 2018 đã được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) bầu gồm 5 thành viên với thông tin chi tiết như ở các phần trên, trong đó có 1 Chủ tịch, 1 Phó Chủ tịch, 1 thành viên chuyên trách, 1 thành viên kiêm Tổng giám đốc và 1 thành viên độc lập và không điều hành. HDQT không thành lập các tiểu ban. Hoạt động của HDQT được phân công cụ thể cho các thành viên chuyên trách phụ trách theo từng lĩnh vực để thẩm tra các nội dung thuộc thẩm quyền của HDQT để HDQT ra quyết định, đồng thời giám sát, chỉ đạo, đôn đốc Tổng công ty triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của HDQT theo lĩnh vực được phân công.

Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2018

Với vai trò là cơ quan quản lý cao nhất, đại diện cho quyền lợi của các cổ đông, trong năm 2018, HDQT với 05 thành viên đương nhiệm đã tích cực thực hiện vai trò, nhiệm vụ của mình một cách nghiêm ngặt theo chuẩn mực quản trị của công ty cổ phần. HDQT được tổ chức hoạt động chuyên trách, ra quyết định tập thể, có sự phân công nhiệm vụ cho các Ủy viên HDQT theo từng lĩnh vực chuyên môn.

Trong năm 2018, HDQT họp 5 phiên họp và 65 lần lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản, thông qua 70 nghị quyết, quyết định quan trọng và nhiều văn bản chỉ đạo khác về những nội dung quan trọng tiêu biểu sau đây:

Kế hoạch, chiến lược

- » Phê duyệt kế hoạch và giám sát thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm 2018, thẩm định và phê duyệt kế hoạch năm 2019 để báo cáo ĐHĐCĐ trong phiên họp thường niên 2019.
- » Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm 2018.
- » Phê duyệt đề cương xây dựng Chiến lược nghiên cứu phát triển giai đoạn 2019 - 2028.

Về tổ chức - nhân sự

- » Tiếp tục chỉ đạo rà soát để xây dựng kế hoạch tái cấu trúc giai đoạn 2016 - 2020 của Tổng công ty.
- » Phê duyệt định biên lao động.

Hệ thống quản trị, kiểm soát rủi ro, kiểm soát nội bộ

Phê duyệt và triển khai kế hoạch kiểm toán nội bộ theo quy trình và bộ máy được hoàn thiện từ dự án hỗ trợ thiết lập bộ máy kiểm toán nội bộ; Chỉ đạo thực hiện và áp dụng giai đoạn 2 hệ thống ERP; Phê duyệt và triển khai kế hoạch kiểm toán nội bộ theo quy trình.

Đầu tư, triển khai các dự án

Chỉ đạo triển khai và xử lý vướng mắc nhằm hoàn thành chạy thử, nghiệm thu dự án đầu tư nâng công suất xưởng NH₃ Nhà máy đạm Phú Mỹ và xây dựng Nhà máy phân NPK công nghệ hóa học. Phê duyệt quyết toán hoàn thành dự án nhà máy sản xuất UFC 85/Formaldehyde.

Ban hành, sửa đổi bổ sung các quy chế

Quy chế quản lý kinh doanh phân bón, Quy chế xây dựng và quản lý hệ thống phân phối, Quy chế quản trị Tổng công ty, Điều lệ Tổng công ty (sửa đổi)...

Công tác tài cơ cấu

Xây dựng lộ trình và định hướng để thoái vốn của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại Tổng công ty;

Quan hệ cổ đông

Tổ chức thành công phiên họp ĐHĐCĐ thường niên 2018, chuẩn bị và tổ chức thành công phiên họp ĐHĐCĐ bất thường ngày 10/01/2019; Tổ chức gần 60 cuộc tiếp xúc riêng lẻ và theo nhóm với hơn 300 đại diện các quỹ đầu tư trong và ngoài nước là các cổ đông hiện hữu và nhà đầu tư tiềm năng theo yêu cầu; Tham dự 08 sự kiện/hội thảo tiếp xúc nhà đầu tư, cổ đông chủ chốt và tiềm năng tại Việt Nam và quốc tế (Mỹ, Anh, Singapore); Thực hiện công bố thông tin minh bạch, kịp thời ra thị trường theo quy định; Phát hành 2 kỳ bản tin Nhà đầu tư vào quý 3 và quý 4, phát hành Báo cáo thường niên vào quý 2; Thực hiện các chương trình hợp tác với các tổ chức môi giới, các cơ quan truyền thông đầu tư tài chính nhằm chuyển tải và phản hồi kịp thời, minh bạch các thông tin về PVFCCo ra thị trường; duy trì kết nối hợp tác với các cổ đông chủ chốt và các tổ chức đầu tư tài chính lớn trong và ngoài nước...

Lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính

Phối hợp với Ban kiểm soát để thông qua việc lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Ngoài các phiên họp định kỳ và bất thường, HDQT còn thường xuyên giao ban công việc hàng tuần, hàng tháng để kiểm tra, đánh giá công việc của HDQT và giám sát việc thực hiện của Ban điều hành đối với các nghị quyết, quyết định của HDQT trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của Tổng công ty.

Các thành viên HDQT đã thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo, giám sát, đôn đốc kịp thời hoạt động của Ban điều hành thông qua:

- » Tham dự và có ý kiến chỉ đạo trong các cuộc họp quan trọng của Ban điều hành về việc triển khai

các nghị quyết, quyết định của HDQT, hoặc về việc chuẩn bị các đề án, dự án để trình HDQT.

- » Tham dự và có ý kiến chỉ đạo trong các cuộc họp giao ban công tác định kỳ của Ban điều hành.
- » Tham dự và có ý kiến chỉ đạo trong các cuộc họp của các Hội đồng giá sản phẩm, chính sách bán hàng, chính sách nhân viên, công tác tổ chức lao động, các cuộc họp về xây dựng và giao kế hoạch sản xuất, kinh doanh cho các đơn vị trực thuộc, báo cáo và kiểm điểm các công tác trọng điểm...
- » Theo dõi và nắm bắt quá trình điều hành sản xuất, kinh doanh, thông qua các báo cáo, văn bản của Ban điều hành gửi báo cáo HDQT.
- » Trực tiếp chỉ đạo và góp ý đối với Ban điều hành trong một số vấn đề quan trọng phát sinh trong quá trình điều hành sản xuất, kinh doanh.



Danh mục các nghị quyết, quyết định của hội đồng quản trị đã thông qua và ban hành trong năm 2018

STT	SỐ NGHỊ QUYẾT/ QUYẾT ĐỊNH	NGÀY	NỘI DUNG
1	01-NQ-PBHC	03/01/2018	Nghị quyết chấp thuận kéo dài thời gian thực hiện dự án Nhà máy sản xuất phân Đạm Phú Mỹ đến năm 2048
2	12-QĐ-PBHC	15/01/2018	Quyết định ban hành Quy chế quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh phân bón của PVFCCo
3	11-QĐ-PBHC	15/01/2018	Quyết định ban hành Quy chế xây dựng và phát triển hệ thống phân phối sản phẩm phân bón của PVFCCo
4	16-NQ-PBHC	23/01/2018	Nghị quyết thông qua KH hoạt động năm 2018 của Hội đồng quản trị PVFCCo
5	23-QĐ-PBHC	26/01/2018	Quyết định ban hành Chính sách nhân viên của Tổng công ty
6	24-QĐ-PBHC	26/01/2018	Quyết định ban hành Quy chế đánh giá thực hiện Kế hoạch sản xuất, kinh doanh hàng năm của các đơn vị trực thuộc/các công ty con của Tổng công ty
7	27-NQ-PBHC	26/01/2018	Nghị quyết phê duyệt và giao kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm 2018 của PVFCCo
8	38-NQ-PBHC	06/02/2018	Nghị quyết thông qua phương án bổ nhiệm lại cán bộ
9	63-QĐ-PBHC	08/02/2018	Quyết định về việc bổ nhiệm lại cán bộ - ông Nguyễn Ngọc Hiếu
10	85-NQ-PBHC	13/02/2018	Nghị quyết phê duyệt Dự toán và Danh mục vật tư dự phòng 2 năm dự án Nâng công suất xưởng NH ₃ Nhà máy đạm Phú Mỹ và xây dựng nhà máy sản xuất phân NPK công nghệ hóa học
11	86-NQ-PBHC	13/02/2018	Nghị quyết triển khai công tác quản lý vốn bằng tiền quý 1 năm 2018
12	93-NQ-PBHC	06/03/2018	Nghị quyết phê duyệt hạn mức tín dụng năm 2018
13	92-NQ-PBHC	06/03/2018	Nghị quyết dời thời điểm hoàn thành dự án Nâng công suất xưởng NH ₃ Nhà máy đạm Phú Mỹ và xây dựng nhà máy sản xuất phân NPK công nghệ hóa học
14	107-NQ-PBHC	21/03/2018	Nghị quyết phiên họp thứ 1 (2018) của Hội đồng quản trị Tổng công ty
15	108-NQ-PBHC	21/03/2018	Nghị quyết chấp thuận kế hoạch kinh doanh năm 2018 của PVFCCo North
16	109-NQ-PBHC	21/03/2018	Nghị quyết chấp thuận kế hoạch kinh doanh năm 2018 của PVFCCo Central
17	110-NQ-PBHC	21/03/2018	Nghị quyết chấp thuận kế hoạch kinh doanh năm 2018 của PVFCCo SE
18	111-NQ-PBHC	21/03/2018	Nghị quyết chấp thuận kế hoạch kinh doanh năm 2018 của PVFCCo SW

STT	SỐ NGHỊ QUYẾT/ QUYẾT ĐỊNH	NGÀY	NỘI DUNG
19	128-NQ-PBHC	30/03/2018	Nghị quyết về việc thông qua kế hoạch hoạt động năm 2018 của ban Kiểm toán nội bộ PVFCCo - CTCP
20	143-QĐ-PBHC	17/04/2018	Thành lập Đoàn kiểm toán nội bộ đợt 1 năm 2018 của PVFCCo
21	141-NQ-PBHC	13/04/2018	Nghị quyết thôi biệt phái và điều động ông Võ Phụng Hoàng
22	144-NQ-PBHC	18/04/2018	Nghị quyết chấp thuận các nội dung chính Thỏa thuận hỗ trợ có hoàn trả kinh phí tối thiểu thực hiện kế hoạch khởi động lại Nhà máy sản xuất xo sợi polyester Đình Vũ
23	150-NQ-PBHC	23/04/2018	Nghị quyết phê duyệt quỹ lương thực hiện năm 2017 của PVFCCo
24	34-NQ-DHDCD	26/04/2018	Nghị quyết phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018
25	35-NQ-DHDCD	26/4/2018	Nghị quyết Ban hành Điều lệ Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP (sửa đổi)
26	36-NQ-DHDCD	26/4/2018	Nghị quyết Ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP
27	37-NQ-DHDCD	26/4/2018	Nghị quyết thông qua kết quả bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP
28	157-NQ-PBHC	27/04/2018	Nghị quyết chấp thuận điều chỉnh thời gian thực hiện HĐ EPC phần dự án nâng công suất phân xưởng NH ₃ của Nhà máy đạm Phú Mỹ thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình: Nâng công suất phân xưởng NH ₃ của Nhà máy đạm Phú Mỹ và xây dựng Nhà máy sản xuất phân NPK công nghệ hóa học
29	166-NQ-PBHC	3/5/2018	Phương án triển khai chương trình an sinh xã hội năm 2018
30	165-NQ-PBHC	3/5/2018	Phê duyệt bản tổng hợp đánh giá mức độ hoàn thành kế hoạch năm 2017 của Tổng công ty và các đơn vị trực thuộc, đơn vị thành viên của Tổng công ty
31	178-NQ-PBHC	10/05/2018	Nghị quyết chấm dứt áp dụng các nghị quyết về phân bổ chi phí gián tiếp trong kinh doanh phân bón ngoài Urê Phú Mỹ
32	185-NQ-PBHC	14/05/2018	Nghị quyết phê duyệt Kế hoạch khoa học công nghệ năm 2018 của PVFCCo
33	184-NQ-PBHC	14/05/2018	Nghị quyết thông qua Chương trình hành động thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2018
34	190-QĐ-PBHC	18/05/2018	Quyết định sửa đổi bổ sung Quy chế trả lương, trả thưởng và chế độ chính sách đối với người đại diện của TĐDKVN tại PVFCCo

STT	SỐ NGHỊ QUYẾT/ QUYẾT ĐỊNH	NGÀY	NỘI DUNG
35	200-NQ-PBHC	25/05/2018	Nghị quyết bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty và phân công nhiệm vụ Người công bố thông tin trên thị trường chứng khoán - ông Trương Thế Vinh
36	204-NQ-PBHC	28/05/2018	Nghị quyết chấp thuận chủ trương thanh lý trạm chiết nạp NH ₃ tại Nhà máy đạm Phú Mỹ và công tác tiêu thụ NH ₃
37	205-NQ-PBHC	28/05/2018	Nghị quyết chấp thuận nội dung Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Bảo hiểm vận hành Nhà máy đạm Phú Mỹ thời hiệu 2018 - 2020
38	213-NQ-PBHC	31/05/2018	Nghị quyết phê duyệt kế hoạch vốn lưu động cho phân bón nhập khẩu thương hiệu Phú Mỹ và tồn kho phân bón Urê Phú Mỹ năm 2018
39	214-NQ-PBHC	31/05/2018	Nghị quyết phê duyệt danh sách các tổ chức tín dụng và hạn mức đầu tư tiền gửi năm 2018
40	308-NQ-PBHC	08/06/2018	Nghị quyết phê duyệt xếp lương chức danh Kế toán trưởng và Kiểm soát viên chuyên trách Tổng công ty
41	309-NQ-PBHC	08/06/2018	Nghị quyết thông qua nội dung Đề cương Chiến lược Nghiên cứu và Phát triển giai đoạn 2019 - 2028 và tầm nhìn đến năm 2035 của Tổng công ty
42	323-NQ-PBHC	18/06/2018	Nghị quyết lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018
43	325-NQ-PBHC	19/06/2018	Nghị quyết phê duyệt phương án triển khai mua bổ sung bảo hiểm nhân thọ cho một số cán bộ quản lý của Tổng công ty
44	326-QĐ-PBHC	19/06/2018	Quyết định sửa đổi bổ sung Quy chế trả lương, trả thưởng và phân phối quỹ phúc lợi của PVFCCo
45	330-QĐ-PBHC	22/06/2018	Quyết định phê duyệt KH lựa chọn nhà thầu gói thầu: Bảo hiểm vận hành Nhà máy đạm Phú Mỹ thời hiệu 2018 - 2020
46	333-NQ-PBHC	26/06/2018	Nghị quyết thông qua phương án bổ nhiệm cán bộ
47	335-QĐ-PBHC	27/06/2018	Quyết định điều động và bổ nhiệm ông Cao Trung Kiên làm người đại diện phần vốn của PVFCCo tại PVFCCo North
48	336-QĐ-PBHC	27/06/2018	Quyết định điều động ông Trần Tuấn Nam làm người đại diện phần vốn của PVFCCo tại PVFCCo Central
49	337-QĐ-PBHC	27/06/2018	Quyết định điều động và bổ nhiệm ông Mai Thanh Hải làm người đại diện phần vốn của PVFCCo tại PVFCCo Central
50	387-NQ-PBHC	13/08/2018	Nghị quyết triển khai công tác quản lý vốn bằng tiền quý 3 năm 2018
51	401-QĐ-PBHC	31/08/2018	Quyết định thành lập Tổ thẩm định quyết toán vốn: Dự án đầu tư xây dựng công trình xưởng sản xuất UFC 85/Formaldehyde
52	404-NQ-PBHC	04/09/2018	Nghị quyết phê duyệt điều chỉnh/cập nhật chỉ tiêu bộ định mức tiêu hao hóa chất, vật tư, nguyên nhiên liệu, năng lượng cho sản xuất tại Nhà máy đạm Phú Mỹ (bộ định mức số 1) của PVFCCo

STT	SỐ NGHỊ QUYẾT/ QUYẾT ĐỊNH	NGÀY	NỘI DUNG
53	410-NQ-PBHC	13/09/2018	Nghị quyết phê duyệt kế hoạch định biên lao động năm 2018
54	424-NQ-PBHC	1/10/2018	Nghị quyết Phiên họp thứ 4 (2018) của Hội đồng quản trị Tổng công ty
55	428-QĐ-PBHC	2/10/2018	Quyết định bổ nhiệm lại ông Dương Trí Hội giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc PVFCCo
56	427-QĐ-PBHC	02/10/2018	Quyết định bổ nhiệm lại bà Lê Thị Thu Hương giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc PVFCCo
57	426-QĐ-PBHC	02/10/2018	Quyết định bổ nhiệm lại ông Từ Cường giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc PVFCCo
58	425-QĐ-PBHC	2/10/2018	Quyết định bổ nhiệm lại ông Lê Văn Quốc Việt giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc PVFCCo
59	486-QĐ-PBHC	14/11/2018	Quyết định phê duyệt phương pháp tính và các giá trị định mức áp dụng cho Nhà máy đạm Phú Mỹ theo Quy chế thưởng phạt định mức kinh tế - kỹ thuật
60	539-NQ-PBHC	30/11/2018	Nghị quyết thu xếp tạm ứng cho các khoản hỗ trợ cho Công ty CP Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí - PVTex
61	550-NQ-PBHC	03/12/2018	Nghị quyết triển khai công tác quản lý vốn bằng tiền quý 4 năm 2018
62	553-NQ-PBHC	04/12/2018	Nghị quyết tổ chức phiên họp bất thường Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí
63	562-NQ-PBHC	12/12/2018	Nghị quyết điều chỉnh một số chỉ tiêu kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm 2018 của Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí
64	573-NQ-PBHC	17/12/2018	Nghị quyết Phiên họp thứ 5 (2018) của Hội đồng quản trị Tổng công ty
65	577-NQ-PBHC	18/12/2018	Nghị quyết chấp thuận điều chỉnh kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm 2018 của Công ty CP Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ
66	576-NQ-PBHC	18/12/2018	Nghị quyết chấp thuận điều chỉnh kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm 2018 của Công ty CP Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ
67	575-NQ-PBHC	18/12/2018	Nghị quyết chấp thuận điều chỉnh kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm 2018 của Công ty CP Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung
68	574-NQ-PBHC	18/12/2018	Nghị quyết chấp thuận điều chỉnh kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm 2018 của Công ty CP Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc
69	580-QĐ-PBHC	19/12/2018	Quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành: Dự án đầu tư xây dựng công trình xưởng sản xuất UFC 85/Formaldehyde
70	582-NQ-PBHC	21/12/2018	Nghị quyết tạm sử dụng nguồn kinh phí hỗ trợ cho Công ty CP Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí - PVTEX

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành

Thành viên Hội đồng quản trị Louis T Nguyễn, hoạt động kiêm nhiệm tại Hội đồng quản trị và hiện tại đáp ứng tiêu chí thành viên độc lập không điều hành, đã tham dự và ủy quyền tham dự đầy đủ các cuộc họp và tham gia ý kiến, biểu quyết độc lập về các vấn đề quyết định của Hội đồng quản trị; tham gia giám sát, chỉ đạo hoạt động của Ban điều hành theo phân công của Hội đồng quản trị kể từ thời điểm được bầu vào Hội đồng quản trị (28/04/2016).

Đánh giá của thành viên HĐQT độc lập về quản trị/điều hành của Tổng công ty trong năm 2018

Trong năm 2018, Tổng công ty tiếp tục tiếp nhận, phản hồi một số ý kiến của cổ đông liên quan tới vấn đề điều hành quản trị doanh nghiệp. Thành viên HĐQT độc lập nhận xét như sau:

- » Trong Tổng công ty, cổ đông Nhà nước cũng giống như các cổ đông khác, đều mong muốn giá trị của công ty tăng lên. Những người quản trị là đại diện vốn nhà nước ngoài nhiệm vụ tuân thủ chế độ quản trị doanh nghiệp, còn ràng buộc trách nhiệm quản lý, bảo toàn phần vốn của Nhà nước. Tổng công ty phụ thuộc khá lớn vào chi phí nguyên liệu sản xuất và ban quản trị đã hết sức nỗ lực trong việc thuyết trình, đề xuất, bảo vệ cho những cam kết, hay chính sách của Nhà nước có lợi nhất cho Tổng công ty về lĩnh vực này.

- » Pháp luật cho nhà đầu tư cơ chế để giám sát, thông qua chế độ báo cáo, công tác kiểm toán độc lập, hoặc một số công tác thanh tra, kiểm toán nhà nước khác. Các cổ đông có cơ sở để tin tưởng vào các tài liệu báo cáo đã qua tiến trình đó (kiểm toán Big 4, kiểm toán nội bộ, kiểm toán nhà nước...).
- » Thành viên độc lập phụ trách về mảng quan hệ với các cổ đông đặc biệt là nước ngoài, chiếm tỷ lệ khá lớn trong công ty, trong năm 2018 đã chuyển tải đến nhà đầu tư về những giá trị, những lợi thế của Tổng công ty và nỗ lực từ ban quản trị, điều hành, và ngược lại cũng mang những đóng góp, ý tưởng từ nhà đầu tư về cho HĐQT về đường lối, chiến lược, hay những phương hướng về tìm nhà đầu tư chiến lược. Tổng công ty đã và đang có những nền tảng quản trị tốt trong số những công ty được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước. Và việc cải tiến liên tục để hiệu quả là điều mong muốn đương nhiên của tất cả các cổ đông.

Bồi dưỡng, đào tạo nâng cao kiến thức Quản trị công ty cho các thành viên Hội đồng quản trị

Tất cả các thành viên HĐQT đều có kinh nghiệm và được đào tạo về Quản trị công ty tại thời điểm được bầu và bổ nhiệm.

Các thành viên HĐQT luôn chủ động bồi dưỡng, đào tạo cập nhật, nâng cao kiến thức về Quản trị công ty để đáp ứng yêu cầu công việc.



Ban kiểm soát Tổng công ty đã triển khai thực hiện hoàn thành công tác Kiểm tra giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, công tác điều hành của Ban Tổng giám đốc, tổ chức các cuộc họp định kỳ, tham gia đầy đủ cuộc họp của Tổng công ty, ban hành các Quyết định, kiến nghị liên quan đến hoạt động sản xuất của đơn vị.

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2018

Tình hình hoạt động của ban kiểm soát năm 2018

Ban kiểm soát đã thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong việc thực hiện các mục tiêu kinh doanh năm 2018 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Ban kiểm soát đã tham gia đầy đủ các phiên họp của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc để nắm bắt tình hình hoạt động kinh doanh, đầu tư và đưa ra ý kiến, kiến nghị với Hội đồng

quản trị, Ban Tổng giám đốc Tổng công ty trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình.

Ông Nguyễn Văn Hòa - thành viên Ban kiểm soát hết nhiệm kỳ và Đại hội đồng cổ đông đã bầu ông Lương Phương vào Ban kiểm soát thay thế ông Nguyễn Văn Hòa kể từ ngày 26/4/2018.

Các phiên họp của ban kiểm soát năm 2018

Trong năm 2018, Ban kiểm soát đã tổ chức 6 cuộc họp để phân công nhiệm vụ các thành viên, thông qua kế hoạch kiểm tra giám sát các đơn vị, thẩm định báo cáo tài chính quý/6 tháng/năm, thông qua

báo cáo giám sát, báo cáo thẩm định tiền lương và báo cáo tổng kết tình hình thực hiện nhiệm vụ của cá nhân, tập thể Ban kiểm soát, chi tiết như sau:

PHIÊN HỌP	NỘI DUNG	KẾT QUẢ CUỘC HỌP
Phiên 1 23/3/2018	- Giám sát kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh quý 1/2018; - Thống nhất nội dung trong báo cáo hoạt động của BKS năm 2017 trình ĐHCĐ năm 2018; - Thông qua đề xuất đơn vị Kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018.	Các thành viên BKS thông qua 100%
Phiên 2 23/4/2018	- Đề cử ứng cử viên kiểm soát viên nhiệm kỳ 2018 - 2023.	2/3 thành viên tham dự và đồng ý kết quả cuộc họp
Phiên 3 02/5/2018	- Phân công nhiệm vụ trong Ban kiểm soát phụ trách kiểm tra, giám sát các lĩnh vực hoạt động sản xuất, kinh doanh của Tổng công ty.	Các thành viên BKS thông qua 100%
Phiên 4 29/6/2018	- Giám sát kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh 6 tháng đầu năm 2018; - Công tác chuẩn bị soát xét, kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018.	Các thành viên BKS thông qua 100%
Phiên 5 27/9/2018	- Giám sát kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh 9 tháng đầu năm 2018; - Giám sát xây dựng kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm 2019 của Tổng công ty.	Các thành viên BKS thông qua 100%
Phiên 6 28/12/2018	- Tổng kết công tác kiểm tra giám sát hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2018 của các thành viên BKS; - Kết quả sản xuất, kinh doanh năm 2018; - Kế hoạch hoạt động năm 2019 của Ban kiểm soát.	Các thành viên BKS thông qua 100%

Tiền lương, thưởng và thù lao của các Thành viên Ban kiểm soát năm 2018

Theo phần báo cáo chung tại Báo cáo thường niên 2018.

KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ TÀI CHÍNH CỦA TỔNG CÔNG TY

Tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm 2018

Trong năm 2018, Tổng công ty đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh, cụ thể như sau.

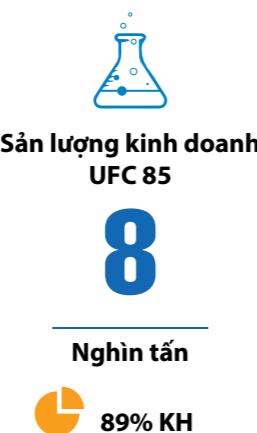
- » Về sản lượng sản xuất: Đạm Phú Mỹ đạt 816 ngàn tấn, vượt 2% KH; NPK Phú Mỹ đạt 58 ngàn tấn, vượt 17% KH; NH₃ đạt 56 ngàn tấn, vượt 30% KH.
- » Về sản lượng kinh doanh: Đạm Phú Mỹ đạt 812 ngàn tấn, vượt 2% KH; NPK Phú Mỹ đạt 35 ngàn tấn, hoàn thành 100% KH; NH₃ đạt 52 ngàn tấn, hoàn thành 94% KH và kinh doanh phân bón khác đạt 327 ngàn tấn, vượt 4% KH.
- » Tổng doanh thu hợp nhất: 9.439 tỷ đồng, vượt 4% KH.
- » Lợi nhuận trước thuế: 871 tỷ đồng, vượt 19% KH.
- » Lợi nhuận sau thuế: 712 tỷ đồng, vượt 15% KH.
- » Nộp NSNN: 297 tỷ đồng, vượt 2% KH.
- » Chi trả cổ tức: Tổng công ty đã thanh toán cổ tức còn lại năm 2017 với tỷ lệ 10%, tương đương 1000 đ/CP.

Công tác triển khai các dự án đầu tư

- » Dự án nâng công suất Xưởng NH₃ thêm 90 ngàn tấn/năm được hoàn thành và vận hành từ tháng 1/2018.
- » Nhà máy NPK Phú Mỹ đã bàn giao hiện trạng và chính thức vận hành từ giữa tháng 8/2018.
- » Giải ngân vốn đầu tư XD CB và mua sắm TTB: 910 tỷ đồng, đạt 62% KH.

Công tác thẩm định BCTC

Ban Kiểm soát đã tiến hành thẩm định BCTC quý/6 tháng và BCTC năm 2018 của Tổng công ty theo kế hoạch đã đề ra. Về cơ bản BCTC đã phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh và tài chính của Tổng công ty; việc ghi chép, phân loại và trình bày tuân thủ theo chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành. BCTC đã được Công ty Kiểm toán Deloitte Việt Nam thực hiện soát xét và kiểm toán theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên phê chuẩn.



Về công tác tái cấu trúc, sắp xếp đổi mới doanh nghiệp:

Tổng công ty triển khai công tác tái cơ cấu, tập trung vào lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính là phân bón, và hóa chất; Tái cơ cấu mô hình quản lý tại Công ty mẹ và các đơn vị trực thuộc, sắp xếp các đơn vị thành viên, rà soát đánh giá việc khai thác sử dụng, chuyển nhượng các tài sản để nâng cao hiệu quả sử dụng thu hồi vốn; Tiếp tục tìm kiếm các đối tác để thoái vốn tại các Công ty liên doanh liên kết.

Về công tác quản trị, ứng khoa học công nghệ

Tăng cường khai thác hệ thống công nghệ thông tin nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản trị của Tổng công ty. Tiếp tục sửa đổi bổ sung, cập nhật, hoàn thiện các quy trình quy chế, rà soát điều chỉnh lại chức năng nhiệm vụ của các Ban/Văn phòng, Đơn vị trực thuộc trên cơ sở tinh gọn, giảm bớt cấp quản lý trung gian, chú trọng hoạt động quản trị rủi ro.

KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp định kỳ hàng quý, những lần lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản để đưa ra các Nghị quyết, quyết định liên quan đến hoạt động của Tổng công ty trong phạm vi trách nhiệm, thẩm quyền của mình và phù hợp với Nghị quyết của ĐHĐCĐ. Hội đồng quản trị làm việc

với tinh thần trách nhiệm và minh bạch trong công tác quản trị. Ban điều hành đã chỉ đạo các Ban chức năng thực hiện tốt các nghị quyết, quyết định, chỉ thị của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông và ra các quyết định điều hành kịp thời thực hiện vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất, kinh doanh.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP GIỮA BAN KIỂM SOÁT VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Kiểm soát đã nhận được sự phối hợp chặt chẽ và tạo điều kiện của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc Tổng công ty để thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình. Ban kiểm soát được mời họp và tham gia ý kiến trong các cuộc họp của

Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc. Duy trì mối quan hệ làm việc, phối hợp đảm bảo sự phát triển bền vững của Tổng công ty, tuân thủ các quy định của pháp luật và các văn bản quản lý nội bộ của Tổng công ty.

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA GIÁM SÁT NĂM 2019 CỦA BAN KIỂM SOÁT

Kiểm tra giám sát việc triển khai xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm 2019 đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Giám sát hoạt động đầu tư, quản lý và sử dụng vốn;

Điều lệ Tổng công ty và các quy chế/quy định của Tổng công ty trong hoạt động quản lý điều hành doanh nghiệp; kiểm tra giám sát việc thực hiện phương án tái cấu trúc, thoái vốn, sắp xếp đổi mới doanh nghiệp.

Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; Giám sát việc tuân thủ pháp luật,



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH KHÁC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH KHÁC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Tổng công ty áp dụng chế độ lương cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát chuyên trách và Ban điều hành theo quy định của pháp luật, quy chế quản lý tiền lương, tiền thưởng và chế độ chính sách đối với người đại diện của Tập đoàn Dầu khí, hài hòa với chính sách lương và quỹ lương hàng năm của Tổng công ty, tương xứng với năng lực và kết quả công việc của từng thành viên.

Đối với các thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách, Tổng công ty thực hiện chế độ thù lao công việc.

Chi tiết tiền lương, thù lao và tiền thưởng năm 2018

STT	HỌ & TÊN	CHỨC DANH	TIỀN LƯƠNG - THÙ LAO (triệu đồng)	TIỀN THƯỞNG - PHÚC LỢI (triệu đồng)	TỔNG THU NHẬP (triệu đồng)
I Hội đồng Quản trị			3.618	492	4.110
1	Lê Cự Tân	Chủ tịch HĐQT	915	129	1.044
2	Đoàn Văn Nhuộm	Ủy viên HĐQT kiêm TGD	910	129	1.039
3	Nguyễn Thị Hiền	Phó Chủ tịch HĐQT	837	120	957
4	Nguyễn Hồng Vinh	Ủy viên HĐQT	797	115	911
5	Louis T Nguyễn	Ủy viên HĐQT kiêm nhiệm	159	0	159
II Phó TGD, KTT			5.501	793	6.293
1	Lê Văn Quốc Việt	Phó Tổng giám đốc	797	115	912
2	Nguyễn Văn Tông	Phó Tổng giám đốc	41	5	46
3	Lê Thị Thu Hương	Phó Tổng giám đốc	788	114	902
4	Dương Trí Hội	Phó Tổng giám đốc	797	115	912
5	Hoàng Việt Dũng	Phó Tổng giám đốc	793	114	907
6	Từ Cường	Phó Tổng giám đốc	797	115	912
7	Trần Thị Phương Thảo	Phó Tổng giám đốc	797	115	912
8	Võ Ngọc Phương	Kế toán trưởng	689	101	790
III Ban Kiểm soát			1.547	236	1.783
1	Huỳnh Kim Nhân	Trưởng ban Kiểm soát	759	131	890
2	Lê Vinh Văn	Thành viên Ban Kiểm soát	656	105	761
3	Nguyễn Văn Hòa	Thành viên Ban Kiểm soát kiêm nhiệm	131	0	131
TỔNG CỘNG			10.666	1.521	12.186

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan

- » Ngày 30/01/2018: ông Dương Trí Hội, Phó tổng giám đốc thông báo bán 65.100 cổ phần.
- » Ngày 02/05/2018: ông Dương Trí Hội, Phó tổng giám đốc thông báo mua 100.000 cổ phần.
- » Ngày 14/05/2018: bà Lê Thị Tuyết Lan, người có liên quan đến thành viên Hội đồng quản trị giao dịch bán 1.000 cổ phần.
- » Ngày 14/05/2018: ông Dương Trí Hội, Phó tổng giám đốc thông báo mua 100.000 cổ phần.
- » Ngày 05/09/2018: Tổng công ty CP Vật tư Nông nghiệp Nghệ An báo cáo trở thành nhóm cổ đông lớn (gồm công ty con là Công ty CP Lương thực, vật tư nông nghiệp Đắk Lắk).
- » Ngày 13/12/2018: Công ty CP Lương thực, vật tư nông nghiệp Đắk Lắk báo cáo giao dịch khiến thành nhóm cổ đông lớn thay đổi sở hữu lên 6%.
- » Các đối tượng khác: Không có thông báo/báo cáo giao dịch cổ phiếu.

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Trong năm 2018, không phát sinh các giao dịch giữa Tổng công ty với các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và cán bộ quản lý.

Hợp đồng hoặc giao dịch với các tổ chức, cá nhân có liên quan

Giao dịch với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN): Hợp đồng dịch vụ phí quản lý, giá trị thanh toán năm 2018 là 32.891.091.290 đồng (đã bao gồm VAT)

Giao dịch với Tổng công ty Dầu Việt Nam (PVOil), là công ty có ông Cao Hoài Dương là Tổng giám đốc, nguyên là Tổng giám đốc Tổng công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí trong giai đoạn 2010-2015, trong năm 2018:

- » Mua hàng hóa và dịch vụ từ PV Oil: 6.071.334.860 đồng

Việc thực hiện các quy định về Quản trị công ty

Tổng công ty tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về Quản trị công ty niêm yết

- » Đảm bảo tỷ lệ thành viên Hội đồng quản trị không điều hành và thành viên Hội đồng quản trị độc lập.
- » Tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông tuân thủ đầy đủ quy định của Pháp luật về doanh nghiệp và quy định quản trị đối với công ty đại chúng, niêm yết. Tổ chức họp và thông qua ý kiến Hội đồng quản trị đúng quy định của Điều lệ Tổng công ty và pháp luật về doanh nghiệp.
- » Thực hiện đầy đủ và đúng hạn tất cả các nghĩa vụ công bố thông tin định kỳ và bất thường đối với công ty đại chúng, niêm yết.
- » Báo cáo thường niên và các báo cáo trình Đại hội đồng cổ đông được lập với đầy đủ nội dung và thông tin về kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh và công tác quản trị, điều hành, giám sát của Tổng công ty.
- » Hội đồng quản trị đã xây dựng và ban hành đầy đủ các Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế phối hợp giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc, Ban kiểm soát, ban hành Quy chế đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ.
- » Về nâng cao năng lực quản trị công ty, hướng tới các chuẩn mực quản trị quốc tế khu vực và quốc tế: Thực hiện/tham gia các khóa đào tạo cho các thành viên Ban điều hành/Ban KS/các thành viên trong HĐQT.
- » Bổ sung báo cáo tóm tắt số lượng cuộc họp của Ban kiểm soát trong năm và các nội dung/kết quả cuộc họp của Ban Kiểm soát...



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH KHÁC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Đánh giá kết quả thực hiện quản trị công ty dựa trên thẻ điểm quản trị công ty khu vực ASEAN của Tổng công ty

Thẻ điểm quản trị công ty khu vực ASEAN là bộ câu hỏi được xây dựng trên các quy tắc quản trị công ty của Tổ chức Hợp tác phát triển kinh tế (OECD) và các thông lệ quản trị công ty tốt nhất trong khu vực nhằm đánh giá thông lệ quản trị công ty của các công ty niêm yết lớn trong các quốc gia thành viên tham gia dự án gồm Malaysia, Indonesia, Singapore, Thái Lan, Phillipines và Việt Nam...

Dự án đánh giá Quản trị công ty của ASEAN do diễn đàn thị trường Tài chính khu vực ASEAN (ACMF) thực hiện từ năm 2012 đến nay, nhằm mục đích đánh giá và vinh danh các công ty niêm yết dẫn đầu về quản trị công ty trong khu vực và được kỳ vọng nâng cao hình ảnh công ty niêm yết, khả năng thu hút đầu tư cũng như nâng cao hình ảnh thị trường vốn, hướng tới hội nhập ASEAN. Các tiêu chí đánh giá, chấm điểm quản trị công ty được dựa trên các thông tin tin cậy mà công ty cung cấp rộng rãi như Báo cáo thường niên, trang thông tin điện tử của công ty, các thông báo cho cổ đông, các Biên bản và Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông thường niên...

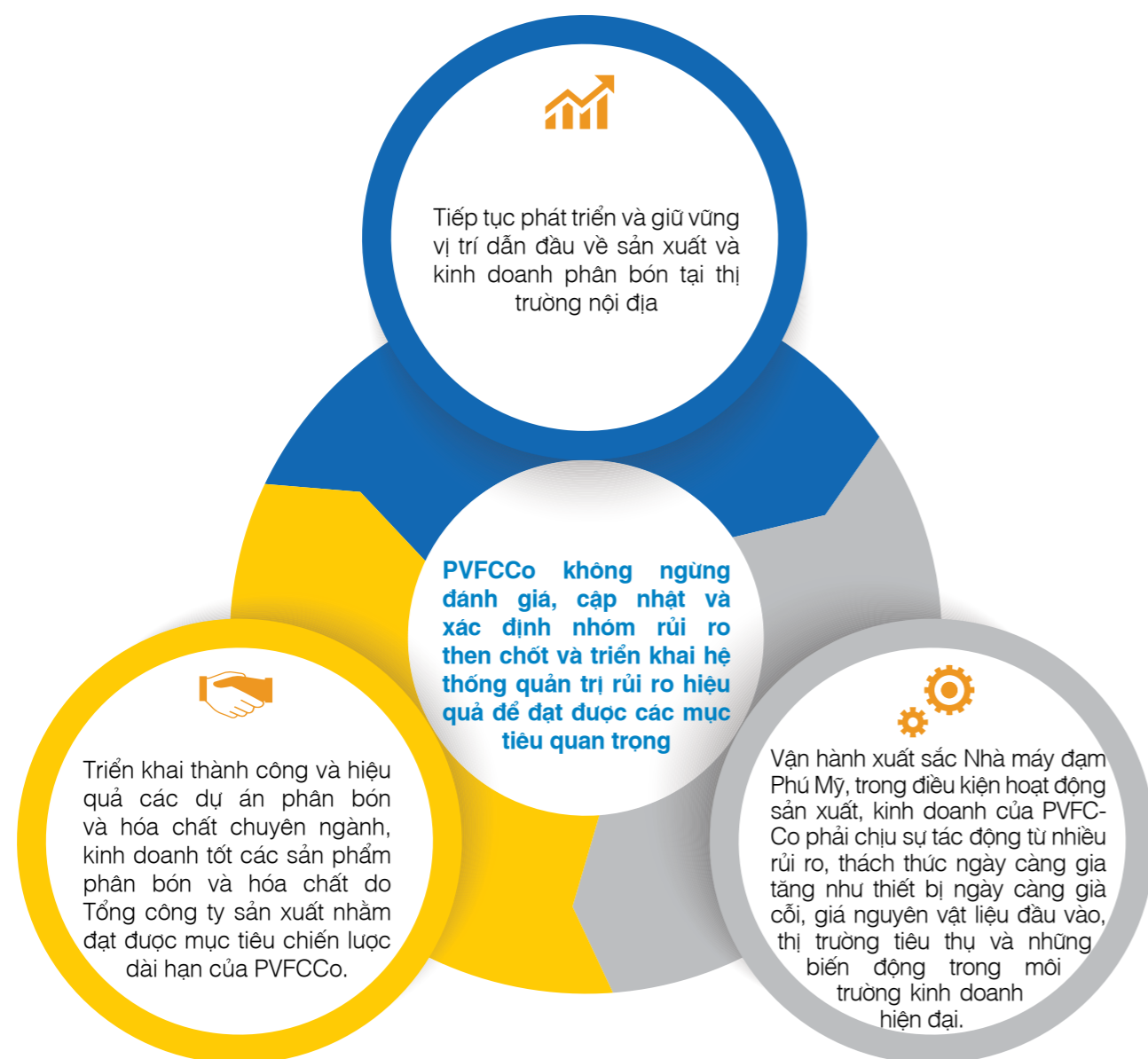
Vào tháng 11/2015, Tổng công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí đã vinh dự nhận giải thưởng "Quản trị công ty khu vực ASEAN" cho 3 công ty niêm yết có điểm quản trị công ty đứng đầu Việt Nam theo chương trình Thẻ điểm quản trị công ty khu vực ASEAN.

Trong năm 2018, Tổng công ty tiếp tục nỗ lực trong việc cải thiện tình hình quản trị công ty nhằm tiệm cận gần hơn nữa với các chuẩn mực quản trị công ty trong khu vực dựa trên 04 nguyên tắc về quyền cổ đông, công bố thông tin minh bạch, trách nhiệm HĐQT và vai trò của các bên liên quan nhằm duy trì và nâng cao hiệu quả quản trị công ty đã đạt được.





Với trách nhiệm thúc đẩy thành công dài hạn, phát triển bền vững để bảo vệ lợi ích tốt nhất cho các cổ đông, hài hòa với trách nhiệm xã hội, năm 2018 vừa qua cũng như kế hoạch trong những năm tới, PVFCCo luôn đánh giá, cập nhật và kiểm soát các rủi ro gắn kết với mục tiêu chiến lược và kế hoạch hành động đồng bộ để tối ưu hóa giá trị doanh nghiệp và phát triển bền vững trong tương lai.



Tiếp nối thành công trong những năm trước, năm 2018 hệ thống quản trị rủi ro của PVFCCo tiếp tục được duy trì hiệu quả, đảm bảo các hoạt động sản xuất, kinh doanh và đầu tư trong năm 2018 được an toàn, minh bạch và hiệu quả. Năm 2018 là năm được đánh giá có nhiều khó khăn và thách thức, PVFCCo luôn quản trị tốt các nhóm rủi ro trọng yếu:

RỦI RO VỀ THỊ TRƯỜNG

Với mục tiêu duy trì vị thế dẫn đầu về sản xuất và kinh doanh phân bón tại thị trường nội địa, PVFCCo đã không ngừng đánh giá, kiểm soát và xử lý tốt rủi ro thị trường trọng yếu:

Rủi ro cung vượt cầu

Do xu thế cung vượt cầu ngày càng gia tăng nên thị trường Urê nói riêng và các mặt hàng phân bón nói chung trong nước luôn đối mặt với áp lực cạnh tranh trong hiện tại và tương lai, đặc biệt sau khi Việt Nam tham gia hàng loạt Hiệp định tự do thương mại và chịu ảnh hưởng nặng nề của biến đổi khí hậu. Trước những thách thức này, PVFCCo tập trung kiện toàn và điều chỉnh hệ thống phân phối trong nước, tăng cường chăm sóc khách hàng nhằm phát triển có chiều sâu để tạo mối liên kết bền vững giữa Công ty mẹ với Công ty thành viên và hệ thống đại lý bao phủ khắp các vùng miền trên cả nước, điều động hàng hóa về các khu vực tiêu thụ trọng điểm để chiếm lĩnh thị trường, duy trì lợi thế cạnh tranh so với các đối thủ cùng ngành, giữ vững thương hiệu. Đây là một kế hoạch mang tính chiến lược và dài hạn giúp Tổng công ty phát triển hệ thống bán hàng ổn định, vững chắc và mang tính lâu dài.

Rủi ro về giá nguyên vật liệu đầu vào

Giá dầu biến động do những tác động từ tình hình tài chính, nhu cầu, nguồn cung và an ninh, kinh tế thế giới. Trong thời gian qua bức tranh về giá dầu có nhiều gam sắc màu với diễn biến phức tạp. Với đặc thù sản xuất và kinh doanh phân bón, giá thành sản phẩm chính của PVFCCo chịu ảnh hưởng trực tiếp bởi biến động của giá dầu trên thế giới, trong nhiều năm qua giá dầu thế giới biến động tăng/giảm không ổn định. Việc giá dầu tăng/giảm không ổn định, ngoài tầm kiểm soát có ảnh hưởng trực tiếp và rất lớn đến kế hoạch sản xuất, kinh doanh của PVFCCo. Bên cạnh đó, trong từng giai đoạn Chính phủ có thể có những điều chỉnh trong chiến lược khai thác nguồn tài nguyên đất nước, cung ứng phù hợp với mục tiêu tổng thể của nền kinh tế và những điều chỉnh này cũng sẽ ảnh hưởng đến hoạt động của PVFCCo.

Lợi nhuận của PVFCCo phụ thuộc rất lớn vào biến động chi phí nguyên liệu đầu vào để sản xuất phân bón. Để ứng xử với rủi ro về giá khí trong việc hoạch định và thực hiện các mục tiêu kinh doanh trong ngắn hạn, PVFCCo đã linh hoạt lập dự báo kế hoạch sản xuất, kinh doanh trên nền các kịch bản về giá dầu, giá khí để kiểm soát sự thay đổi trong điều kiện môi trường kinh doanh nhiều biến động.





Rủi ro về giá bán giảm

Giá phân bón trong nước bị ảnh hưởng đáng kể bởi giá phân bón thế giới, bất kỳ một sự thay đổi nào về giá phân bón thế giới cũng sẽ tác động ngay đến giá phân bón trên thị trường nội địa vì luôn phải cạnh tranh quyết liệt với phân bón nhập khẩu nước ngoài và nguồn hàng nhập khẩu tiểu ngạch các nước lân cận.

Trước áp lực này, PVFCCo là nhà sản xuất và kinh doanh phân bón luôn phải cân bằng giữa rủi ro và cơ hội để quyết định bán sản phẩm ở mức giá hợp lý sát với giá thị trường tại các thời điểm nhằm giữ vững thị phần và duy trì lợi thế cạnh tranh.

Rủi ro về tính thanh khoản của khách hàng

Rủi ro về tính thanh khoản xảy ra khi khách hàng không có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn gây ảnh hưởng đáng kể đến kết quả sản xuất, kinh doanh của PVFCCo.

Nhận thức rủi ro nêu trên, PVFCCo không ngừng đề ra chính sách bán hàng và chính sách tín dụng thương mại linh hoạt phù hợp với thị trường và được triển khai thực hiện, kiểm soát và quản trị có hệ thống từ Công ty mẹ đến các Công ty thành viên, hạn mức tín dụng trong hoạt động bán hàng được xây dựng riêng cho từng nhóm sản phẩm, từng khách hàng trên cơ sở đánh giá năng lực tài chính, mức độ tín nhiệm và khả năng hợp tác của từng khách hàng, đại lý. Tại PVFCCo, kế hoạch vốn lưu động nói chung và định mức hàng tồn kho, công nợ nói riêng được phê duyệt và kiểm soát chặt chẽ và báo cáo một cách kịp thời, đầy đủ trong suốt quá trình triển khai hoạt động sản xuất, kinh doanh. Với nhận thức đúng đắn và quản trị hiệu quả trong năm 2018, PVFCCo không xảy ra tranh chấp nợ xấu trong bất kỳ các giao dịch thương mại nào.

Rủi ro trong việc phát triển sản phẩm mới

Áp lực từ nhu cầu thị trường về sản phẩm phân bón chất lượng cao và bảo vệ môi trường sẽ thúc đẩy các nhà sản xuất và kinh doanh phân bón đáp ứng các loại phân bón chất lượng cao, giá thành hợp lý, thân thiện môi trường, có sự khác biệt, đa hiệu quả. Cùng với đó là xu thế nhu cầu sử dụng phân bón của bà con nông dân ngày càng đa dạng và khắt khe.

Trước bối cảnh này, để tăng tính cạnh tranh, giữ vững và tạo ra thị trường, PVFCCo đã không ngừng đẩy mạnh công tác nghiên cứu và phát triển nhằm đổi mới, sáng tạo, cải tiến sản phẩm, tạo ra nhiều sản phẩm khác biệt, chất lượng vượt trội để đáp ứng thị hiếu của nông dân cũng như dẫn dắt thị trường vào các sản phẩm chất lượng cao.

Đối với sản phẩm phân bón NPK sản xuất trong năm 2018, PVFCCo đã lựa chọn công nghệ sản xuất hóa học hiện đại nhất hiện nay, đồng thời trong các năm qua PVFCCo đã triển khai quy mô về việc chuẩn bị thị trường tiêu thụ sản phẩm NPK thông qua kế hoạch kinh doanh thương mại hàng năm và được thị trường đón nhận tích cực.

Thực hiện các giải pháp linh hoạt, đồng bộ để ứng phó ảnh hưởng từ nhóm các rủi ro thị trường, đảm bảo triển khai kế hoạch quản trị rủi ro năm 2018 kịp thời và hiệu quả

- » Tập trung quản trị, hoàn thiện hệ thống phân phối, thực hiện phát triển chiến lược truyền thông, quản trị thương hiệu để thúc đẩy, hỗ trợ công tác bán hàng nhằm duy trì lợi thế cạnh tranh và khả năng sinh lời phù hợp, khẳng định vị thế thương hiệu phân bón Phú Mỹ trên thị trường nội địa.
- » Tổ chức hệ thống kênh thông tin thông suốt từ Công ty mẹ đến các Công ty thành viên và hệ thống Đại lý để nắm bắt thông tin thị trường nhanh và chính xác, có khả năng ứng phó linh hoạt với diễn biến thị trường từng khu vực, từng thời điểm.
- » Tổ chức hội nghị, hội thảo chuyên đề về công tác kinh doanh, thương hiệu, hội thảo về công tác thông tin thị trường góp phần quan trọng trong hoạt động quảng bá sản phẩm, hình ảnh của PVFCCo, tìm kiếm cơ hội hợp tác ở thị trường trong và ngoài nước, góp phần hoàn thiện các phương án, chiến lược kinh doanh.
- » Hoàn thiện danh mục sản phẩm theo yêu cầu của thị trường với thương hiệu Phú Mỹ thông qua việc nhập khẩu các loại phân bón chất lượng cao.
- » Ban hành sửa đổi một số chính sách quan trọng phù hợp với tình hình kinh doanh mới: Quy chế Quản lý hoạt động kinh doanh phân bón; Quy chế xây dựng và phát triển hệ thống phân phối sản phẩm phân bón của PVFCCo; Quy trình thực hiện công tác truyền thông và thiết kế sáng tạo; Quy trình xúc tiến thương mại và hỗ trợ bán sản phẩm phân bón; Quy trình thực hiện chương trình chăm sóc khách hàng,... để tăng cường công tác quản lý hoạt động kinh doanh phân bón, hóa chất trong toàn Tổng công ty, đáp ứng diễn biến thị trường trong giai đoạn mới.
- » Thực hiện có hiệu quả đề án tái cơ cấu/thoái vốn, nâng cao năng lực cạnh tranh và thích ứng biến động môi trường kinh doanh, PVFCCo đã hoàn thành lộ trình công tác tái cấu trúc PVFCCo giai đoạn 1, hiện nay cổ phiếu các Công ty thành viên kinh doanh phân bón: PVFCCo North, PVFCCo Central, PVFCCo SE, PVFCCo SW chính thức giao dịch trên sàn GDCK Hà Nội.

- » Xác định công tác tái cấu trúc là một nhiệm vụ quan trọng nên PVFCCo đã nỗ lực triển khai nhằm tận dụng, phát huy thế mạnh và sử dụng nguồn lực hiệu quả nhất nhằm tăng năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững trong giai đoạn tới.

Ngoài các giải pháp ứng phó rủi ro thị trường được triển khai theo thường xuyên theo từng giai đoạn, PVFCCo còn xây dựng một chiến lược phát triển thị trường mang tính lâu dài

- » Duy trì vị thế của PVFCCo là doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh phân bón dẫn đầu trong nước; phát triển lĩnh vực sản xuất hóa chất, tập trung vào lĩnh vực hóa dầu.
- » Giữ vững thị phần sản phẩm Urê Phú Mỹ và NPK Phú Mỹ thông qua các giải pháp về việc tiếp tục quản lý hệ thống kênh phân phối, công tác hỗ trợ kỹ thuật, chính sách hậu mãi, chăm sóc khách hàng đồng thời phát triển xây dựng hệ thống phân phối tại các nước có tiềm năng.

- » Đã và sẽ thực hiện một số đề tài trong kế hoạch nghiên cứu và phát triển như: Vận hành, sản xuất thử nghiệm các sản phẩm mới trên dây chuyền Urê Pilot - công nghệ thùng quay gia tốc; Tiếp tục kế hoạch hóa chiến lược nhằm đa dạng hóa sản phẩm trên nền tảng Urê Phú Mỹ, nghiên cứu sản xuất phân bón công nghệ hoá học, phát triển các sản phẩm phân bón chức năng và ứng dụng các mô hình kinh doanh và chuỗi giá trị nông nghiệp phù hợp với thực tiễn sản xuất, kinh doanh của PVFCCo. Ngoài ra, tiếp tục nghiên cứu, đa dạng hoá sản phẩm hoá chất từ Xưởng sản xuất UFC 85/Formaldehyde.
- » Triển khai các chính sách nhằm đảm bảo gìn giữ hình ảnh và thương hiệu của PVFCCo trong cộng đồng nhà đầu tư.
- » Tăng cường các giải pháp quản trị tích hợp với các hệ thống CNTT tiên tiến nhằm đạt được các mục tiêu chiến lược, thúc đẩy kiểm soát tự động so với kiểm soát thủ công, tối ưu hóa công nghệ để quản lý rủi ro hiệu quả.

RỦI RO TRONG HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT CỦA PVFCCO

Năm 2018, PVFCCo đã hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất, kinh doanh, thực hiện tốt công tác bảo dưỡng định kỳ hàng năm và đã vận hành thương mại Tổ hợp dự án mở rộng phân xưởng NH₃ và Nhà máy sản xuất NPK công nghệ hoá học. Trong những năm tiếp theo các hoạt động quản trị rủi ro sẽ tập trung vào:

- » Quản lý chất lượng sản phẩm;
- » Quản lý và xử lý sự cố trong sản xuất;
- » Phối hợp Ban quản lý Tổ hợp dự án NH₃-NPK quyết toán vốn dự án.
- » Nâng cao ứng dụng trong cải tiến công nghệ và phát huy sáng kiến.



Trong những năm qua Nhà máy đạm Phú Mỹ đã duy trì hoạt động an toàn - hiệu quả, song song đó thời gian vận hành Nhà máy đã trên 15 năm với việc phải thực hiện bảo dưỡng tổng thể định kỳ 2 năm/1 lần nhưng cũng không tránh khỏi nguy cơ tiềm ẩn từ sự cố kỹ thuật dẫn đến ngừng máy làm phát sinh tăng chi phí vận hành, bảo dưỡng và ảnh hưởng đến các mục tiêu chung của PVFCCo.

Tổ hợp dự án NH₃-NPK đã được thực hiện chạy thử, nghiệm thu và đưa vào vận hành thương mại, thời gian tới tiếp tục xử lý các điểm tồn đọng và thực hiện công tác quyết toán vốn đối với Tổ hợp dự án NH₃-NPK.

Trong năm 2018 và những năm tới PVFCCo đã nhận diện, xử lý thông qua giải pháp

Tiếp tục duy trì phương thức vận hành sản xuất sản lượng tối đa sản phẩm Urê của Nhà máy đạm Phú Mỹ và Nhà máy NPK cùng với vận hành ổn định Nhà máy sản xuất UFC 85/Formaldehyde nhằm cải thiện độ cứng của hạt Urê, nâng cao chất lượng sản phẩm của chính PVFCCo và khách hàng - các Nhà máy sản xuất Urê.

Theo dõi hiệu chỉnh và ban hành các Bộ định mức kinh tế kỹ thuật gồm: Định mức tiêu hao hóa chất, vật tư, năng lượng; Định mức tiêu hao xăng dầu mỡ nhờn; Định mức vật tư dự phòng tối thiểu; Định mức vật tư phụ tùng bảo dưỡng định kỳ nhằm tối ưu hóa chi phí sản xuất.

Chú trọng đến việc cập nhật và xây dựng ban hành các phương án kỹ thuật theo tình hình thực tế để kịp thời đối phó với các sự cố bất thường trong sản xuất.

Thực hiện tốt công tác bảo dưỡng định kỳ, bảo dưỡng phòng ngừa, mua sắm vật tư dự phòng đối với thiết bị

quan trọng và rủi ro cao trong Nhà máy, đặc biệt đối với các thiết bị tinh quan trọng. Ngoài ra, hàng năm duy trì tham gia hội thảo công tác bảo dưỡng sửa chữa đối với các Nhà máy khâu chế biến dầu khí của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam để học hỏi, chia sẻ kinh nghiệm và đề ra định hướng, hoạch định chiến lược quản trị đối với công tác bảo dưỡng, sửa chữa theo xu thế máy móc tuổi càng cao.

Tối ưu việc áp dụng các hệ thống phần mềm hiện hữu như: Hệ thống CMMS - Computerized Maintenance Management System: các hoạt động bảo dưỡng sửa chữa của Nhà máy đã được thực hiện thông qua hệ thống CMMS: từ yêu cầu công việc, lập kế hoạch thực hiện, xuất vật tư cho bảo dưỡng, lưu hồ sơ kết quả bảo dưỡng, kiểm soát tồn kho; hệ thống quản lý sản xuất OPM của Oracle - Oracle Process Manufacturing, ... cụ thể:

- » Quản lý công tác bảo dưỡng/sửa chữa thiết bị; Lưu trữ hồ sơ toàn bộ lý lịch máy móc thiết bị.
- » Đồng thời cập nhật hồ sơ dịch vụ vào danh mục thiết bị của dự án mới (Tổ hợp dự án NH₃-NPK) vào hệ thống CMMS.
- » Quản lý tồn kho, cập nhật danh mục vật tư tối thiểu theo định mức vào hệ thống CMMS; So sánh định mức vật tư bảo dưỡng và vật tư thực tế cấp phát. Tự động xuất danh mục vật tư, phụ tùng theo yêu cầu của công việc bảo dưỡng.
- » Triển khai phân tích MTA (Maintenance Task Analysis) và sử dụng chức năng MTA để triển khai phân tích PMO (Preventive Maintenance Optimization).



Bên cạnh đó, khai thác áp dụng phần mềm AIMS-Asset Integrity Management System, SYSTEM 1 và triển khai thực hiện RBI giai đoạn 2 (Risk Base Inspection) trong quản lý công tác bảo dưỡng, đánh giá tình trạng thiết bị và thu thập dữ liệu để phân tích tìm nguyên nhân hư hỏng của máy móc thiết bị. Đồng thời thực hiện kiểm tra CUI - Corrosion under Insulation (kiểm tra ăn mòn dưới lớp bảo ôn).

Tổ chức và kiểm soát công tác giám định, kiểm định máy móc, thiết bị có yêu cầu về an toàn trong Nhà máy. Đảm bảo các thiết bị được kiểm định trước khi đưa vào sử dụng.

Tiếp tục triển khai và áp dụng hệ thống phần mềm chuẩn hóa mã vật tư của PVFCCo theo tiêu chuẩn Shell Mesc.

Tiếp nối thành công trong quản trị sản xuất năm 2018 cũng như các năm tới, PVFCCo duy trì và sẽ triển khai có hiệu quả chiến lược đầu tư trọng điểm vào hệ thống quản trị sản xuất của Nhà máy, nhằm vào hiệu quả đòn bẩy để tối ưu hoá chi phí sản xuất và vận hành.

Áp dụng có hiệu quả các hệ thống tiêu chuẩn quản lý về an toàn và môi trường như ISO 14001-2004 và OSHAS 18001-2007. Tổ chức nhận diện, đánh giá rủi ro, đề ra các biện pháp an toàn bổ sung để giảm thiểu rủi ro, tuyên truyền đến CBCNV và Nhà thầu.

Chú trọng đào tạo đội ngũ lao động hiện hữu để vận hành Nhà máy NPK đáp ứng yêu cầu sản xuất dài hạn của Tổng Công ty.

Rà soát lại các bộ định mức kinh tế kỹ thuật hiện có tại Nhà máy đạm Phú Mỹ, xây dựng định mức cho Nhà máy NPK và tích hợp với các bộ định mức hiện có của Nhà máy đạm Phú Mỹ để có bộ định mức dùng chung cho các Nhà máy của Tổng công ty.

Nâng cao vai trò về cải tiến, sáng kiến và hợp lý hóa sản xuất, chế độ bảo dưỡng tiếp cận theo hướng dự phòng nhằm mang tính ngăn ngừa hư hỏng đột xuất thiết bị máy móc.

Tiếp tục nghiên cứu chiến lược Bảo dưỡng để đạt mức tối ưu và phù hợp với thực tế Nhà máy đạm Phú Mỹ, duy trì việc lập kế hoạch bảo dưỡng định kỳ (trung hạn, ngắn hạn và dài hạn) đặc biệt quan tâm đến các thiết bị tinh quan trọng đã vận hành hơn 15 năm qua nhằm

ngăn ngừa sự cố và đảm bảo Nhà máy đạm Phú Mỹ vận hành liên tục an toàn, ổn định và hiệu quả.

Rà soát, cập nhật bảng nhận diện rủi ro và khía cạnh môi trường của Nhà máy theo quy trình.

Cập nhật đề án nâng cao năng lực vận hành, bảo dưỡng và hiệu quả của Nhà máy đạm Phú Mỹ cùng với các Nhà máy mới đưa vào vận hành thương mại của PVFCCo.

RỦI RO TRONG QUÁ TRÌNH ĐẦU TƯ DỰ ÁN

Năm 2018, đã tập trung nguồn lực triển khai thành công các dự án phân bón và hóa chất chuyên ngành nhằm đạt được chiến lược dài hạn của PVFCCo.

Thực hiện lộ trình triển khai chiến lược phát triển của PVFCCo đến 2025, định hướng đến 2035 và hiện tại trong giai đoạn 2015 - 2020. Theo đó, trong năm 2018, PVFCCo tập trung nguồn lực triển khai hoàn thành Tổ hợp dự án NH₃-NPK đưa vào vận hành thương mại.

PVFCCo đã tập trung phân tích nhận diện, khoanh vùng những rủi ro của dự án từ đó đề ra các giải pháp thực thi tốt nhất trong quản lý và triển khai dự án. Giai đoạn tiếp theo quan trọng nhất là quyết toán hợp đồng EPC, quyết toán vốn đầu tư của 02 dự án trọng điểm:

- » Các Ban chức năng Tổng công ty phối hợp Ban Quản lý dự án và Nhà máy đạm Phú Mỹ rà soát điểm tồn đọng để cùng Nhà thầu bảo hành máy móc thiết bị trong quá trình vận hành trong 2 năm để đạt được quyết toán A-B và quyết toán vốn.
- » Ngoài ra, để đảm bảo dự án đi vào hoạt động đạt hiệu quả kinh tế như mong đợi, PVFCCo cập nhật tính toán hiệu quả dự án theo các thông số thực tế để kiểm soát các chi phí biến động như giá nguyên liệu đầu vào, giá bán, chính sách thuế,... kể cả cơ cấu vốn đầu tư của dự án cũng được xem xét điều chỉnh, quyết định cho phù hợp trên cơ sở tổng thể về nguồn lực tài chính của PVFCCo.
- » Trong quá trình triển khai dự án không tránh khỏi việc thay đổi xuất xứ của máy móc/thiết bị theo quy định hợp đồng nhưng vẫn được kiểm tra giám sát chặt chẽ đảm bảo máy móc đạt chất lượng tương đương hoặc cao hơn so với hợp đồng.
- » Thực hiện công tác rà soát, chuẩn bị hồ sơ phục vụ cho công tác quyết toán vốn của dự án



RỦI RO VỀ TỶ GIÁ

Trong những năm qua tỷ giá ngoại tệ biến động theo xu hướng tăng, do vậy những biến động về tỷ giá có thể ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động kinh doanh cũng như hiệu quả của dự án đầu tư có sử dụng ngoại tệ của PVFCCo. Với việc nhận thức được tầm quan trọng trong quản trị rủi ro về tỷ giá, PVFCCo đã thường xuyên theo dõi cập nhật tình hình kinh tế vĩ mô, tình hình tài chính thế giới và trong nước, theo dõi sát sao những biến động của tỷ giá để xây dựng và triển khai các phương án nhập khẩu kinh doanh phù hợp và linh hoạt, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn. Bên cạnh đó, công tác quản trị tài chính, phân tích, đánh giá yếu tố chênh lệch tỷ giá đến hiệu quả của các dự án đang triển khai cũng được PVFCCo xem xét cẩn trọng.

RỦI RO VỀ TÀI CHÍNH VÀ MỤC TIÊU TÁI CẤU TRÚC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Công tác đầu tư góp vốn dài hạn vào Công ty liên doanh liên kết như Công ty PVTEX, PVC Mekong đang gặp khó khăn trong hoạt động sản xuất, kinh doanh. Mục tiêu của PVFCCo là thoái vốn tại các doanh nghiệp này, nhưng rất khó khăn trong việc tái cấu trúc hoạt động đầu tư góp vốn dài hạn trong bối cảnh hoạt động không hiệu quả các công ty liên kết hiện nay. Nhằm hỗ trợ các đơn vị nâng cao dần hiệu quả hoạt động, PVFCCo đã tăng cường giám sát hoạt động quản trị Công ty liên kết thông qua người đại diện phần vốn, đồng thời triển khai một số hoạt động để hỗ trợ các đơn vị trong hoạt động quản trị điều hành doanh nghiệp.

RỦI RO VỀ MÔI TRƯỜNG, LUẬT ĐỊNH

Việt Nam phải mở cửa thị trường phân bón trong quá trình hội nhập, nhiều doanh nghiệp nước ngoài sẽ đầu tư sản xuất, kinh doanh phân bón có thể thay thế một phần Urê. Những doanh nghiệp nước ngoài với kinh nghiệm, năng lực quản lý kinh doanh tốt sẽ trở thành những đối thủ mạnh tại Việt Nam.

Phân bón giả, kém chất lượng chưa được quản lý chặt chẽ dẫn đến thiệt thòi cho những doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh nghiêm túc như PVFCCo.

Chính sách thuế của Việt Nam hiện nay đang còn trong giai đoạn kiện toàn nên liên tục có những thay đổi, bổ sung liên quan trực tiếp đến ngành phân bón, vì vậy, các rủi ro về áp dụng chính sách thuế, thay đổi về thuế suất đối với mặt hàng phân bón có ảnh hưởng lớn đến tình hình hoạt động của PVFCCo, việc chuyển mặt hàng phân bón từ diện áp dụng thuế suất giá trị gia tăng 5% sang đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng dẫn đến toàn bộ thuế giá trị gia tăng đầu vào phục vụ cho sản xuất, kinh doanh phân bón sẽ không được khấu trừ và phải hạch toán vào chi phí làm cho lợi nhuận sụt giảm đáng kể, ngoài ra khi triển khai hợp đồng EPC dự án sản xuất phân bón NPK thì luật thuế thay đổi cũng có ảnh hưởng đến tính hiệu quả đầu tư của dự án.



Với quan điểm “Phát triển bền vững, hiệu quả và nhân văn” cùng với việc không ngừng đẩy mạnh công tác quản trị theo các thông lệ tiên tiến, Ban lãnh đạo PVFCCo quyết tâm hoàn thiện và vận hành hiệu quả hệ thống quản trị rủi ro doanh nghiệp - ERM (Enterprise Risk Management), hướng đến tinh chiến lược để nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, tiếp tục duy trì vị thế, thương hiệu dẫn đầu trong lĩnh vực phân bón và hoá chất của PVFCCo trong cộng đồng các nhà đầu tư.

Không những chú trọng để công tác quản trị rủi ro có trọng tâm chiến lược đi cùng với quản trị doanh nghiệp theo các thông lệ tiên tiến, PVFCCo cũng không ngừng xây dựng và triển khai có hệ thống các giải pháp nhằm phát huy vai trò và cải tiến năng lực của chức năng Kiểm toán nội bộ - một chức năng quan trọng trong hoạt động quản trị rủi ro và quản trị doanh nghiệp, tạo cơ sở vững chắc để chức năng này phục vụ tốt hơn nữa công tác tham vấn cho HĐQT và Ban Kiểm soát trong việc điều hành, quản trị và giám sát hoạt động của doanh nghiệp. Trong năm 2018, Ban Kiểm toán nội bộ đã tiếp tục triển khai các đợt kiểm toán:

- » Thực hiện kiểm toán định kỳ có kết hợp các chuyên gia/chuyên viên nội bộ thuộc các lĩnh vực chuyên môn khác nhau kiểm tra tổng thể các hoạt động sản xuất, kinh doanh tại các Chi nhánh và Công ty thành viên với chương trình kiểm toán được xây dựng dựa trên các nhóm rủi ro tại PVFCCo.
- » Thực hiện kiểm toán theo chuyên đề dựa trên những rủi ro hoạt động được dự báo, nhận diện và đánh giá có thể ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả kinh doanh của PVFCCo.
- » Ngoài ra, Bộ phận kiểm toán nội bộ (KTNB) đã phối hợp với tổ chức tư vấn đào tạo hoàn thành việc xây dựng hệ thống báo cáo quản trị tại PVFCCo theo các thông lệ tiên tiến, nâng cao năng lực và kỹ năng kiểm toán. Theo đó, bộ phận kiểm toán nội bộ PVFCCo tiếp tục triển khai kế hoạch đã được xây dựng bằng việc phối hợp với các Tổ chức tư vấn quốc tế triển khai phạm vi công việc hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ, hoàn thiện khung quản trị doanh nghiệp mà giai đoạn trước mắt là rà soát và cập nhật danh mục rủi ro, xây dựng ma trận tuân thủ và tối ưu hoá quy trình tác nghiệp.
- » Thông qua hoạt động kiểm toán nội bộ thường niên, Bộ phận KTNB PVFCCo không ngừng bổ sung, hoàn thiện Danh mục các điểm kiểm soát trọng yếu và đánh giá hiệu quả kiểm soát nhằm

duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ vận hành một cách hữu hiệu và hiệu quả. Ngoài ra, các kết quả KTNB được đưa vào nội dung các phiên họp thường kỳ của HĐQT để tăng cường công tác quản trị tại PVFCCo.

- » Tư vấn, tham mưu cho HĐQT trong việc hạn chế, ngăn ngừa các rủi ro thông qua việc báo cáo, thẩm tra, thẩm định các báo cáo do Ban điều hành đệ trình thuộc thẩm quyền xử lý và quyết định của HĐQT.

Tại PVFCCo không chỉ chú trọng đến công tác quản trị rủi ro có mục tiêu mà còn tập trung các nguồn lực khác để không ngừng triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm mục đích nâng cao hiệu quả công tác quản trị doanh nghiệp nói chung:

Triển khai tích hợp Quản trị rủi ro vào các quy trình quản trị, đặc biệt chú trọng đến công tác dự báo và lập kế hoạch kinh doanh; hệ thống quản trị nguồn lực tổng thể của doanh nghiệp không ngừng được cải tiến và nâng cao, trên cơ sở đã triển khai thành công hệ thống quản lý tổng thể nguồn lực doanh nghiệp - ERP giai đoạn 1, năm 2018 PVFCCo đã vận hành hệ thống ERP giai đoạn 2 với Phân hệ lập kế hoạch và dự báo - HPM (Hyperion Planning Management), Phân hệ quản lý sản xuất - OPM đã được cải tiến sau quá trình vận hành (Oracle Processing Manufacturing) và tiếp theo là giai đoạn 3 với Phân hệ báo cáo thông minh BI (Business Intelligence), tiến đến tối đa hóa kiểm soát tự động và kiểm soát trực tiếp trên hệ thống, góp phần nâng cao năng lực quản trị tại PVFCCo.

Hoàn thành và tiếp tục hoàn thiện, tối ưu hoá trong việc vận hành Dự án cải cách chính sách tiền lương tạo bước đột phá trong phân phối thu nhập để tăng năng suất lao động và hiệu quả công việc mà cụ thể là: Sửa đổi chính sách nhân viên; Sửa đổi, bổ sung Quy chế trả lương, trả thưởng và quỹ phúc lợi của Tổng công ty; Xây dựng khung năng lực các vị trí chức danh và hệ thống đánh giá KPIs giúp Ban lãnh đạo đánh giá việc hoàn thành các mục tiêu kinh doanh bộ phận và mục tiêu tổng thể của PVFCCo.



Hoạt động Quan hệ Nhà đầu tư (IR) của Tổng công ty được thực hiện với tiêu chí "Minh bạch - Nhanh chóng - Hiệu quả nhất", với nguyên tắc thực hiện quản trị tài chính dựa trên lợi ích của cổ đông và nhà đầu tư. Trong năm 2018, Bộ phận IR (Tổ IR) của Tổng công ty đã triển khai các nhóm hoạt động chính như sau:

Tổ chức họp Đại hội cổ đông thường niên

Dưới sự chỉ đạo của Ban lãnh đạo Tổng công ty, Tổ IR với đầu mối là Văn phòng HĐQT đã phối hợp tổ chức thành công phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 tại Hội trường Nhà máy Đạm Phú Mỹ. Đại hội đã biểu quyết thông qua tất cả các nội dung đề trình. Tại phiên họp, các câu hỏi và thắc mắc của đại diện cổ đông, nhà đầu tư cũng đã được Ban quản trị, điều hành Tổng công ty giải đáp kịp thời.

Tổ chức gặp mặt thường kỳ các cổ đông chủ chốt, nhà đầu tư và tổ chức môi giới

Trong tháng 6/2018, Ban lãnh đạo cùng Tổ IR đã tổ chức gặp mặt trực tiếp nhóm cổ đông chủ chốt và các quỹ đầu tư, các tổ chức môi giới lớn trên thị trường nhằm giải đáp kịp thời các thông tin đang được quan tâm và cập nhật kết quả hoạt động trong nửa đầu năm 2018

với sự tham dự của gần 60 đại diện nhà đầu tư. Buổi gặp mặt đã đạt được kết quả tích cực, cung cấp cho thị trường những thông tin chính xác, kịp thời về các vấn đề được quan tâm liên quan tới Tổng công ty, củng cố lòng tin của cổ đông, nhà đầu tư vào cổ phiếu DPM.

Gặp mặt, tiếp xúc nhà đầu tư riêng lẻ

Trong năm 2018, thị trường chứng khoán Việt Nam trải qua nhiều biến động do chịu tác động từ đà rút vốn mạnh từ khối ngoại khi thị trường chứng khoán Mỹ giảm sâu. Đối với Tổng công ty, mặc dù gặp nhiều thách thức từ sự biến động thị trường (giá bán, giá nguyên liệu) nhưng nội tại đã đạt được một số biến chuyển tích cực (hoàn thành và vận hành tổ hợp dự án mới; tăng cường tiết giảm chi phí; gia tăng sản lượng kinh doanh...), giúp Tổng công ty hoàn thành sớm kế hoạch đề ra. Tổ IR đã đẩy mạnh các hoạt động tiếp xúc thông tin kịp thời tới nhà đầu tư (đặc biệt là nhóm cổ đông chủ chốt nước ngoài) về kết quả hoạt động của Tổng công ty. Cụ thể, trong năm 2018, bộ phận IR đã thực hiện hơn 60 cuộc họp trực tiếp với hơn 300 đại diện các quỹ đầu tư, tổ chức môi giới trong và ngoài nước. Trong đó, đại diện lãnh đạo Tổng công ty cùng Tổ IR cùng đầu mối hợp tác với các tổ chức môi giới uy tín trên thị trường như HSBC, HSC, SSI, VCSC, PSI đã tham gia 08 sự kiện lớn tiếp xúc cổ đông, nhà đầu tư trong và ngoài nước tại Việt Nam, Singapore, Anh, Mỹ...

Kết nối với các tổ chức đầu tư tài chính, môi giới chứng khoán trên thị trường

Nhằm kịp thời thông tin về diễn biến giao dịch cổ phiếu DPM và các nhận định từ thị trường về ngành phân bón, hóa chất nói chung và Tổng công ty nói riêng, Tổ IR cũng thường xuyên tăng cường trao đổi, tiếp xúc với các tổ chức môi giới, trung gian nhằm đảm bảo tính chính xác, khách quan về Tổng công ty trên thị trường và chuyển tải những thông tin phản hồi nhanh chóng, kịp thời. Đồng thời, Tổ cũng thực hiện tổng hợp diễn biến giá và giao dịch cổ phiếu hàng ngày tới Ban lãnh đạo và các báo cáo phân tích, nhận định từ thị trường về cổ phiếu DPM để kịp thời phản hồi thông tin cũng như có những thông tin phù hợp cho việc hoạch định chính sách, quản trị công ty.

Hoạt động công bố thông tin, truyền thông tài chính

Ngoài việc tuân thủ chặt chẽ các quy định của Nhà nước về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Tổng công ty tiếp tục duy trì là một trong số ít các công ty niêm yết tiên phong trong việc thực hiện các ấn phẩm truyền thông chuyên biệt dành cho cổ đông và nhà đầu tư, tăng cường hợp tác với các ấn phẩm truyền thông tài chính.

Trong năm 2018, Tổ IR tiếp tục nỗ lực nâng cao chất lượng ấn phẩm chính là Báo cáo thường niên nhằm tiếp tục nâng cao chất lượng, chuyển tải thông tin súc tích, ngắn gọn và dễ hiểu tới cổ đông, đồng thời tích cực phối hợp với các Ban chức năng và đơn vị tư vấn tiếp tục cải tiến hình thức thực hiện Bản tin Nhà đầu tư định kỳ hàng quý (Quý 3, Quý 4) theo tiêu chí ngắn

gọn, cung cấp kịp thời những diễn biến mới nhất trong hoạt động sản xuất kinh doanh và diễn biến thị trường tới nhà đầu tư và các tổ chức môi giới. Bản tin (song ngữ Anh - Việt) được gửi qua email tới các nhóm cổ đông tổ chức trong và ngoài nước, các tổ chức môi giới và phiên bản online được đăng tải công khai trên website của Tổng công ty, chuyên mục Quan hệ Nhà đầu tư. Đây cũng là ấn phẩm được sử dụng trong các cuộc tiếp xúc thường kỳ với nhà đầu tư. Ngoài ấn phẩm Bản tin nhà đầu tư, nội dung thuyết trình giới thiệu DPM tới nhà đầu tư và môi giới cũng được cập nhật thường xuyên định kỳ hàng tháng/quý tại chuyên mục Quan hệ Nhà đầu tư website: www.dpm.vn

Về hoạt động hợp tác với nhóm báo kinh tế - tài chính, Tổ IR cùng các Ban chức năng cũng tiếp tục phối hợp, cộng tác với các báo và tạp chí chuyên ngành đầu tư tài chính để đăng tải kịp thời, đầy đủ, chính xác các thông tin về hoạt động của Tổng công ty, góp phần quảng bá thương hiệu của Tổng công ty.

Trong năm 2018, với những nỗ lực trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và công tác IR kịp thời thông tin, trong năm 2018 mã cổ phiếu DPM tiếp tục được cộng đồng nhà đầu tư quan tâm, tiếp tục nằm trong rổ cổ phiếu VN30, đạt tính thanh khoản cao trên thị trường, đặc biệt thu hút sự quan tâm và mua vào từ nhóm cổ đông tổ chức nước ngoài (bao gồm cả nhóm cổ đông tổ chức hiện hữu). Trong năm 2018, cổ phiếu DPM mặc dù bị điều chỉnh giảm mạnh trong Quý 2 do chịu tác động từ đà rút vốn mạnh từ khối ngoại nhưng đã lấy lại đà hồi phục ấn tượng trong các tháng cuối năm từ những tín hiệu khả quan về kết quả hoạt động trong năm. Chỉ tính riêng trong Q4.2018, giá trị cổ phiếu DPM đã tăng gần 30%.



5

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Báo cáo tổng quan về phát triển bền vững

Báo cáo về công tác an toàn, sức khỏe và bảo vệ môi trường

Báo cáo về hoạt động trách nhiệm xã hội 2018



“

“Phát triển bền vững là một hình thái phát triển trong đó nguồn lực được con người khai thác và sử dụng nhằm phục vụ nhu cầu của nhân loại song song với việc bảo vệ môi trường, nhờ đó những nhu cầu này không chỉ được đáp ứng ở hiện tại mà còn trong tương lai”.

(Theo định nghĩa của Ủy ban Brundtland của Liên hợp quốc ngày 20/3/1987).

TỔNG QUAN VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÀ CÁC MỤC TIÊU, NGUYÊN TẮC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA PVFCCo

“Phát triển bền vững là một hình thái phát triển trong đó nguồn lực được con người khai thác và sử dụng nhằm phục vụ nhu cầu của nhân loại song song với việc bảo vệ môi trường, nhờ đó những nhu cầu này không chỉ được đáp ứng ở hiện tại mà còn trong tương lai”. (Theo định nghĩa của Ủy ban Brundtland của Liên hợp quốc ngày 20 tháng 3 năm 1987).

Phát triển bền vững hướng đến sự kết hợp chặt chẽ, hợp lý, hài hòa giữa ba mặt của sự phát triển: Phát triển kinh tế, phát triển xã hội và bảo vệ môi trường. Trong hai thập kỷ qua, trên bình diện quốc tế, vấn đề phát triển bền vững ngày càng được đặc biệt quan tâm, trở thành yêu cầu phát triển của toàn cầu. Phát triển bền vững là xu thế chung mà toàn nhân loại đang nỗ lực hướng tới. Đó cũng là mục tiêu chiến lược quan trọng, là chủ trương đường lối, chính sách, quan điểm mà Đảng, Chính phủ và nhân dân Việt Nam quyết tâm thực hiện.

Tổng công ty là một doanh nghiệp hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực phân bón và hóa chất, gắn liền với nông nghiệp, nông dân, nông thôn Việt Nam (khu vực chiếm đến gần 70% dân số cả nước). Trong chiến lược phát triển của mình, Tổng công ty đặt mục tiêu phát triển bền vững là quan điểm, nguyên tắc và giá trị cốt lõi của doanh nghiệp. Trong chặng đường phát triển 15 năm qua, triết lý kinh doanh “phát triển doanh nghiệp đi đôi với bảo vệ môi trường và thực hiện trách nhiệm xã hội” đã được các thế hệ người lao động Tổng công ty gìn giữ và phát triển như một tài sản, một nét đẹp văn hóa của doanh nghiệp. Tổng công ty luôn đảm bảo cân bằng và tối ưu việc thực hiện đồng thời các mục tiêu:

- » Phát triển có hiệu quả về kinh tế;
- » Phát triển hài hòa các mặt xã hội; nâng cao mức sống, nhận thức của dân cư, trong đó đặc biệt chú trọng đến khu vực nông nghiệp, nông dân, nông thôn;
- » Cải thiện môi trường sống, bảo đảm phát triển lâu dài vững chắc cho thế hệ hôm nay và mai sau.

”

Tổng giám đốc Tổng công ty là người cao nhất chịu trách nhiệm triển khai các chính sách/vấn đề về môi trường trong Tổng công ty.

Xuất phát từ mục tiêu trên, Tổng công ty đã, đang và sẽ tiếp tục triển khai các hành động để đạt được mục tiêu phát triển bền vững, góp phần chung tay cùng xã hội thực hiện thành công định hướng chiến lược phát triển bền vững của Việt Nam nói riêng và thế giới nói chung. Những nguyên tắc và hoạt động cụ thể trong thời gian qua Tổng công ty đã triển khai là:

Đối với Nhân viên

Xây dựng văn hóa PVFCCo "Chuyên nghiệp - Hiệu quả; Năng động - Sáng tạo; Khát vọng - Vuốt xa; và Trách nhiệm - Sẻ chia" thông qua việc tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, xây dựng chính sách nhân viên phù hợp, đồng thời cũng là nơi mà nhân viên được xã hội tôn trọng thông qua đào tạo và đổi mới. Cụ thể, những nội dung Tổng công ty đã, đang triển khai và kết quả đạt được:

- » Đầu tư hệ thống nhà xưởng sản xuất, văn phòng làm việc được thiết kế hợp lý, thông thoáng, đảm bảo đủ ánh sáng và không khí, giúp hạn chế tối đa năng lượng dùng cho chiếu sáng, điều hòa nhiệt độ mà vẫn đảm bảo tốt điều kiện làm việc cho người lao động.
- » Tổng công ty đã hoàn thiện và triển khai áp dụng dự án KPI và cải tiến chính sách tiền lương, xây dựng bộ từ điển năng lực, khung năng lực tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, công bằng. Bên cạnh đó, Tổng công ty luôn cập nhật, cải tiến hệ thống chính sách nhân viên nhằm đáp ứng một cách tốt nhất điều kiện làm việc, chế độ chính sách, và cơ hội thăng tiến cho người lao động.
- » Xây dựng kế hoạch thực hiện và chủ động triển khai công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực cho công ty mẹ, đạt được kết quả trong năm 2018 như sau: Thực hiện được 170 khóa đào tạo cho 8.363 lượt cán bộ, công nhân viên với kinh phí 9,1 tỷ đồng. Công tác đào tạo năm 2018 đã đạt kế hoạch đề ra, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ cũng như đáp ứng nhu cầu và chiến lược đào tạo, phát triển nguồn nhân lực của Tổng công ty.
- » Xây dựng Văn hóa Doanh nghiệp: Tổng công ty đã ban hành Sổ tay Văn hóa PVFCCo từ năm 2011, với các hệ giá trị PVFCCo cùng các chuẩn mực ứng xử và các quy định cụ thể về chuẩn mực ứng xử áp dụng với toàn thể cán bộ nhân viên trong Tổng công ty. Nội dung của Sổ tay văn hóa PVFCCo được phổ biến tới toàn thể cán bộ nhân viên và được đăng tải trên website của Tổng công ty.

**KINH PHÍ
ĐÀO TẠO** 
**9,1 TỶ
ĐỒNG**

 **Đối với khách hàng**

Cung cấp sản phẩm đảm bảo chất lượng, giải pháp sử dụng hiệu quả, và dịch vụ tốt nhất cho khách hàng. Cụ thể, những nội dung PVFCCo đã, đang triển khai và kết quả đạt được:

- » Chất lượng sản phẩm tốt là yếu tố luôn được PVFCCo đặt lên hàng đầu trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của đơn vị. Các sản phẩm phân bón Phú Mỹ và các sản phẩm phân bón, hóa chất tự doanh khác mà Tổng công ty cung cấp cho khách hàng luôn đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn đăng ký.
- » Nhằm giúp nhà nông sử dụng ít phân bón hơn nhưng vẫn tăng năng suất cây trồng, PVFCCo đã cùng với chính quyền địa phương và các nhà khoa học thường xuyên tổ chức hàng trăm cuộc hội thảo, hướng dẫn kỹ thuật canh tác, tổ chức các vườn thực nghiệm, thử ruộng mẫu.
- » Tiếp tục duy trì có hiệu quả hệ thống kho cảng, logistic trên cả nước nhằm cung cấp sản phẩm đến tay bà con nông dân đảm bảo chất lượng, kịp thời và giá cả hợp lý.



 **Đối với cổ đông**

Tổng công ty luôn phát triển hoạt động sản xuất, kinh doanh nhằm tối đa hóa giá trị doanh nghiệp. Cụ thể, những nội dung Tổng công ty đã, đang triển khai và kết quả đạt được trong năm 2018 như sau:

- » Tổng công ty đã thực hiện và hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất, kinh doanh, đặc biệt chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế đạt 871 tỷ đồng, hoàn thành 119% kế hoạch năm.
- » Nhằm quản lý, phân bổ và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn lực, Tổng công ty triển khai áp dụng công nghệ thông tin, phần mềm hỗ trợ, chương trình quản lý tiên tiến trong hoạt động quản lý và điều hành doanh nghiệp, như quản lý hệ thống văn bản điện tử, xây dựng và áp dụng phần mềm hoạch định nguồn lực doanh nghiệp - ERP, STOP, 5S, APC, System 1, RBI, KPI...
- » Hoạt động sáng kiến cải tiến và hợp lý hóa sản xuất, kinh doanh luôn được Ban lãnh đạo Tổng công ty quan tâm và chỉ đạo sát sao. Trong năm 2018, có 150 sáng kiến cải tiến được công nhận. Các sáng kiến cải tiến năm 2018 đã làm lợi cho Tổng công ty số tiền có thể lượng hóa là 13,2 tỷ đồng và các giá trị làm lợi khác không lượng hóa được.
- » Hoạt động khoa học công nghệ được Tổng công ty tập trung triển khai với kết quả thực hiện trong năm 2018 là 8 đề tài và 10 hoạt động hỗ trợ phát triển khoa học công nghệ với kinh phí thực hiện hơn 1,6 tỷ đồng, qua đó góp phần tối ưu hoạt động sản xuất, kinh doanh, cải tiến chất lượng sản phẩm, tạo tiền đề cho các dự án đầu tư phát triển và đa dạng hóa sản phẩm của Tổng công ty.
- » Triển khai chương trình hành động thực hành tiết kiệm chống lãng phí, tham ô tham nhũng. Trong năm 2018, Tổng công ty đã tiết kiệm được 148,5 tỷ đồng (đạt 371% kế hoạch).

**LỢI NHUẬN
TRƯỚC THUẾ** 

871 TỶ ĐỒNG





Đối với chính phủ

Tổng công ty luôn đảm bảo hoạt động kinh doanh lành mạnh và tuân thủ pháp luật. Cụ thể, những nội dung Tổng công ty đã, đang triển khai và kết quả đạt được:

- » Tổng giá trị nộp ngân sách nhà nước năm 2018 là 297 tỷ đồng, đạt 102 % kế hoạch năm.



Đối với đối tác

Trong quan hệ với các đối tác kinh doanh, Tổng công ty luôn giữ nguyên tắc: Cạnh tranh lành mạnh, hợp tác cùng có lợi và đảm bảo hài hòa lợi ích cho khách hàng.

- » Song song với việc đảm bảo hoạt động an toàn, ổn định, hiệu quả và tiết kiệm của Nhà máy đạm Phú Mỹ, Tổng công ty đã cung cấp đội ngũ chuyên gia, công nhân lành nghề hỗ trợ cho công tác sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành các Nhà máy Đạm Cà Mau, Đạm Ninh Bình, Nhà máy Lọc dầu Nghi Sơn, Nhà máy xơ sợi Đình Vũ - những dự án quan trọng của đất nước.



Đối với cộng đồng

Tổng công ty luôn cam kết thực hiện trách nhiệm đối với cộng đồng và xã hội.

- » Bên cạnh việc phát triển hiệu quả, bảo vệ môi trường của doanh nghiệp, Tổng công ty luôn quan tâm và thực hiện đầy đủ trách nhiệm của mình đối với người lao động và đối với xã hội thông qua nhiều hoạt động an sinh xã hội.



Đối với môi trường

Tổng công ty luôn cam kết bảo vệ môi trường đồng thời tích cực hưởng ứng và tham gia giải quyết các vấn đề toàn cầu (giảm phát thải khí nhà kính, biến đổi khí hậu, nước biển dâng...).

- » Tổng công ty tin tưởng rằng, phát triển bền vững sẽ đạt hiệu quả tốt nhất khi nó được xem là phương châm hành động của doanh nghiệp, đồng thời phải gắn liền với kế hoạch và quyết định kinh doanh của doanh nghiệp. Với quan điểm và phương châm hành động này, Tổng công ty tin tưởng sẽ vượt qua khó khăn thách thức trong chặng đường xây dựng và phát triển doanh nghiệp trường tồn, gìn giữ môi trường và thực hiện trách nhiệm với cộng đồng và xã hội.



Cụ thể, những nội dung Tổng công ty đã, đang triển khai và kết quả đạt được tới nay:

- » Từ khi đưa vào vận hành Nhà máy đạm Phú Mỹ đến nay, Tổng công ty luôn duy trì áp dụng các chương trình quản lý an toàn công nghệ, chương trình bảo trì, bảo dưỡng thiết bị theo các nước tiên tiến trên thế giới nhằm giữ ổn định vận hành thiết bị công nghệ, giảm thiểu tiêu hao năng lượng, giảm phát thải khí CO₂ thải ra bên ngoài.
- » Đối với các Dự án mới, Tổng công ty chỉ sử dụng công nghệ tiên tiến bậc nhất trong việc sản xuất các sản phẩm, nhằm sử dụng hiệu quả nhất các nguyên liệu đầu vào, đặc biệt là khí tự nhiên, đồng thời hạn chế tối đa lượng khí CO₂ phát thải.
- » Xây dựng, ban hành và tuân thủ các quy chế, quy trình, quy định trong hoạt động sản xuất, kinh doanh. Áp dụng và duy trì có hiệu quả Hệ thống quản lý Chất lượng - An toàn sức khỏe - Môi trường - Năng lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 : 2015, OHSAS 18001 : 2007, ISO 14001 : 2015 và ISO 50001 : 2011.



Công tác an toàn, sức khỏe, môi trường (ATSKMT) trong sản xuất, kinh doanh luôn được Tổng công ty quan tâm hàng đầu. Là đơn vị hoạt động sản xuất và kinh doanh trong lĩnh vực phân bón và các loại hóa chất tiềm ẩn nguy cơ cháy nổ cao, Tổng công ty xác định việc loại trừ hoặc giảm thiểu các rủi ro gây tác hại đối với sức khỏe và tính mạng con người, gây thiệt hại tài sản hoặc môi trường là trách nhiệm cao nhất.

Hàng năm, công tác ATSKMT của Tổng công ty liên tục được đổi mới với nhiều cải tiến về nội dung, phương thức thực hiện và hiệu quả hoạt động. Công tác ATSKMT đã phát huy vai trò tích cực trong phòng ngừa tai nạn, sự cố và đóng góp rất lớn cho việc hoàn thành các chỉ tiêu hoạt động, sản xuất, kinh doanh của Tổng công ty.

Với các thành tích đã đạt được, kể từ khi thành lập đến nay, Tổng công ty luôn tự hào là doanh nghiệp

tiên phong trong công tác đảm bảo an toàn - sức khỏe và bảo vệ môi trường. Điều này đã giúp cho Tổng công ty có được sự phát triển bền vững và góp phần đảm bảo môi trường an toàn cho cộng đồng và xã hội.

Năm 2018, Tổng công ty đã đạt được những kết quả đáng kể trong công tác ATSKMT được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam cũng như các Cơ quan ban ngành ghi nhận và đánh giá cao.

DUY TRÌ VÀ CẢI TIẾN HỆ THỐNG QUẢN LÝ ATSKMT THEO CÁC TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ

- » Hệ thống quản lý ATSKMT được duy trì với hiệu lực cao và đã được DNV đánh giá hoàn thành việc chuyển đổi Hệ thống quản lý theo phiên bản mới ISO 9001:2015, ISO 14001:2015 và OHSAS 18001:2007.
- » Năm 2018, Tổng công ty và các đơn vị thành viên đều thiết lập và triển khai thực hiện các Mục tiêu ATSKMT trên cơ sở Chính sách ATSKMT, phù hợp với kế hoạch sản xuất, kinh doanh và tình hình thực tế của đơn vị. Phần lớn các chỉ tiêu ATSKMT đều hoàn thành đúng tiến độ.
- » Công tác kiểm tra ATSKMT được lập kế hoạch và thực hiện đầy đủ theo quy định. Ngoài ra, Tổng công ty còn tiến hành các đợt kiểm tra đột xuất nhằm đảm bảo tính sẵn sàng trong công tác ATSKMT.
- » Bộ máy quản lý công tác ATSKMT đã được kiện toàn phù hợp với những thay đổi trong cơ cấu tổ chức cũng như những yêu cầu của pháp luật.
- » Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, nâng cao ý thức trong công tác ATSKMT của người lao động trong toàn Tổng công ty.



CÔNG TÁC AN TOÀN - AN NINH, PCCC, ỨNG CỨU TÌNH HUỐNG KHẨN CẤP

Năm 2018, Tổng công ty đã triển khai nhiều hoạt động nhằm đảm bảo an toàn cho vận hành Nhà máy đạm Phú Mỹ cũng như đưa vào vận hành an toàn Dự án nâng cấp phân xưởng NH₃ và Nhà máy NPK công nghệ hóa học (Dự án NH₃-NPK). Các kết quả đã đạt được bao gồm:

- » Nhà máy, kho cảng được vận hành an toàn, không có tai nạn lao động nặng hoặc sự cố cháy nổ nghiêm trọng xảy ra. Trong năm 2018, toàn Tổng công ty có 15 sự cố dừng máy, tuy nhiên không gây ra thiệt hại về tài sản cũng như ảnh hưởng đến sản lượng của nhà máy và đặc biệt không để xảy ra tai nạn lao động nào trong nhà máy.
- » Tiếp tục triển khai xây dựng Hệ thống quản lý an toàn công nghệ và bộ chỉ số an toàn

công nghệ (PSM&PSI) nhằm tăng cường đảm bảo an toàn vận hành của Nhà máy.

- » Tổ chức 16 đợt diễn tập PCCC và hoàn thiện công tác phòng cháy chữa cháy tại các đơn vị đảm bảo tuân thủ đầy đủ các yêu cầu pháp luật. Hoàn thiện công tác quản lý PCCC tại Xưởng NPK khi đưa Dự án NH₃-NPK vào vận hành.
- » Duy trì tốt chương trình 5S và STOP tại Nhà máy đạm Phú Mỹ và các đơn vị.
- » Kiện toàn ban chỉ đạo Ứng cứu tình huống khẩn cấp (UCTHKC) Tổng công ty. Trong năm 2018, Ban chỉ đạo UCTHKC đã tham mưu cho lãnh đạo trong công tác ứng phó sự cố, thường xuyên theo dõi sát sao tình hình diễn biến của thời tiết để đưa ra những cảnh báo cho các đơn vị trong

công tác phòng chống bão lũ để đảm bảo an toàn cho con người và giảm thiệt hại về tài sản.

- » Trong công tác kiểm định kỹ thuật: 100% các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn được thực hiện kiểm định, từ đó góp phần giảm thiểu các nguy cơ rủi ro gây ra hư hỏng thiết bị và tai nạn sự cố.
- » Công tác kiểm tra, giám sát việc rò rỉ khí cháy nổ tại Nhà máy đạm Phú Mỹ đã được tăng cường thực hiện, góp phần làm giảm thiểu số sự cố cháy nổ do rò rỉ khí.
- » Chi phí cho hoạt động An toàn - PCCC năm 2018 (bao gồm: phí Bảo hiểm rủi ro cháy nổ, diễn tập, huấn luyện, tuyên truyền, mua sắm và bảo trì các thiết bị an toàn PCCC...) năm 2018 là: 50,71 tỷ đồng.





HOẠT ĐỘNG CHĂM SÓC SỨC KHỎE NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ NGĂN NGỪA BỆNH NGHỀ NGHIỆP

Năm 2018, Tổng công ty hoàn thành tốt các công tác chăm sóc sức khỏe người lao động. Các kết quả đã đạt được bao gồm:

- » Tiếp tục áp dụng bổ sung chương trình bảo hiểm PVI Care cho người lao động nhằm có được sự đảm bảo về tài chính trong trường hợp phải khám chữa bệnh và nằm viện.
- » 100% các đơn vị tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động theo đúng yêu cầu của luật định. Người lao động được phân loại sức khỏe và tư vấn khám chuyên sâu khi cần.
- » Năm 2018, Nhà máy đạm Phú Mỹ vẫn tiếp tục tổ chức khám phát hiện bệnh nghề nghiệp, khám sức khỏe cho người lao động làm việc trong môi trường lao động nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm. Thực hiện công tác giám định y khoa và bảo hiểm xã hội cho người lao động bị bệnh nghề nghiệp. Đồng thời, nhà máy đã tăng cường thực hiện nhiều biện pháp nhằm khắc phục và phòng ngừa nhằm đảm bảo sức khỏe cho người lao động làm việc trong môi trường có độ ồn cao.



- » Thực hiện giám sát môi trường lao động và công tác bảo hộ lao động hiệu quả, nhằm đảm bảo sức khỏe cho người lao động và ngăn ngừa bệnh nghề nghiệp.
- » Đảm bảo Vệ sinh an toàn thực phẩm tại các bếp ăn tập thể. Tổ chức và cung cấp các bữa ăn đảm bảo dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm bằng cách kiểm soát chặt chẽ nguồn gốc thực phẩm sử dụng bắt buộc phải có xuất xứ rõ ràng và được cung cấp từ những đơn vị có uy tín.



CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ KIỂM SOÁT CHẤT THẢI

Cam kết giữ gìn và bảo vệ môi trường là một trong những cam kết được Tổng công ty xây dựng trong hoạt động sản xuất và kinh doanh của mình. Để thực hiện cam kết đó, trong năm 2018 Tổng công ty đã hoàn thành nhiều nhiệm vụ nhằm tuân thủ các yêu cầu của pháp luật và bảo vệ môi trường:

- » Năm 2018 không để xảy ra sự cố gây ô nhiễm môi trường, không có vi phạm pháp luật về môi trường trong các đợt thanh kiểm tra và đang hoàn thiện các thủ tục môi trường cho Dự án NH₃-NPK.
- » Duy trì áp dụng hiệu quả hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015.
- » Cập nhật và đánh giá tuân thủ pháp luật về môi trường đối với các Nghị định, Thông tư mới ban hành trong năm 2018.
- » Quản lý chất thải, đặc biệt là các chất thải nguy hại. Lắp đặt thiết bị quan trắc online khí thải cho ống khói Xưởng UFC 85 của Nhà máy đạm Phú Mỹ.
- » Hoàn thành hồ sơ xin gia hạn Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước đối với những giấy phép xả thải đã hết hạn.
- » Khai báo công tác môi trường trên cơ sở dữ liệu môi trường ngành công thương. Cung cấp thông tin về công tác quản lý môi trường cho các cơ quan chức năng.

- » Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Chiến dịch Giờ Trái đất năm 2018, tháng hành động vì môi trường hưởng ứng Ngày Môi trường thế giới 05/6/2018.

Một số kết quả hoạt động môi trường năm 2018 cho hoạt động sản xuất và kinh doanh tại PVFCCo được ghi nhận như sau: Quản lý nguồn nguyên liệu năm 2018:

- » Tổng lượng khí thiên nhiên sử dụng để sản xuất: 502,35 triệu Nm³.
- » Tiêu thụ năng lượng năm 2018:
 - Năng lượng điện tiêu thụ cho sản xuất: 150.845.382 KWH
 - Tổng lượng dầu FO: 57,61 tấn
 - Tổng lượng dầu DO: 142,97 tấn
 - Năm 2018, mức giảm năng lượng nhiên liệu (khí NG + Điện + Xăng + Dầu DO) tiêu thụ/tấn urê bao tại Nhà máy đạm Phú Mỹ ước là 0.2324 TOE/T.URÊ_bao
- » Tiêu thụ nước năm 2018:
 - Lượng nước tiêu thụ trong năm 2018 là: 24.627.077 m³
 - Nguồn cung cấp nước: Nước thủy cục cho sinh hoạt và sản xuất, nước ngầm, nước sông dùng để làm mát thiết bị.

THỐNG KÊ ĐÁNH GIÁ, TÌNH HÌNH QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

STT	Loại chất thải	ĐVT	Lượng phát thải	Lượng xử lý	Mức độ xử lý (Tốt/Bình thường/Chưa tốt)
1	Nước thải sản xuất	m ³ /năm	128.205	128.205	Tốt
2	Nước thải sinh hoạt	m ³ /năm	8.198	8.198	Tốt
3	Nước làm mát	m ³ /năm	19.090.032	19.090.032	Tốt
4	Khí thải	Nm ³ /h	5.516.240	5.516.240	Tốt
5	Chất thải rắn sinh hoạt	Tấn/năm	124,90	124,90	Tốt
6	Chất thải rắn công nghiệp	Tấn/năm	477,10	477,10	Tốt
7	Chất thải nguy hại	Tấn/năm	74,29	74,29	Tốt



XÂY DỰNG VĂN HÓA AN TOÀN, SỨC KHỎE, MÔI TRƯỜNG

Xây dựng văn hóa an toàn, sức khỏe, môi trường là một hoạt động thường xuyên nhằm nâng cao ý thức tuân thủ cho CBCNV. Năm 2018, Tổng công ty đã tổ chức nhiều hoạt động thiết thực như:

- » Tuyên truyền trong tuần lễ an toàn vệ sinh lao động, ngày môi trường thế giới, giờ trái đất, ngày toàn dân phòng cháy chữa cháy... Giúp nâng cao nhận thức của cán bộ công nhân viên về tuân thủ yêu cầu pháp luật về an toàn - phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường và sức khỏe người lao động.

SỬ DỤNG HIỆU QUẢ TÀI NGUYÊN NƯỚC VÀ TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG

- » Duy trì hệ thống quản lý năng lượng, đặt mục tiêu tiết kiệm năng lượng cho năm 2018 và theo dõi thực hiện.
- » Thường xuyên theo dõi lượng nước sử dụng theo từng nguồn (nước mặt, nước máy, nước tuần hoàn) nhằm đảm bảo sử dụng hiệu quả tài nguyên nước.
- » Năm 2018, tiếp tục duy trì công tác tiết kiệm năng lượng trong sản xuất, kinh doanh, tiết kiệm chi phí quản lý.
- » Tiếp tục tìm kiếm cơ hội tiết kiệm năng lượng trong các dây chuyền sản xuất hiện hữu của các nhà máy.
- » Nâng cao ý thức tự giác của tất cả người lao động Tổng công ty trong việc sử dụng năng lượng một cách hiệu quả thông qua các hình thức tuyên truyền.

NHIỆM VỤ CHÍNH CÔNG TÁC AN TOÀN, SỨC KHỎE, MÔI TRƯỜNG NĂM 2019

- » Đảm bảo hiệu quả trong hoạt động sản xuất và kinh doanh của Tổng công ty.
- » Đảm bảo vận hành an toàn, hiệu quả Nhà máy đạm Phú Mỹ để hoàn thành Kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm 2019.

- » Tổ chức cuộc thi an toàn - Vệ sinh viên giỏi cấp Tổng công ty và tham gia cuộc thi an toàn - vệ sinh viên giỏi của Công đoàn ngành dầu khí Việt Nam nhằm nâng cao kiến thức về an toàn - sức khỏe - môi trường.
- » Tổ chức Hội thảo về môi trường nhằm củng cố kiến thức về bảo vệ môi trường cho CBCNV.
- » Áp dụng quy chế khen thưởng An toàn - Môi trường hàng quý nhằm khích lệ CBCNV tham gia tích cực vào công tác an toàn và bảo vệ môi trường.
- » Vận hành chính thức dự án NH₃-NPK đảm bảo an toàn, chất lượng và tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật về chất lượng - an toàn, sức khỏe, môi trường.
- » Hoàn thành xây dựng hệ thống PSM.
- » Không để xảy ra tai nạn lao động nặng trở lên tại tất cả các công trình.
- » Không để xảy ra sự cố môi trường và đảm bảo tuân thủ đầy đủ yêu cầu pháp luật về bảo vệ môi trường.
- » Đảm bảo an toàn phòng chống cháy nổ tại tất cả các công trình.
- » Tăng cường quản lý, tiết giảm tiêu hao năng lượng và tiết kiệm chi phí sản xuất, chi phí quản lý hành chính.
- » Tiếp tục cải thiện điều kiện lao động, phòng ngừa tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp cho người lao động trong toàn Tổng công ty.
- » Củng cố lực lượng Ứng cứu khẩn cấp, nâng cao tính sẵn sàng ứng phó sự cố bão lũ nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu thiệt hại về người và tài sản trong các cơn bão.
- » Duy trì hiệu quả Hệ thống quản lý ATSKMT theo các Ban hành Mục tiêu ATSKMT năm 2019, lập kế hoạch thực hiện và báo cáo định kỳ.

Những thành tích đã đạt được trong năm 2018 và những mục tiêu đặt ra cho năm 2019 đã khẳng định những nỗ lực không ngừng của Ban lãnh đạo và tập thể cán bộ công nhân viên Tổng công ty trong công tác đảm bảo ATSKMT, củng cố thương hiệu và hình ảnh của Tổng công ty vì một tương lai an toàn và phát triển bền vững.



Năm 2018 tiếp tục là một năm diễn biến hết sức bất thường của thời tiết, thiên tai, gây ảnh hưởng nặng nề đến khu vực nông thôn, nông dân, là những khu vực thị trường chính và khách hàng chính của Tổng công ty. Chính vì vậy, để sát cánh cùng bà con nông dân, thực hiện phương châm trách nhiệm - sẻ chia và góp phần củng cố hình ảnh thương hiệu nhân văn, Tổng công ty đã thực hiện nhiều chương trình an sinh xã hội, trong đó bao gồm cả các chương trình từ phần đóng góp, tham gia của cán bộ, nhân viên và khách hàng. Nổi bật là các chương trình sau:

- » Nhằm giúp đỡ cho các hộ nghèo và gia đình chính sách có nơi an cư lạc nghiệp, Tổng công ty tài trợ xây 19 căn nhà tình nghĩa/nhà đại đoàn kết cho các gia đình nghèo tại các tỉnh Hải Dương, Bà Rịa- Vũng Tàu, An Giang, Daklak;
- » Ủng hộ các nạn nhân của các đợt thiên tai bão lũ lịch sử tại Cẩm Thủy - Thanh Hóa: trao 300 chiếc cặp đi học với tổng trị giá là 60 triệu đồng, trích từ phần quyền góp của người lao động Tổng công ty. Đây là tấm lòng của tập thể người lao động Tổng công ty cùng chung tay “tiếp sức học sinh vùng lũ đến trường”; tài trợ xây dựng trường học ở vùng nông thôn.

Điểm mới của năm 2018 là Tổng công ty kêu gọi các khách hàng trong hệ thống phân phối cùng tham gia, tài trợ cho các hoạt động cộng đồng: “Cùng Phú Mỹ - Ấm áp tình thương” tại Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Quảng Nam - trao quà tặng là nhu yếu phẩm và hiện kim, với tổng trị giá gần 75 triệu đồng; chạy bộ cộng đồng Phú Mỹ Run để gây quỹ trao 800 suất quà Tết, tổng trị giá 400 triệu đồng cho các gia đình nghèo, hoàn cảnh khó khăn tại Hà Tĩnh, Thanh Hoá, Daklak, Daknong, An Giang.





6

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018

- Báo cáo của Ban Tổng giám đốc
- Báo cáo kiểm toán độc lập
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
- Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất



Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Nguyễn Tiến Vinh	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 10 tháng 01 năm 2019)
Ông Lê Cự Tân	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 10 tháng 01 năm 2019) Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Hiền	Phó Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 10 tháng 01 năm 2019)
Ông Đoàn Văn Nhuộm	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 10 tháng 01 năm 2019)
Ông Nguyễn Hồng Vinh	Ủy viên
Ông Lê Minh Hồng	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 10 tháng 01 năm 2019)
Ông Louis T.Nguyen	Ủy viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Lê Cự Tân	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 11 tháng 01 năm 2019)
Ông Đoàn Văn Nhuộm	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 11 tháng 01 năm 2019)
Bà Trần Thị Phương Thảo	Phó Tổng Giám đốc
Ông Từ Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Việt Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Quốc Việt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Tông	Phó Tổng Giám đốc (nghỉ hưu từ ngày 01 tháng 02 năm 2018)
Ông Dương Trí Hội	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Ngọc Phương	Kế toán trưởng

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Lê Cự Tân
Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 3 năm 2019
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**KÍNH GỬI: CÁC CỔ ĐÔNG
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 18 tháng 3 năm 2019, từ trang 110 đến trang 147, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Trần Huy Công

Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0891-2018-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 18 tháng 3 năm 2019
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Phạm Quỳnh Hoa

Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0910-2018-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI
KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

Đơn vị: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		5.172.046.948.960	5.017.087.993.696
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	1.716.919.348.616	2.361.887.855.663
1.	Tiền	111		293.934.821.687	183.292.026.309
2.	Các khoản tương đương tiền	112		1.422.984.526.929	2.178.595.829.354
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	955.000.000.000	895.000.000.000
1.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		955.000.000.000	895.000.000.000
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		520.579.213.356	256.516.457.348
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	422.514.452.443	143.208.711.158
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	78.790.739.261	94.031.112.122
3.	Phải thu ngắn hạn khác	136	8	252.514.839.051	252.794.480.796
4.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(233.576.422.659)	(233.517.846.728)
5.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		335.605.260	-
IV.	Hàng tồn kho	140	10	1.662.663.084.855	1.222.968.204.548
1.	Hàng tồn kho	141		1.665.129.426.404	1.223.013.757.447
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.466.341.549)	(45.552.899)
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		316.885.302.133	280.715.476.137
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	53.472.993.772	17.312.413.639
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		258.031.179.931	256.305.454.281
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	19	5.381.128.430	7.097.608.217
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		5.962.209.859.178	5.247.016.579.792
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		858.374.000	2.041.734.000
1.	Phải thu dài hạn khác	216	8	858.374.000	2.041.734.000
II.	Tài sản cố định	220		5.313.224.552.963	1.834.693.985.228
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	12	4.453.310.092.927	938.879.341.269
- Nguyên giá		222		11.653.882.170.846	7.638.038.829.329
- Giá trị hao mòn lũy kế		223		(7.200.572.077.919)	(6.699.159.488.060)
2.	Tài sản cố định vô hình	227	13	859.914.460.036	895.814.643.959
- Nguyên giá		228		1.139.091.383.947	1.166.854.986.839
- Giá trị hao mòn lũy kế		229		(279.176.923.911)	(271.040.342.880)
III.	Bất động sản đầu tư	230	14	250.383.262.298	260.945.826.865
- Nguyên giá		231		334.556.867.544	334.556.867.544
- Giá trị hao mòn lũy kế		232		(84.173.605.246)	(73.611.040.679)
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240		136.578.490.420	2.861.604.550.893
1.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	136.578.490.420	2.861.604.550.893
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	46.652.969.218	46.684.613.638
1.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		28.388.260.482	28.566.148.989
2.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		20.502.000.000	20.502.000.000
3.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(2.237.291.264)	(2.383.535.351)
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		214.512.210.279	241.045.869.168
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	11	23.270.193.135	30.549.534.439
2.	Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	16	69.142.811.382	79.984.319.926
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	10	109.307.114.725	117.719.923.766
4.	Tài sản dài hạn khác	268		12.792.091.037	12.792.091.037
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)		270		11.134.256.808.138	10.264.104.573.488

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI
KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		2.879.246.949.841	2.220.879.729.291
I.	Nợ ngắn hạn	310		1.513.850.189.531	1.417.572.897.674
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	415.701.704.589	297.706.572.390
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	68.643.918.032	138.300.964.371
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	23.253.103.532	15.981.781.948
4.	Phải trả người lao động	314		113.798.450.304	105.980.504.396
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	580.230.502.931	178.366.248.271
6.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		118.761.819	-
7.	Phải trả ngắn hạn khác	319	21	54.325.536.302	445.556.275.525
8.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	23	201.978.485.702	-
9.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	22	-	199.470.502.806
10.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		55.799.726.320	36.210.047.967
II.	Nợ dài hạn	330		1.365.396.760.310	803.306.831.617
1.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		167.880.274	839.401.318
2.	Phải trả dài hạn khác	337	21	960.870.000	960.870.000
3.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	23	1.031.870.914.209	629.383.072.193
4.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	16	132.540.000.000	132.540.000.000
5.	Dự phòng phải trả dài hạn	342	22	167.190.364.916	-
6.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		32.666.730.911	39.583.488.106
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		8.255.009.858.297	8.043.224.844.197
I.	Vốn chủ sở hữu	410	24	8.255.009.858.297	8.043.224.844.197
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		3.914.000.000.000	3.914.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		411a		3.914.000.000.000	3.914.000.000.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		21.179.913.858	21.179.913.858
3.	Cổ phiếu quỹ	415		(2.296.824.120)	(2.296.824.120)
4.	Quỹ đầu tư phát triển	418		3.497.039.984.859	3.497.039.984.859
5.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		657.268.539.966	442.169.277.324
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		421a		50.282.517.164	243.644.698.132
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		421b		606.986.022.802	198.524.579.192
6.	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		167.818.243.734	171.132.492.276
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)		440		11.134.256.808.138	10.264.104.573.488

Trần Xuân Thảo
Người lập biểu

Võ Ngọc Phương
Kế toán trưởng

Lê Cự Tân
Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 3 năm 2019

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		9.395.359.665.641	8.101.852.559.310
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		98.248.115.232	106.023.465.391
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	27	9.297.111.550.409	7.995.829.093.919
4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	27	7.397.640.258.893	5.884.432.561.847
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20	27	1.899.471.291.516	2.111.396.532.072
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	123.658.446.036	164.595.463.841
7. Chi phí tài chính	22	30	73.797.994.363	1.379.308.284
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		62.586.468.519	186.427.398
8. Phần lãi trong công ty liên kết	24	5	2.916.621.493	3.834.843.056
9. Chi phí bán hàng	25	31	612.322.153.525	802.514.524.567
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	485.710.294.387	638.677.975.533
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		854.215.916.770	837.255.030.585
12. Thu nhập khác	31		17.876.027.364	17.312.125.756
13. Chi phí khác	32		1.476.414.908	1.702.710.637
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		16.399.612.456	15.609.415.119
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		870.615.529.226	852.864.445.704
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	32	147.299.819.968	141.942.071.760
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	16	10.841.508.544	3.082.437.394
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		712.474.200.714	707.839.936.550
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	61		699.593.467.601	694.455.793.862
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		12.880.733.113	13.384.142.688
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	1.551	1.532

Trần Xuân Thảo
Người lập biểu

Võ Ngọc Phương
Kế toán trưởng

Lê Cự Tân
Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 3 năm 2019



Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	870.615.529.226	852.864.445.704
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	519.256.652.582	191.416.391.928
Các khoản dự phòng	03	36.967.616.014	161.178.465.999
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	8.093.479.053	534.131.424
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(129.190.927.841)	(173.126.134.697)
Chi phí lãi vay	06	62.586.468.519	186.427.398
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	1.368.328.817.553	1.033.053.727.756
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(284.540.032.573)	(124.204.301.195)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(433.702.859.916)	(365.186.258.351)
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(6.824.219.476)	(217.852.377.459)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(28.881.238.829)	26.658.151.088
Tiền lãi vay đã trả	14	(95.538.767)	(186.427.398)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(144.064.079.451)	(150.238.245.425)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(89.165.406.558)	(121.068.044.243)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	381.055.441.983	80.976.224.773
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(890.564.913.641)	(1.392.102.797.275)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	5.320.554.728	24.314.881.455
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.695.000.000.000)	(1.310.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.635.000.000.000	470.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	123.554.802.970	159.662.046.661
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(821.689.555.943)	(2.048.125.869.159)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN
TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

MẪU SỐ B 03-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

MẪU SỐ B 09-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO
TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	611.619.415.388	759.439.088.937
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(33.370.000.000)	(130.600.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(782.524.593.100)	(398.368.476.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(204.275.177.712)	230.470.612.137
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(644.909.291.672)	(1.736.679.032.249)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	2.361.887.855.663	4.098.557.036.080
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(59.215.375)	9.851.832
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	1.716.919.348.616	2.361.887.855.663

Trần Xuân Thảo
Người lập biểu

Võ Ngọc Phương
Kế toán trưởng

Lê Cự Tân
Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 3 năm 2019

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty") tiền thân là Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Dầu khí, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103007696 ngày 31 tháng 8 năm 2007 và sửa đổi lần thứ 14 ngày 16 tháng 01 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Tổng Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2008 theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng Cổ đông, trong đó Công ty mẹ - Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần được hình thành từ bộ máy các phòng chức năng của Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Dầu khí, các Ban quản lý dự án và Nhà máy đạm Phú Mỹ. Cổ phiếu của Tổng Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 05 tháng 11 năm 2007 với mã chứng khoán là DPM.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty mẹ của Tổng Công ty là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam nắm giữ 59,58% vốn điều lệ.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm:

- Sản xuất và kinh doanh phân đạm, amoniac lỏng, khí công nghiệp, các sản phẩm hóa chất khác;
- Cung cấp các dịch vụ kỹ thuật trong sản xuất, kinh doanh phân đạm và các sản phẩm hóa chất khác có liên quan (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh);
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô, đường thủy nội địa, chế biến các sản phẩm dầu khí và khoáng sản;
- Đào tạo nghề;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Bốc xếp hàng hóa cảng biển, sông;
- Dịch vụ đại lý tàu biển, đại lý vận tải đường biển và lưu giữ hàng hóa.

Hoạt động chính của Tổng Công ty là sản xuất và kinh doanh các loại phân bón sử dụng trong nông nghiệp.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty và các công ty con được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tổng Công ty có 04 công ty con, 03 công ty liên kết, 01 chi nhánh, 01 Nhà máy và 01 Ban Quản lý. Cụ thể bao gồm:

- Nhà máy Đạm Phú Mỹ
- Chi nhánh Tổng Công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh
- Ban Quản lý Dự án chuyên ngành Phân bón và Hóa chất Dầu khí

Thông tin khái quát về các công ty con và công ty liên kết của Tổng Công ty như sau:

	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung	Tỉnh Bình Định	75	75	Kinh doanh phân bón và hóa chất	Công ty con
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ	TP. Cần Thơ	75	75	Kinh doanh phân bón và hóa chất	Công ty con
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	TP. Hồ Chí Minh	75	75	Kinh doanh phân bón và hóa chất	Công ty con
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc	TP. Hà Nội	75	75	Kinh doanh phân bón và hóa chất	Công ty con
Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	43,34	43,34	Sản xuất bao bì	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	TP. Cần Thơ	35,63	35,63	Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp và cung cấp dịch vụ	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí	TP. Hải Phòng	25,99	25,99	Sản xuất và mua bán xơ sợi polyester	Công ty liên kết

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở các công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa Công ty mẹ và các công ty con và giữa các công ty con với nhau được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết được loại bỏ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi (nếu có).

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền trừ giá xuất kho nguyên vật liệu được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có).

Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm nay
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc, thiết bị	3 - 6
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 8
Tài sản cố định hữu hình khác	3

Đối với những tài sản cố định tại Nhà máy Đạm Phú Mỹ mà việc sửa chữa có tính chu kỳ thì Tổng Công ty được trích trước chi phí sửa chữa theo dự toán vào chi phí hàng năm. Nếu số thực chi sửa chữa tài sản cố định lớn hơn số trích theo dự toán thì Tổng Công ty được tính thêm vào chi phí hợp lý số chênh lệch này. Nếu số thực chi sửa chữa tài sản cố định nhỏ hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán giảm chi phí kinh doanh trong năm. Chi phí sửa chữa trích trước được Tổng Công ty trình bày trên khoản "Dự phòng phải trả ngắn hạn" và "Dự phòng phải trả dài hạn".

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình phản ánh giá trị quyền sử dụng đất, bản quyền sáng chế, phần mềm máy tính và tài sản cố định vô hình khác, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng, Tổng Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất vô thời hạn. Bản quyền sáng chế và tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 6 năm. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Thuê hoạt động

Các khoản thuê hoạt động của Tổng Công ty bao gồm thuê văn phòng và thuê đất. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác.

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà cửa, vật kiến trúc của Tòa nhà Đông Tây tại 27 Đinh Bộ Lĩnh, thành phố Hồ Chí Minh; Siêu thị và Cao ốc văn phòng Cửu Long tại tỉnh Cà Mau và Tòa nhà PVFCCo tại 43 Mạc Đĩnh Chi, thành phố Hồ Chí Minh do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

	Năm nay
	Số năm
Quyền sử dụng đất	44 - 50
Nhà cửa, vật kiến trúc	25

Tổng Công ty không trích khấu hao cho bất động sản đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất vô thời hạn.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm chi phí bảo hiểm tài sản, tiền thuê đất, tiền thuê văn phòng và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê đất và tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng và một số chi phí khác được coi là mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai. Các khoản chi phí trả trước này được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng theo quy định hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Tổng Công ty. Quỹ được hình thành trên nhu cầu phát triển và đổi mới công nghệ của Tổng Công ty và được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê bất động sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, có kỳ hạn và lãi chênh lệch tỷ giá. Trong đó lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng; lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Theo hướng dẫn tại Công văn số 4360/DKVN-TCKT ngày 31 tháng 12 năm 2015 và Công văn số 3124/DKVN-TCKT ngày 13 tháng 5 năm 2015 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tổng Công ty áp dụng tỷ giá mua vào do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố để chuyển đổi các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2018. Tỷ giá nêu trên có sự khác biệt so với tỷ giá quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200"), tuy nhiên sự khác biệt này không ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Tổng Công ty.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của thuế phải trả hiện tại và thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

ĐVT: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.546.353.008	2.224.218.432
Tiền gửi không kỳ hạn	292.388.468.679	181.067.807.877
Các khoản tương đương tiền (*)	1.422.984.526.929	2.178.595.829.354
	1.716.919.348.616	2.361.887.855.663

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 01 tháng đến 03 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,3%/năm đến 5,5%/năm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng của Tổng Công ty tại Ngân hàng TM TNHH MTV Đại Dương (trước đây là Ngân hàng TMCP Đại Dương) có số dư hơn 284 tỷ đồng. Tại Công văn số 5351/2016/CV-OCEANBANK ngày 04 tháng 10 năm 2016, Ngân hàng TM TNHH MTV Đại Dương cam kết sẽ thực hiện việc chi trả tiền gửi của khách hàng theo lộ trình chi trả trong đề án tái cơ cấu ngân hàng đang trình Ngân hàng Nhà nước và Chính phủ phê duyệt. Lãi tiền gửi đã được Ngân hàng TM TNHH MTV Đại Dương chi trả từ ngày 01 tháng 10 năm 2015 đến nay.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

ĐVT: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	955.000.000.000	955.000.000.000	895.000.000.000	895.000.000.000

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 phản ánh các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn thu hồi còn lại dưới 12 tháng kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính với lãi suất từ 5,1%/năm đến 7,1%/năm.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Số cuối năm				Số đầu năm			
	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu		Giá trị hợp lý		Giá gốc		Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào Công ty liên kết	680.903.000.000	28.388.260.482	26.758.116.000	680.903.000.000	28.566.148.989	33.675.180.000		
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	100.000.000.000	-	-	100.000.000.000	-	-		
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí	562.700.000.000	-	-	562.700.000.000	-	-		
Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	18.203.000.000	28.388.260.482	26.758.116.000	18.203.000.000	28.566.148.989	33.675.180.000		

ĐVT: VND

	Số cuối năm				Số đầu năm			
	Giá gốc		Giá trị hợp lý		Giá gốc		Giá trị hợp lý	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	
Đầu tư vào đơn vị khác	20.502.000.000	(2.237.291.264)	20.502.000.000	(2.383.535.351)	20.502.000.000	(2.383.535.351)		
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí	3.600.000.000	-	3.600.000.000	-	3.600.000.000	-		
Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi	16.902.000.000	(2.237.291.264)	16.902.000.000	(2.383.535.351)	16.902.000.000	(2.383.535.351)		

ĐVT: VND

Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cần được trình bày. Tổng Công ty đã xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ trên cơ sở giá niêm yết của cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán và số lượng cổ phiếu mà Tổng Công ty đang nắm giữ.

Đối với các khoản đầu tư còn lại, do các công ty này chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán, đồng thời Tổng Công ty cũng không thể thu thập được các thông tin đáng tin cậy để xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư, do đó giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 chưa thể xác định được để trình bày trên phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Thông tin tài chính tóm tắt về các công ty liên kết của Tổng Công ty được trình bày như sau:

	Số cuối năm				Số đầu năm			
	Tổng tài sản		Tổng công nợ		Tổng tài sản		Tổng công nợ	
	Tổng tài sản	Tổng công nợ	Tài sản thuần	Tài sản thuần	Tổng tài sản	Tổng công nợ	Tài sản thuần	Tài sản thuần
5.712.893.240.237	8.264.136.517.422	(2.551.243.277.185)	6.072.492.398.530	7.876.653.012.281	(1.804.160.613.751)			
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	238.385.113.545	366.884.007.665	(128.498.894.120)	271.615.954.022	361.626.431.865	(90.010.477.843)		
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí	5.236.687.876.941	7.724.932.833.552	(2.488.244.956.611)	5.604.001.431.784	7.384.062.585.523	(1.780.061.153.739)		
Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	237.820.249.751	172.319.676.205	65.500.573.546	196.875.012.724	130.963.994.893	65.911.017.831		

ĐVT: VND

	Năm nay				Năm trước			
	Doanh thu thuần		Lợi nhuận thuần từ Công ty liên kết		Doanh thu thuần		Lợi nhuận thuần từ Công ty liên kết	
	Doanh thu thuần	Lợi nhuận/(Lỗ) sau thuế TNDN	Doanh thu thuần	Lợi nhuận/(Lỗ) sau thuế TNDN	Doanh thu thuần	Lợi nhuận/(Lỗ) sau thuế TNDN	Doanh thu thuần	Lợi nhuận/(Lỗ) sau thuế TNDN
458.867.462.087	(606.807.501.258)	2.916.621.493	558.442.267.232	(637.443.036.021)	3.834.843.056			
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	9.651.711.220	(38.488.416.277)	-	161.048.001.525	(72.379.748.996)	-	-	
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí	1.283.566.638	(576.963.703.109)	-	1.283.566.638	(576.963.703.109)	-	-	
Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	447.932.184.229	8.644.618.128	2.916.621.493	396.110.699.069	11.900.416.084	3.834.843.056		

ĐVT: VND

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

ĐVT: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH VTNN Hưng Thạnh	46.198.059.813	15.044.520.540
Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu phân bón Minh Tân	51.703.740.760	317.395.533
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kim Ngoan	10.072.366.544	-
Công ty TNHH Hồng Nhung	30.101.555.387	27.797.344
Công ty TNHH Thương mại Thiên Long	24.728.217.500	-
Doanh nghiệp Tư nhân Trần Thị Ngoan	14.124.179.800	4.478.043.429
Công ty TNHH Thương Mại Kim Vũ Bích	18.643.032.328	5.176.529
Công ty Hoàng Long	2.493.098.828	14.072.036.008
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Phân bón Tuấn Vũ	16.204.764.166	12.930.848.129
Doanh nghiệp Tư nhân Kim Hoàng	1.882.242.187	12.787.537.500
Công ty Cổ Phần Phân Bón Long Việt	11.044.024.560	11.044.024.560
Công ty Cổ phần F.A	20.581.613.545	8.818.526.294
Công ty TNHH Thủy Minh Khoa	24.639.307.527	3.461.015.827
Công ty TNHH Nam Du Gia Lai	2.818.935.000	2.064.182.380
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Minh Dũng	18.566.983.500	-
Công ty Cổ phần Công nghiệp Hoá chất Đà Nẵng	42.708.929.000	105.309.698
Khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 36)	16.219.587.617	10.925.619.433
Các khách hàng khác	69.783.814.381	47.126.677.954
	422.514.452.443	143.208.711.158

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

ĐVT: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi nhánh Công ty TNHH MTV BCA - Thăng Long tại Thành phố Hồ Chí Minh	1.054.656.766	14.949.045.455
Công ty TNHH Thương Mại Sản xuất Ngọc Lan	9.153.800.000	9.153.800.000
Thyssenkrupp Industrial Solution (India) Private Limited	-	1.865.658.176
Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu phân bón Minh Tân	29.220.000.000	-
Người bán là các bên liên quan (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 36)	22.760.917.417	30.874.695.956
Ứng trước cho các nhà cung cấp khác	16.601.365.078	37.187.912.535
	78.790.739.261	94.031.112.122

8. PHẢI THU KHÁC

ĐVT: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn khác		
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam (PVFI)	110.143.267.289	110.143.267.289
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí (I)	114.509.081.543	114.384.102.264
Tạm ứng cho người lao động	348.238.860	324.100.000
Phải thu về lợi nhuận được chia	-	2.340.000.000
Trích lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	20.673.800.115	18.857.134.512
Ký cược ký quỹ ngắn hạn	330.134.000	432.664.000
Khác	6.510.317.244	6.313.212.731
	252.514.839.051	252.794.480.796
Phải thu dài hạn khác		
Ký cược, ký quỹ dài hạn	858.374.000	2.041.734.000
	858.374.000	2.041.734.000

(i) Số dư phải thu Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí ("PVTEX") tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 thể hiện khoản thanh toán theo cam kết bảo lãnh đối ứng cho các khoản vay vốn ngắn và trung hạn của PVTEX và các khoản kinh phí hỗ trợ khác. Nghĩa vụ thanh toán phát sinh do Tổng Công ty đã ký 02 Cam kết bảo lãnh đối ứng với Tập đoàn liên quan đến nghĩa vụ bảo lãnh của Tập đoàn cho các khoản vay vốn ngắn và trung hạn của PVTEX.

Theo các Biên bản thỏa thuận giữa PVN, PVTEX và Tổng Công ty, PVN sẽ chịu trách nhiệm thu hồi nợ gốc và lãi vay đối với các khoản bảo lãnh mà các bên đã trả thay PVTEX. Trong vòng 07 ngày kể từ ngày PVN thu được khoản tiền trả nợ từ PVTEX (bao gồm cả số tiền gốc thanh toán và lãi vay), PVN sẽ hoàn trả cho Tổng Công ty số tiền tính theo tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty tại PVTEX. Lãi suất nhận nợ được xác định bằng lãi suất không kỳ hạn do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố, thời gian tính lãi bắt đầu từ ngày Tổng Công ty trả tiền thực hiện bảo lãnh đối ứng cho PVN.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, khả năng thu hồi khoản phải thu này là rất thấp do lỗ lũy kế của PVTEX đã vượt quá vốn chủ sở hữu, và PVTEX không có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn. Vì vậy, để đảm bảo thận trọng, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định lập dự phòng toàn bộ khoản phải thu PVTEX phát sinh từ năm 2016 trở về trước và các khoản phải thu về tiền lãi, tiền hỗ trợ kinh phí đã trả hộ cho PVTEX trong năm 2018 với tổng số tiền khoảng 114 tỷ đồng. Các khoản phải thu PVTEX còn lại phát sinh cuối năm 2017 và trong năm 2018 (với tổng số tiền khoảng 483 triệu đồng) do chưa đến hạn thanh toán tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2018 nên Tổng Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

9. NỢ XẤU

ĐVT: VND

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Phải thu khó có khả năng thu hồi	234.001.401.937	424.979.278		233.876.422.658	358.575.930	
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam (i)	110.143.267.289	-	Trên 3 năm	110.143.267.289	-	Trên 3 năm
Doanh nghiệp tư nhân Ngọc Lan (ii)	9.153.800.000	-	Trên 3 năm	9.153.800.000	-	Trên 3 năm
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí (iii)	114.704.334.648	424.979.278	Từ 6 tháng đến trên 3 năm	114.579.355.369	358.575.930	Từ 6 tháng đến trên 3 năm
- Phải thu liên quan đến bảo lãnh đối ứng	107.786.937.303	-		107.786.937.303	-	
- Phải thu khác	6.917.397.345	424.979.278		6.792.418.066	358.575.930	

- (i) Tổng Công ty đã lập dự phòng toàn bộ cho khoản phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam từ năm 2012.
- (ii) Tổng Công ty đã lập dự phòng toàn bộ cho khoản phải thu Doanh nghiệp tư nhân Ngọc Lan từ năm 2011.
- (iii) Tổng Công ty đã lập dự phòng toàn bộ cho số dư phải thu Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí ("PVTEX") từ năm 2017 trở về trước liên quan đến khoản cam kết bảo lãnh đối ứng cho các khoản vay vốn trung dài hạn như trình bày tại Thuyết minh số 8.

10. HÀNG TỒN KHO

ĐVT: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đi đường	496.409.760.065	-	73.460.998.699	-
Nguyên liệu, vật liệu	354.525.480.392	-	471.364.021.730	-
Công cụ, dụng cụ	9.557.319.466	-	14.060.360.050	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	109.307.114.725	-	117.719.923.766	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	52.590.022.079	-	30.435.993.313	-
Thành phẩm	283.338.090.388	-	250.473.890.243	-
Hàng hoá	468.708.754.014	(2.466.341.549)	383.218.493.412	(45.552.899)
Cộng	1.774.436.541.129	(2.466.341.549)	1.340.733.681.213	(45.552.899)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tổng Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cho một số hàng hóa có giá gốc cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được với số tiền là 2.466.341.549 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 45.552.899 đồng).

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

ĐVT: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Chi phí bảo hiểm tài sản	41.116.019.448	3.511.210.664
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	12.356.974.324	13.801.202.975
	53.472.993.772	17.312.413.639
Dài hạn		
Trả trước tiền thuê đất, thuê văn phòng	10.572.929.492	7.429.198.425
Công cụ dụng cụ phân bổ	7.941.007.680	7.753.525.623
Chi phí trả trước dài hạn khác	4.756.255.963	15.366.810.391
	23.270.193.135	30.549.534.439

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH	ĐVT: VND					
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Khác	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ						
Số đầu năm	1.620.243.064.436	5.736.193.509.898	85.030.946.300	187.548.573.621	9.022.735.074	7.638.038.829.329
Mua sắm mới	275.509.530	33.071.052.965	1.814.293.803	8.914.634.262	-	44.075.490.560
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	780.689.058.455	2.458.684.102.119	-	95.602.034.403	622.530.215.703	3.957.505.410.680
Tăng do quyết toán giá trị công trình	5.768.738.602	7.736.972.869	-	-	6.431.538.727	19.937.250.198
Thanh lý, nhượng bán	(4.548.163.920)	-	(689.117.173)	(437.528.828)	-	(5.674.809.921)
Số cuối năm	2.402.428.207.103	8.235.685.637.851	86.156.122.930	291.627.713.458	637.984.489.504	11.653.882.170.846
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số đầu năm	1.063.551.859.561	5.411.519.589.923	66.363.443.011	149.581.252.395	8.143.343.170	6.699.159.488.060
Trích khấu hao trong năm	128.609.894.080	236.409.224.771	5.701.876.831	42.057.525.122	93.132.586.723	505.911.107.527
Thanh lý, nhượng bán	(3.371.871.667)	-	(689.117.173)	(437.528.828)	-	(4.498.517.668)
Số cuối năm	1.188.789.881.974	5.647.928.814.694	71.376.202.669	191.201.248.689	101.275.929.893	7.200.572.077.919
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	556.691.204.875	324.673.919.975	18.667.503.289	37.967.321.226	879.391.904	938.879.341.269
Tại ngày cuối năm	1.213.638.325.129	2.587.756.823.157	14.779.920.261	100.426.464.769	536.708.559.611	4.453.310.092.927

Như trình bày tại Thuyết minh số 23, Tổng Công ty đã thế chấp toàn bộ nhà xưởng và máy móc thiết bị thuộc Dự án Nâng công suất sản xuất phân xường NH3 của Nhà máy Đạm Phú Mỹ và xây dựng Nhà máy sản xuất phân bón NPK công nghệ hóa học, với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 2.913.426.547.573 đồng để đảm bảo cho khoản vay ngân hàng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 6.133.246.091.014 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 6.029.672.599.543 đồng).

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH	ĐVT: VND				
	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
Số đầu năm	864.754.631.862	209.910.728.332	82.134.358.613	10.055.268.032	1.166.854.986.839
Tăng trong năm	-	1.697.200.000	1.464.909.091	5.764.365.122	8.926.474.213
Giảm do phân loại lại theo quyết toán giá trị công trình	-	(35.788.652.405)	-	-	(35.788.652.405)
Thanh lý	(901.424.700)	-	-	-	(901.424.700)
Số cuối năm	863.853.207.162	175.819.275.927	83.599.267.704	15.819.633.154	1.139.091.383.947
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số đầu năm	31.396.179.310	177.893.664.113	51.740.005.196	10.010.494.261	271.040.342.880
Trích khấu hao trong năm	5.005.600.203	612.635.976	7.388.009.240	472.854.264	13.479.099.683
Giảm do phân loại lại theo quyết toán giá trị công trình	-	(5.342.518.652)	-	-	(5.342.518.652)
Số cuối năm	36.401.779.513	173.163.781.437	59.128.014.436	10.483.348.525	279.176.923.911
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	833.358.452.552	32.017.064.219	30.394.353.417	44.773.771	895.814.643.959
Tại ngày cuối năm	827.451.427.649	2.655.494.490	24.471.253.268	5.336.284.629	859.914.460.036

Nguyên giá tài sản cố định vô hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 229.805.800.348 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 226.042.204.414 đồng).

14. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

14. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ	ĐVT: VND		
	Quyền sử dụng đất	Nhà cửa, vật kiến trúc	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ			
Số đầu năm	99.499.152.000	235.057.715.544	334.556.867.544
Số cuối năm	99.499.152.000	235.057.715.544	334.556.867.544
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số đầu năm	7.646.977.293	65.964.063.386	73.611.040.679
Trích khấu hao trong năm	1.005.683.040	9.556.881.527	10.562.564.567
Số cuối năm	8.652.660.333	75.520.944.913	84.173.605.246
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	91.852.174.707	169.093.652.158	260.945.826.865
Tại ngày cuối năm	90.846.491.667	159.536.770.631	250.383.262.298

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà cửa, vật kiến trúc của Tòa nhà Đông Tây tại 27 Đinh Bộ Lĩnh, thành phố Hồ Chí Minh; Siêu thị và Cao ốc văn phòng Cửu Long tại tỉnh Cà Mau và Tòa nhà PVFCCo tại 43 Mạc Đĩnh Chi, thành phố Hồ Chí Minh do Tổng Công ty và công ty con nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê.

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cần được trình bày. Tuy nhiên, Tổng Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

ĐVT: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	136.578.490.420	2.861.604.550.893
Trong đó:		
Dự án nâng công suất phân xưởng NH3 Nhà máy Đạm Phú Mỹ và Xây dựng Nhà máy sản xuất NPK (*)	40.264.945.181	2.764.634.975.818
Dự án nhà cán bộ công nhân viên	36.342.070.618	36.342.070.618
Kho Tây Ninh	29.120.068.273	24.127.540.909
Dự án Amoniac	-	-
Dự án UFC 85/Formaldehyde (**)	-	5.127.108.556
Các dự án khác	30.851.406.348	31.372.854.992
	136.578.490.420	2.861.604.550.893

(*) Toàn bộ giá trị công trình xây dựng và máy móc thiết bị của Dự án nâng công suất phân xưởng NH3 Nhà máy Đạm Phú Mỹ và xây dựng Nhà máy sản xuất NPK được thế chấp cho khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Chi tiết tại Thuyết minh số 23). Trong năm 2018, Tổng Công ty đã thực hiện ghi nhận tạm tăng tài sản cố định đối với Dự án nâng công suất phân xưởng NH3 Nhà máy Đạm Phú Mỹ theo Quyết định số 94/QĐ-PBHC ngày 07 tháng 3 năm 2018 và Dự án xây dựng nhà máy sản xuất NPK theo Quyết định số 398/QĐ-PBHC ngày 24 tháng 8 năm 2018, dẫn tới số dư giá trị xây dựng cơ bản dở dang của công trình giảm xuống so với đầu năm.

(**) Dự án UFC 85/Formaldehyde đã hoàn thành và chính thức đi vào hoạt động theo Biên bản nghiệm thu hoàn thành và bàn giao để đưa vào sử dụng ngày 11 tháng 5 năm 2016, Tổng Công ty đã tạm tăng nguyên giá và thực hiện trích khấu hao tài sản cố định hữu hình từ ngày 11 tháng 5 năm 2016. Dự án đã được quyết toán hoàn thành theo Quyết định số 580/QĐ-PBHC ngày 18 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty.

16. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI VÀ THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI PHẢI TRẢ

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

ĐVT: VND

	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	Chi phí trích trước chưa có hóa đơn	Lợi nhuận chưa thực hiện	Khác	Tổng cộng
Tại ngày 01/01/2017	14.226.895.533	59.999.041.248	597.340.917	8.243.479.622	83.066.757.320
Ghi nhận trong năm	(1.882.118.587)	(4.083.370.909)	3.325.890.007	(442.837.905)	(3.082.437.394)
Tại ngày 01/01/2018	12.344.776.946	55.915.670.339	3.923.230.924	7.800.641.717	79.984.319.926
Ghi nhận trong năm	(5.630.910.495)	(7.916.090.465)	2.971.850.136	(266.357.720)	(10.841.508.544)
Tại ngày 31/12/2018	6.713.866.451	47.999.579.874	6.895.081.060	7.534.283.997	69.142.811.382

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

ĐVT: VND

	Năm nay
Số đầu năm	132.540.000.000
Ghi nhận trong năm	-
Số cuối năm	132.540.000.000

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

ĐVT: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Baker Hughes Asia Pacific Ltd.,	24.111.432.613	24.111.432.613	39.860.878.231	39.860.878.231
Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 36)	289.651.178.463	289.651.178.463	87.384.321.472	87.384.321.472
Các nhà cung cấp khác	101.939.093.513	101.939.093.513	170.461.372.687	170.461.372.687
	415.701.704.589	415.701.704.589	297.706.572.390	297.706.572.390

18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

ĐVT: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Doanh nghiệp Tư nhân Kim Hoàng	2.136.380.000	41.028.899.600
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Minh Dũng	15.204.420.000	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Phân bón Tuấn Vũ	34.004.400	14.691.125.500
Công ty TNHH VTNN Hưng Thạnh	1.500.000	11.569.140.000
Doanh nghiệp Tư nhân Trần Thị Ngoan	186.000.000	9.343.150.000
Doanh nghiệp Tư nhân Huỳnh Châu	6.618.499.680	6.618.499.680
Người mua là các bên liên quan (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 36)	169.381.671	282.258.938
Các khách hàng khác	44.293.732.281	54.767.890.653
	68.643.918.032	138.300.964.371

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

ĐVT: VND

Chỉ tiêu	Phát sinh trong năm			
	Số đầu năm	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Số cuối năm
Thuế và các khoản phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.981.297.298	-	32.879.866	3.948.417.432
Thuế thu nhập cá nhân	3.116.310.919	-	1.683.599.921	1.432.710.998
Cộng	7.097.608.217	-	1.716.479.787	5.381.128.430

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (TIẾP THEO)

ĐVT: VND

Chỉ tiêu	Phát sinh trong năm			
	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	Số cuối năm
Thuế và các khoản phải nộp				
Thuế GTGT hàng bán nội địa	3.549.902.535	29.200.059.968	27.751.309.623	4.998.652.880
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	13.562.103.647	13.562.103.647	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	55.094.222.381	55.094.222.381	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.838.967.187	150.052.191.531	144.064.079.451	16.827.079.267
Thuế thu nhập cá nhân	1.454.827.666	35.262.614.599	35.566.661.680	1.150.780.585
Thuế tài nguyên	137.998.560	2.237.126.786	2.112.962.786	262.162.560
Thuế bảo vệ môi trường	86.000	89.577.160	75.234.920	14.428.240
Thuế môn bài	-	25.000.000	25.000.000	-
Thuế nhà thầu nước ngoài	-	17.873.058.821	17.873.058.821	-
Các loại thuế khác	-	1.066.771.003	1.066.771.003	-
Cộng	15.981.781.948	304.462.725.896	297.191.404.312	23.253.103.532

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

ĐVT: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí an sinh xã hội	13.997.804.495	28.740.169.867
Phải trả về xây dựng cơ bản	430.795.403.163	29.030.879.273
Chi phí bảo dưỡng sửa chữa tại Nhà máy Đạm Phú Mỹ	11.838.368.461	-
Chi phí vận chuyển, bốc xếp	22.809.833.054	-
Chi phí lãi vay	41.691.165.925	-
Phải trả chi phí tiền khí tháng 12	-	44.570.336.403
Chi phí phải trả khác	59.097.927.833	76.024.862.728
	580.230.502.931	178.366.248.271

21. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

ĐVT: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả ngắn hạn khác		
Cổ tức phải trả	25.951.218.689	417.141.551.789
Phải trả chiết khấu	-	5.571.136.250
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	6.972.577.801	4.437.646.073
Phải trả ngắn hạn khác	21.401.739.812	18.405.941.413
	54.325.536.302	445.556.275.525
Phải trả dài hạn khác		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	960.870.000	960.870.000
	960.870.000	960.870.000

22. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

ĐVT: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Chi phí sửa chữa bảo dưỡng cho Nhà máy Đạm Phú Mỹ	-	199.470.502.806
	-	199.470.502.806
Dài hạn		
Trích trước chi phí sửa chữa bảo dưỡng năm 2020 cho Nhà máy Đạm Phú Mỹ	167.190.364.916	-
	167.190.364.916	-

Chỉ tiêu	Số đầu năm		Phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn						
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (i)	629.383.072.193	629.383.072.193	574.466.327.718	-	1.203.849.399.911	1.203.849.399.911
Vay ngắn hạn						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Định (ii)	-	-	63.370.000.000	33.370.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000
Cộng	629.383.072.193	629.383.072.193	637.836.327.718	33.370.000.000	1.233.849.399.911	1.233.849.399.911
Trong đó:						
Số phải trả trong vòng 12 tháng	-	-	-	-	201.978.458.702	201.978.458.702
Số phải trả sau 12 tháng	629.383.072.193	629.383.072.193	-	-	1.031.870.914.209	1.031.870.914.209

(i) Số dư vay và nợ thuê tài chính dài hạn phần ảnh hưởng theo Hợp đồng cho vay dự án số 639/2016/PVFFCO-PVB/HHTD ngày 25 tháng 10 năm 2016 giữa Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và Tổng Công ty với hạn mức vay là 2.628 tỷ đồng, nhằm mục đích bổ sung vốn đầu tư vào Dự án nâng công suất phân xưởng NH3 của Nhà máy Đạm Phú Mỹ và xây dựng Nhà máy sản xuất phân bón NPK công nghệ hóa học do Tổng Công ty làm chủ đầu tư. Thời hạn vay tối đa là 108 tháng, thời gian ân hạn tối đa là 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (ngày 09 tháng 02 năm 2017) hoặc một thời hạn sớm hơn do bên cho vay xác định khi dự án hoàn thành và bắt đầu có nguồn thu. Lãi suất cho vay được xác định bằng lãi suất tham chiếu cộng lãi suất biên (2,5%/năm). Lãi vay được trả 06 tháng/lần tính trên dư nợ thực tế.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, số tiền vay đã được giải ngân là 830.142.608.597 đồng và 16.076.868 Đô la Mỹ. Tổng Công ty đã thế chấp toàn bộ giá trị công trình xây dựng và máy móc thiết bị thuộc Dự án nâng công suất phân xưởng NH3 của Nhà máy Đạm Phú Mỹ và xây dựng Nhà máy sản xuất phân bón NPK công nghệ hóa học để đảm bảo cho khoản vay ngân hàng nêu trên.

(ii) Số dư vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phần ảnh hưởng giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Định và Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung với lãi suất là 6,3%/năm, nhằm mục đích thanh toán các khoản công nợ phải trả.

MẪU SỐ B 09-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

MẪU SỐ B 09-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	ĐVT: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trong vòng một năm	171.978.485.702	-
Trong năm thứ hai	171.978.485.702	89.911.867.456
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	515.935.457.104	269.735.602.368
Sau năm năm	343.956.971.403	269.735.602.369
	1.203.849.399.911	629.383.072.193
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	171.978.485.702	-
Số phải trả sau 12 tháng	1.031.870.914.209	629.383.072.193

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	ĐVT: VND					
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát
Số dư đầu năm trước	3.914.000.000.000	21.179.913.858	(2.296.824.120)	3.497.039.984.859	625.289.673.315	173.771.322.872
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	694.455.793.862	13.384.142.688
Trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(94.907.669.853)	(2.685.473.284)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(782.668.520.000)	(13.337.500.000)
Số dư cuối năm trước	3.914.000.000.000	21.179.913.858	(2.296.824.120)	3.497.039.984.859	442.169.277.324	171.132.492.276
Số dư đầu năm nay	3.914.000.000.000	21.179.913.858	(2.296.824.120)	3.497.039.984.859	442.169.277.324	171.132.492.276
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	699.593.467.601	12.880.733.113
Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi (1)	-	-	-	-	(92.710.063.683)	(2.820.021.228)
Chia cổ tức (2)	-	-	-	-	(391.334.260.000)	(13.225.000.000)
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	(449.881.276)	(149.960.427)
Số dư cuối năm nay	3.914.000.000.000	21.179.913.858	(2.296.824.120)	3.497.039.984.859	657.268.539.966	167.818.243.734

(1) Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập trong năm theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường của Tổng Công ty và các đơn vị thành viên.

(2) Trong năm 2018, Tổng Công ty đã công bố chi trả cổ tức còn lại từ lợi nhuận sau thuế năm 2017 là 391.334.260.000 đồng (1.000 đồng/cổ phần) theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 34/NQ-ĐHĐCĐ thông qua ngày 26 tháng 4 năm 2018, ngày chốt quyền nhận cổ tức là ngày 14 tháng 6 năm 2018. Tổng Công ty đã thực hiện chi trả hầu hết số cổ tức trên trong năm 2018.

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+) Cổ phiếu phổ thông	391.400.000	391.400.000
+) Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ		
+) Cổ phiếu phổ thông	65.740	65.740
+) Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+) Cổ phiếu phổ thông	391.334.260	391.334.260
+) Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103007696 ngày 31 tháng 8 năm 2007 và sửa đổi lần gần nhất ngày 16 tháng 01 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 3.914.000.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

Cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi		Vốn đã góp Số cuối năm	Vốn đã góp Số đầu năm
	VND	%	VND	VND
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	2.332.042.530.000	59,58	2.332.042.530.000	2.332.042.530.000
Các cổ đông khác	1.581.957.470.000	40,42	1.581.957.470.000	1.581.957.470.000
	3.914.000.000.000	100	3.914.000.000.000	3.914.000.000.000

Cổ tức

Theo Nghị quyết số 34/NQ-ĐHĐCĐ thông qua ngày 26 tháng 4 năm 2018 của Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty và Nghị quyết số 39/NQ-ĐHĐCĐ thông qua ngày 10 tháng 01 năm 2019, các cổ đông đã phê duyệt kế hoạch trích lập các quỹ, phân phối lợi nhuận và cổ tức năm 2018, theo đó tổng số cổ tức chi trả ước tính năm 2018 là 391.334.260.000 đồng tương ứng 10% mệnh giá cổ phiếu.

Tại ngày 31 tháng 01 năm 2019, Tổng Công ty đã công bố tạm ứng cổ tức đợt 1 bằng tiền từ lợi nhuận sau thuế năm 2018 là 195.667.130.000 đồng (500 đồng/cổ phần) theo Nghị quyết số 36/NQ-PBHC của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty thông qua ngày 31 tháng 01 năm 2019. Cổ tức chi trả thực tế cho các cổ đông sẽ được phê duyệt trong kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

Biến động của lợi ích cổ đông không kiểm soát trong năm như sau:

ĐVT: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm	128.750.000.000	17.408.375.673	24.974.116.603	171.132.492.276
Lợi nhuận trong năm	-	-	12.880.733.113	12.880.733.113
Trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	-	-	(2.820.021.228)	(2.820.021.228)
Chia cổ tức	-	-	(13.225.000.000)	(13.225.000.000)
Tặng/(giảm) khác	-	-	(149.960.427)	(149.960.427)
Số dư cuối năm	128.750.000.000	17.408.375.673	21.659.868.061	167.818.243.734

25. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

	Đơn vị	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại			
- Đô La Mỹ	USD	115.741	20.363
- Euro	EUR	32.538	32.549

26. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:

Tổng Công ty và các công ty con tổ chức bộ phận hoạt động kinh doanh trên cơ sở các đơn vị hoạt động tương đối đồng nhất về lĩnh vực và ngành nghề kinh doanh. Hoạt động chính của Tổng Công ty và các công ty con là sản xuất, kinh doanh phân đạm và các sản phẩm hóa chất.

Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đều liên quan đến hoạt động kinh doanh phân đạm và các sản phẩm hóa chất. Doanh thu, giá vốn theo từng mặt hàng và hoạt động sản xuất kinh doanh được trình bày tại Thuyết minh số 27.

Bộ phận theo khu vực địa lý:

Tổng Công ty thực hiện phân phối các sản phẩm phân bón, hóa chất, bao bì và cung cấp dịch vụ khắp cả nước thông qua các Công ty con tại từng khu vực bao gồm Miền Bắc, Miền Trung - Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, Tây Nam Bộ và Thành phố Hồ Chí Minh. Trong năm, Tổng Công ty thực hiện xuất khẩu với doanh thu khoảng hơn 43 tỷ đồng - chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Tổng Công ty. Do vậy, gần như toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty trong năm được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam.

27. DOANH THU VÀ GIÁ VỐN

ĐVT: VND

	Kinh doanh hàng hóa sản xuất trong nước	Kinh doanh hàng hóa nhập khẩu	Tổng cộng
Năm nay			
Doanh thu thuần	6.610.506.937.573	2.686.604.612.836	9.297.111.550.409
Giá vốn hàng bán	(4.852.910.819.135)	(2.544.729.439.758)	(7.397.640.258.893)
Lợi nhuận gộp	1.757.596.118.438	141.875.173.078	1.899.471.291.516
Năm trước			
Doanh thu thuần	5.516.498.406.100	2.479.330.687.819	7.995.829.093.919
Giá vốn hàng bán	(3.568.866.076.857)	(2.315.566.484.990)	(5.884.432.561.847)
Lợi nhuận gộp	1.947.632.329.243	163.764.202.829	2.111.396.532.072

Chi tiết doanh thu kinh doanh hàng hóa sản xuất trong nước như sau:

ĐVT: VND

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu kinh doanh Ure Phú Mỹ	5.769.151.733.192	5.100.033.667.750
Doanh thu kinh doanh NPK Phú Mỹ	320.761.353.497	-
Doanh thu kinh doanh Amoniac	408.336.425.927	166.905.812.347
Doanh thu kinh doanh điện	1.603.332.684	1.712.480.969
Doanh thu kinh doanh UFC 85%	115.667.755.424	92.365.700.381
Doanh thu khác	59.530.006.699	219.525.949.375
	6.675.050.607.423	5.580.543.610.822
Chiết khấu thương mại	64.543.669.850	64.045.204.722
	6.610.506.937.573	5.516.498.406.100
Doanh thu phát sinh trong năm với các bên liên quan (Chi tiết trình bày ở Thuyết minh số 36)	98.543.131.430	68.421.657.639

Chi tiết giá vốn kinh doanh hàng hóa sản xuất trong nước như sau:

ĐVT: VND

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn kinh doanh Ure Phú Mỹ	4.129.207.758.653	3.168.822.323.310
Giá vốn kinh doanh NPK Phú Mỹ	309.075.583.340	-
Giá vốn kinh doanh Amoniac	258.954.852.814	129.258.148.078
Giá vốn kinh doanh điện	2.961.237.111	2.642.794.187
Giá vốn kinh doanh UFC 85%	98.183.346.824	77.197.839.781
Giá vốn khác	54.528.040.393	190.944.971.501
	4.852.910.819.135	3.568.866.076.857

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

ĐVT: VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.659.146.392.565	2.598.164.830.092
Chi phí nhân công	492.459.098.269	550.733.668.953
Chi phí khấu hao	519.256.652.582	191.416.391.928
Chi phí dịch vụ mua ngoài	887.682.296.362	967.207.286.152
Chi phí khác bằng tiền	546.254.382.715	553.434.023.518
	6.104.798.822.493	4.860.956.200.643

29. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

ĐVT: VND

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	122.849.576.673	158.592.158.762
Cổ tức, lợi nhuận được chia	181.891.900	2.340.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	626.977.463	3.663.305.079
	123.658.446.036	164.595.463.841

30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

ĐVT: VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	62.586.468.519	186.427.398
Hoàn nhập dự phòng giảm giá khoản đầu tư dài hạn	(146.244.087)	(590.696.214)
Lỗ chênh lệch tỷ giá	11.355.986.774	1.748.114.598
Khác	1.783.157	35.462.502
	73.797.994.363	1.379.308.284

31. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

ĐVT: VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí vận chuyển, bốc xếp lưu kho	250.787.019.731	309.370.154.743
Chi phí nhân viên bán hàng	87.515.125.740	93.305.393.760
Chi phí an sinh xã hội, quảng cáo, truyền thông	131.248.631.173	238.075.506.216
Các khoản chi phí bán hàng khác	142.771.376.881	161.763.469.848
	612.322.153.525	802.514.524.567
Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên quản lý	147.339.970.519	193.688.864.041
Phí sử dụng dịch vụ của Tập đoàn	31.270.942.893	26.603.937.412
Chi phí khấu hao tài sản cố định	85.123.242.211	87.903.488.249
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	221.976.138.764	330.481.685.831
	485.710.294.387	638.677.975.533

32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

ĐVT: VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	130.996.067.924	141.942.071.760
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm trước bổ sung vào chi phí thuế TNDN hiện hành	16.303.752.044	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	147.299.819.968	141.942.071.760

33. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

ĐVT: VND

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	699.593.467.601	694.455.793.862
- Trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	(92.710.063.683)	(94.890.204.109)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	606.883.403.918	599.565.589.753
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	391.334.260	391.334.260
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.551	1.532

34. CÁC KHOẢN CAM KẾT**Cam kết thuê hoạt động**

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tổng Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

ĐVT: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trong vòng một năm	17.837.635.440	17.451.108.383
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	61.964.285.761	60.418.177.534
Sau năm năm	387.276.786.005	388.041.952.556
	467.078.707.206	465.911.238.473

Khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền Tổng Công ty và các đơn vị thành viên phải trả cho việc thuê đất để xây dựng nhà xưởng, kho bãi và thuê văn phòng.

Cam kết vốn

Theo Quyết định số 115/QĐ-PHBC ngày 08 tháng 4 năm 2014, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đã phê duyệt Dự án nâng công suất phân xưởng NH₃ của Nhà máy Đạm Phú Mỹ và xây dựng Nhà máy sản xuất phân NPK công nghệ hóa học, cung cấp và đáp ứng nhu cầu tiêu thụ NH₃ và phân NPK trong nước với tổng mức đầu tư là 4.987.200.000.000 đồng, dự án đã cơ bản hoàn thành và vận hành trong năm 2018. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2018, giá trị đã thực hiện đầu tư của dự án là 3.884.975.517.502 đồng.

Cam kết khác

Theo Phụ lục sửa đổi bổ sung số 06 được ký ngày 04 tháng 4 năm 2016 của Hợp đồng mua bán khí số 82/2010/PVGas-KTTT/TM-PVFCCo/B1 ngày 07 tháng 5 năm 2010 với Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019, giá khí được tính theo công thức tính giá khí được giao nhận tại điểm giao nhận khí như sau: Giá khí không bao gồm VAT (USD/MMBTU) = 46%*Giá dầu trung bình MFOC + cước phí bể Cừu Long áp dụng cho nhà máy Đạm Phú Mỹ. Mức cước phí tạm tính áp dụng cho năm 2018 là 0,98 USD/mmBTU, mức phí này sẽ được quyết toán theo phê duyệt của các cấp có thẩm quyền.

35. CÔNG NỢ TIẾM TÀNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tổng Công ty có các khoản cam kết bảo lãnh đối ứng với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ("Tập đoàn") liên quan đến nghĩa vụ bảo lãnh của Tập đoàn cho các khoản vay vốn ngắn và trung hạn của Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí ("PVTEX") - Công ty liên kết của Công ty, theo đó, Tổng Công ty cam kết hoàn trả cho Tập đoàn toàn bộ gốc vay, lãi vay, chi phí, lệ phí, tổn thất và phí tổn thất phát sinh mà Tập đoàn đã trả cho các ngân hàng tương ứng tỷ lệ vốn góp của Tổng Công ty tại PVTEX, việc hoàn trả được thực hiện trong vòng 45 ngày kể từ ngày Tập đoàn có công văn yêu cầu Tổng Công ty hoàn trả số tiền đã thanh toán.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tổng Công ty đã chuyển trả cho Tập đoàn để thực hiện nghĩa vụ cam kết bảo lãnh với số tiền tổng cộng là khoảng 107,8 tỷ đồng, số tiền này đang được theo dõi trên sổ dư phải thu khác PVTEX như trình bày tại Thuyết minh số 8.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, số dư gốc vay và lãi vay của PVTEX được đảm bảo bởi toàn bộ tài sản của Dự án "Nhà máy Sản xuất Xơ sợi Polyester Đình Vũ" cùng với bảo lãnh của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Tổng Công ty (như trình bày ở trên) với tổng giá trị tài sản đảm bảo là khoảng 5.400 tỷ đồng.

Theo Công văn số 9792/CV-KHDN ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam về việc cơ cấu khoản vay dự án xây dựng Nhà máy Sản xuất Xơ sợi Tổng hợp Polyester Đình Vũ, số tiền gốc và lãi cho giai đoạn từ ngày 21 tháng 6 năm 2017, đến ngày 21 tháng 12 năm 2019 (trả gốc 6 tháng/lần) là khoảng 1.103 tỷ đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tổng Công ty có khoản nợ phải trả tiềm tàng với số tiền là khoảng 286 tỷ đồng tương ứng tỷ lệ vốn góp của Tổng Công ty tại PVTEX tại thời điểm cuối năm. Nợ phải trả tiềm tàng trong các năm tiếp theo là chưa chắc chắn và phụ thuộc vào phương án xử lý các vấn đề tồn tại, tái khởi động Nhà máy và thu xếp nguồn trả nợ của PVTEX được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

36. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**Các bên liên quan chủ yếu của Tổng Công ty bao gồm:**

Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

Các công ty liên kết

Các công ty cùng Tập đoàn

Trong năm, Tổng Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

ĐVT: VND

	Năm nay	Năm trước
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam		
Cổ tức trả Tập đoàn	233.204.253.000	466.408.506.000
Phí sử dụng dịch vụ của Tập đoàn	31.270.942.893	26.603.937.412
	264.475.195.893	493.012.443.412
Bán hàng		
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP (DMC)	9.913.052.620	27.338.358.430
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (PV Gas)	16.460.101.818	22.207.214.182
Công ty TNHH Nhà nước MTV - Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	52.104.052.400	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc	15.253.204.800	14.845.859.687
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau (PVCFC)	4.812.719.792	4.030.225.340
	98.543.131.430	68.421.657.639
Mua hàng hóa, dịch vụ		
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP (PVGas)	2.848.063.774.202	2.081.523.052.776
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)	537.002.414.894	650.323.664.446
Công ty Cổ phần Bao Bi Đạm Phú Mỹ	220.695.316.310	197.925.200.620
Công ty Cổ phần PVI	102.549.394.743	36.551.509.378
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp dầu khí (Petrosetco)	13.039.616.559	1.382.123.378
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (PVTrans)	14.503.775.983	15.557.124.783
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu Khí Tổng Hợp Phú Mỹ	29.060.222.731	-
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau (PVCFC)	1.217.000.318	-
Tổng Công ty Bảo Dưỡng - Sửa chữa Công trình Dầu khí - CTCP (PVMR)	8.091.328.665	50.184.553.769
Viện Dầu khí Việt Nam (VPI)	1.247.374.610	2.099.789.784
Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Dịch vụ Kỹ Thuật Dầu Khí Biển	8.215.312.094	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	8.454.255.212	1.605.863.489
Công ty TNHH MTV Kiểm định Kỹ thuật An toàn Dầu khí Việt Nam	5.665.142.625	1.179.023.043
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	-	4.166.030.879
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - CTCP (PVOil)	32.307.506	1.280.000.000
	3.797.837.236.452	3.043.777.936.345

36. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 như sau:

	ĐVT: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng		
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau (PVCFC)	2.357.563.767	904.243.160
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP (PVGas)	2.331.912.000	337.920.000
Công ty Cổ phần Hoá Dầu và Xơ Sợi Dầu khí (PVTEX)	195.253.105	195.253.105
Công ty TNHH Nhà nước MTV - Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	9.474.124.000	6.731.142.000
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)	1.860.734.745	939.903.257
Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam (PVI)	-	1.817.157.911
	16.219.587.617	10.925.619.433
Trả trước cho người bán		
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (PVC Mekong)	4.860.607.417	4.860.607.417
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	-	22.013.374.648
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP	-	270.745.200
Tổng Công ty Bảo Dưỡng - Sửa chữa Công trình Dầu khí - CTCP	-	3.049.148.944
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí (PVMTC)	-	680.819.747
Công ty cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	17.900.310.000	-
	22.760.917.417	30.874.695.956
Phải thu ngắn hạn khác		
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam (PVFI)	110.143.267.289	110.143.267.289
Công ty Cổ phần Hoá Dầu và Xơ Sợi Dầu khí (PVTEX)	114.509.081.543	114.384.102.264
	224.652.348.832	224.527.369.553
Phải trả người bán		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.506.945.892	-
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP (PVGas)	234.392.662.645	-
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	29.566.736.449	69.281.839.652
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	3.221.660.677	4.271.216.900
Tổng Công ty Bảo Dưỡng - Sửa chữa Công trình Dầu khí - CTCP	-	2.580.913.665
Viện Dầu khí Việt Nam (VPI)	738.696.180	182.538.616
Công ty Bảo hiểm PVI TP.Hồ Chí Minh	1.616.943.611	1.123.690.309
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp dầu khí (Petrosetco)	634.728.901	9.428.562
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (PVTrans)	1.320.968.908	2.522.849.988
Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	16.651.835.200	7.411.843.780
	289.651.178.463	87.384.321.472

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 như sau (Tiếp theo):

	ĐVT: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước		
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP (PVGas)	139.075.313	138.315.313
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP (DMC)	30.306.358	143.943.625
	169.381.671	282.258.938
Chi phí phải trả		
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	-	44.570.336.403
	-	44.570.336.403
Vay		
"Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh"	1.203.849.399.911	629.383.072.193
	1.203.849.399.911	629.383.072.193
Phải trả ngắn hạn khác		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - Cổ tức phải trả	-	233.204.253.000
	-	233.204.253.000

37. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 465.590.840.231 đồng (năm 2017: 111.518.309.997 đồng), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

38. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 01 năm 2019, Tổng Công ty đã công bố tạm ứng cổ tức đợt 1 bằng tiền từ lợi nhuận sau thuế năm 2018 là 195.667.130.000 đồng (500 đồng/cổ phần) theo Nghị quyết số 36/NQ-PBHC của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty được thông qua ngày 31 tháng 01 năm 2019. Cổ tức chi trả thực tế cho các cổ đông sẽ được phê duyệt trong kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

Trần Xuân Thảo
Người lập biểu

Võ Ngọc Phương
Kế toán trưởng

Lê Cự Tân
Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 3 năm 2019

(Báo cáo tài chính của công ty mẹ - xin vui lòng xem tại website của Tổng công ty www.dpm.vn)



TỔNG CÔNG TY
PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ
MCK: DPM

Địa chỉ

43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. HCM

Điện thoại

(84.28) 3825 6258

Fax

(84.28) 3825 6269

Website

www.dpm.vn